UỶ BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 4103005941 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM cấp đăng ký lần đầu ngay 18/1/2007, đăng ký thay đổi lần đầu ngày 2/4/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 26/7/2007)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 391/ĐKCB do Chủ tịch Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 15. tháng. 4. năm 2009)

TỔ CHỨC TƯ VẤN PHÁT HÀNH:
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt

Viet Capital Securities

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT	67 Hàm Nghi Quận 1 TP.Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84-8) 896 6608	Fax: (84-8) 896 7635
CÔNG TY CP XI MĂNG HÀ TIÊN 1	Km 8 Đường Hà Nội Q.Thủ Đức Tp. HCM
Điện thoại: (84-8) 914 3588	Điện thoại: (84-8) 914 3209

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Ông Mai Anh Tài – Chức vụ: Phó Giám đốc Công ty
Điện thoại: (84-8) 896 6608 Fax: (84-8) 896 7635

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO 4

1. RỦI RO KINH TẾ 4

2. RỦI RO LUẬT PHÁP 7

3. RỦI RO BIẾN ĐỘNG GIÁ NGUYÊN VẬT LIỆU 7

4. RỦI RO NGÀNH 7

5. RỦI RO CỦA ĐỢT CHÀO BÁN, CỦA DỰ ÁN SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN 8

6. RỦI RO VỀ GIÁ CỔ PHIẾU BỊ PHA LOÃNG 8

7. RỦI RO KHÁC 9

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH 10

1. TỔ CHỨC PHÁT HÀNH 10

2. TỔ CHỨC TƯ VẤN PHÁT HÀNH 10

III. CÁC KHÁI NIỆM 11

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH 12

1. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN 12

2. CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ 16

3. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NẮM GIỮ TỪ TRÊN 5% VỐN CỔ PHẦN CỦA CÔNG TY TẠI THỜI ĐIỂM 11/11/2008 25

4. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP 25

5. DANH SÁCH NHỮNG CÔNG TY MẸ VÀ CÔNG TY CON CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH 26

6. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 26

6.1 Sản lượng sản phẩm qua các năm 26

6.2 Nguyên vật liệu 28

6.3 Chi phí sản xuất 30

6.4 Trình độ công nghệ 32

6.5 Nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới 35

6.6 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm và dịch vụ 35

6.7 Hoạt động Marketing 35

6.8 Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền 37

6.9 Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã ký kết năm 2008 38

6.10 Hoạt động bảo vệ môi trường 38

7. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG NHỮNG NĂM GẦN NHẤT 39

7.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2006, 2007 và Năm 2008 39

7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong những năm qua 40

8. VỊ THẾ CỦA CÔNG TY SO VỚI CÁC DOANH NGHIỆP KHÁC TRONG NGÀNH 42

8.1 Vị thế của Công ty trong ngành 42

8.2 Triển vọng phát triển của ngành 46

9. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG 48

9.1 Số lượng người lao động trong Công ty 48

9.2 Chính sách đối với người lao động 49

10. CHÍNH SÁCH CỔ TỨC 49

11. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH 50

11.1 Các chỉ tiêu cơ bản 50

11.2 Các chỉ tiêu đánh giá thực trạng tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 55

12. DANH SACH HỘI DỒNG QUẢN TRị, BAN GIAM DỐC, BAN KIỂM SOAT, KẾ TOAN TRƯỞNG 56

12.1 Danh sách thành viên Hội đồng quản trị 56

12.2 Danh sách thành viên Ban Kiểm soát 63

12.3 Danh sách Ban Giám đốc 67

12.4 Kế toán trưởng – Ông Phạm Đình Nhật Cường 69

13. TÀI SẢN 69

13.1 Tình hình khấu hao tài sản 69

13.2 Tình hình sử dụng đất đai, nhà xưởng 70

14. KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC GIAI ĐOẠN 2007- 2010 70

14.1 Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Xi măng Hà Tiên 1 70

14.2 Các dự án đầu tư của Xi măng Hà Tiên 1 71

15. ĐÁNH GIÁ CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN VỀ KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC 72

16. THÔNG TIN VỀ NHỮNG CAM KẾT NHƯNG CHƯA THỰC HIỆN CỦA CÔNG TY 72

17. CÁC THÔNG TIN TRANH CHẤP KIỆN TỤNG LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TY CÓ THỂ GÂY ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CHỨNG KHOÁN 72

V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN RA CÔNG CHÚNG 73

1. LOẠI CỔ PHIẾU: 73
2. MỆNH GIÁ: 73
3. TỔNG SỐ CỔ PHIẾU DỰ KIẾN CHÀO BÁN: 73
4. GIÁ CHÀO BÁN DỰ KIẾN: 73
5. PHƯƠNG PHÁP TÍNH GIÁ: 73
6. PHƯƠNG THỨC PHÂN PHỐI 73
7. THỜI GIAN PHÂN PHỐI CỔ PHIẾU DỰ KIẾN: 74
8. KẾ HOẠCH ĐĂNG KÝ MUA CỔ PHIẾU: 76
9. PHƯƠNG THỨC THỰC HIỆN QUYỀN MUA TRƯỚC CỔ PHIÊU PHÁT HÀNH THÊM CỦA CỔ ĐÔNG HIÊN HỮU: 78
10. GIỚI HẠN VỀ TỶ LỆ NẮM GIỮ ĐỐI VỚI NGƯỜI NƯỚC NGOÀI 79
11. SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU HẠN CHẾ CHUYỂN NHƯỢNG THEO QUY ĐỊNH CỦA LUẬT HOẶC TỔ CHỨC PHÁT HÀNH 79
12. CÁC LOẠI THUẾ CÓ LIÊN QUAN 79
13. NGÂN HÀNG MỞ TÀI KHOẢN PHONG TỎA NHẬN TIỀN MUA CỔ PHẦN: 80

VI. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN RIÊNG LẺ 80

VII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN 81

1. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN: 81
2. PHƯƠNG ÁN KHẢ THI 81

VIII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN 87

IX. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN 88

1. TỔ CHỨC CHÀO BÁN 88

2. TỔ CHỨC TƯ VẤN VÀ BẢO LÃNH PHÁT HÀNH 88

3. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN 88

X. PHỤ LỤC 88

PHỤ LỤC I : GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ KINH DOANH 88
PHỤ LỤC II : ĐIỀU LỆ CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1 88
PHỤ LỤC III : BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN NĂM 2005 88
PHỤ LỤC IV : BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN NĂM 2006 88
PHỤ LỤC V : BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN TẠI NGÀY 17/01/2007 88
PHỤ LỤC VI : BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN NĂM 2007 88
PHỤ LỤC VII : BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III/2008 88

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. RỦI RO KINH TẾ

Là một doanh nghiệp hoạt động tại Việt Nam, hoạt động kinh doanh của Hà Tiên 1 chịu một số ảnh hưởng nhất định từ những biến động của nền kinh tế Việt Nam. Một số yếu tố chính tác động trực tiếp đến nền kinh tế nói chung và hoạt động kinh doanh của Hà Tiên 1 nói riêng sẽ được phân tích sau đây:

a. Tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế:

Việt Nam được đánh giá là một trong những nước mới nổi có tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao và ổn định. Theo số liệu thống kê, tốc độ tăng trưởng GDP (Tổng sản phẩm nội địa) trong 5 (năm) năm trở lại đây dao động trong khoảng từ 7,3% - 8,5%/năm cụ thể, năm 2003 đạt 7,3%, năm 2004 đạt 7,8 %, năm 2005 đạt 8,4%, năm 2006 đạt 8,17%, năm 2007 đạt 8,5% và ước tính năm 2008 sẽ đạt 7,0%.

Năm 2008 là một năm đầy khó khăn và thách thức đối với nền kinh tế Việt Nam. Hàng loạt những bất ổn về tình hình tài chính đã tác động mạnh mẽ đến tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế trong nước. Với mục tiêu ưu tiên kìm chế lạm phát, Chính phủ đã chính thức cắt giảm mức tăng trưởng GDP năm 2008 từ 8,5% xuống còn 6,23%/năm.

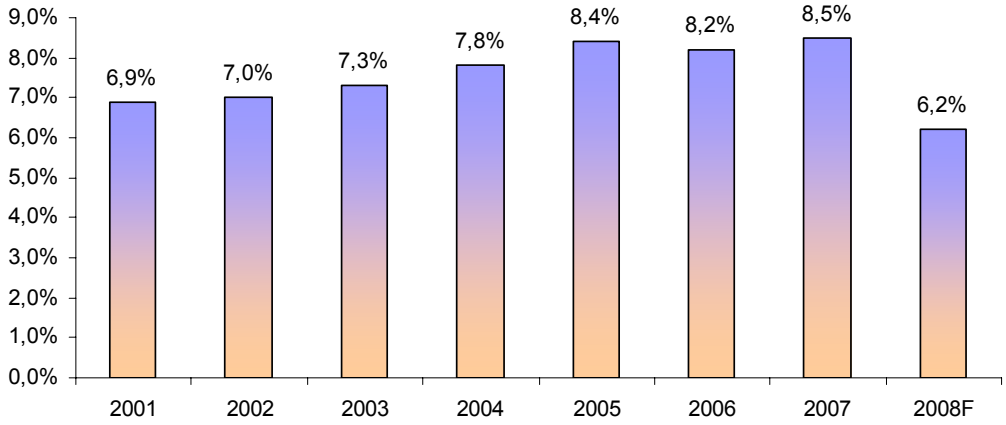

TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG GDP TỪ 2001 – 2008

(theo số liệu cục thống kê)

Xu hướng tăng trưởng GDP chung

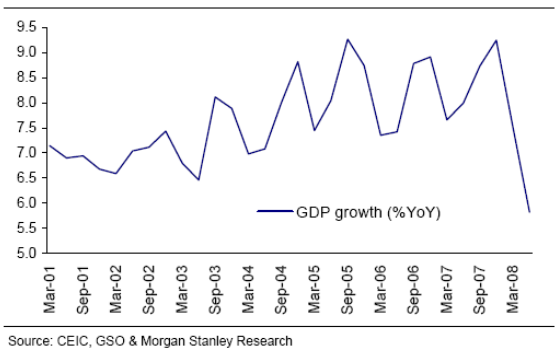

Xu hướng tăng trưởng GDP chi tiết

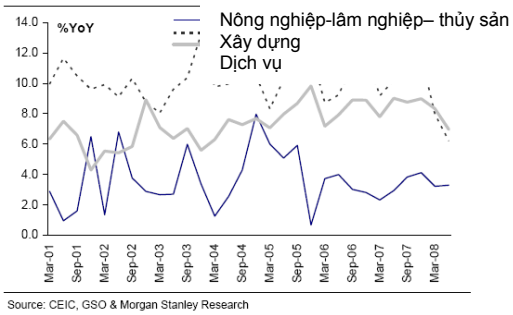

(Theo báo cáo của Morgan Stanley)

Sự phát triển khá ổn định và bền vững của nền kinh tế sẽ là nền tảng vững chắc cho sự phát triển của các ngành nghề kinh doanh mà đặc biệt là ngành xây dựng cơ bản.

Thêm vào đó, nền kinh tế Việt Nam là một nền kinh tế đang phát triển, tiềm năng phát triển còn rất lớn, Chính phủ cũng đang chú trọng đến việc phát triển cơ sở hạ tầng. Hàng loạt các dự án xây dựng khu công nghiệp, khu thương mại, khu đô thị mới, căn hộ cao cấp, nâng cấp, cải tạo hệ thống đường xá…đã và đang được Chính phủ phê duyệt và triển khai. Điều này sẽ tác động tích cực đến sự phát triển ngành xi măng Việt Nam trong tương lai.

Theo Hiệp hội Xi măng Việt Nam, nhu cầu tiêu thụ xi măng trong các năm tới vẫn tiếp tục tăng trưởng mạnh do Việt Nam đã gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO: *World Trade Organization*) nên có nhiều cơ hội đẩy mạnh hợp tác kinh tế quốc tế và phát triển đất nước, nhất là mức đầu tư cho xây dựng ngày càng tăng.

b. Lam phát:

Là một trong những doanh nghiệp Nhà Nước được cổ phần hóa, Công ty cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 vẫn mang trọng trách bình ổn nền kinh tế nói chung và thị trường xi măng nói riêng. Chính vì vậy, mức lạm phát của nền kinh tế có ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Trong năm 2008, để kìm chế tốc độ tăng trưởng lạm phát, xi măng là một trong những mặt hàng được Chính phủ sử dụng để điều tiết nền kinh tế vĩ mô. Giá xi măng đã được giữ và bình ổn trong 6 tháng đầu năm khi hầu hết các mặt hàng khác đều tăng làm chỉ số CPI (chỉ số giá tiêu dùng) tăng đáng kể.

Tuy vậy, Công ty vẫn có chính sách điều hành kinh doanh để tối đa hóa lợi nhuận trong hoạt động kinh doanh và mang lại lợi ích cho cổ đông trong những điều kiện khó khăn như đã đề cập ở trên như quản lý chặt chẽ các khoản chi phí đầu vào, giảm bớt những chi phí không mang lại hiệu quả kinh doanh cho Công ty…

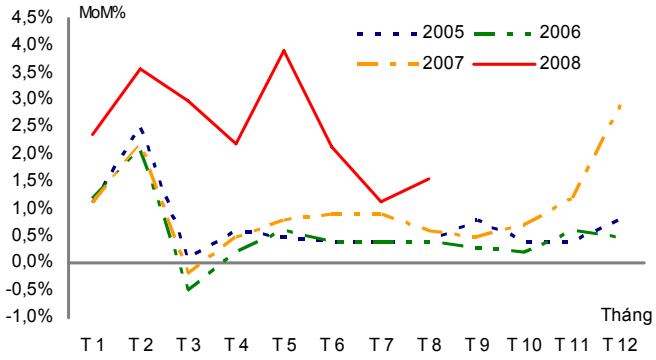

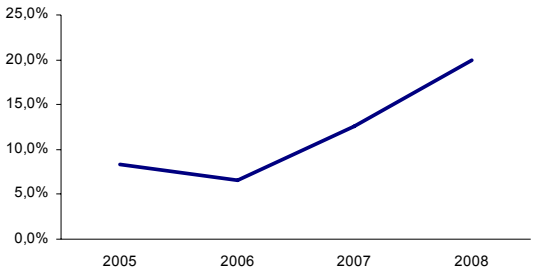

Nguồn: Tổng cục thống kê

BIỂU ĐỒ: MỨC TĂNG CPI TỪNG THÁNG

BIỂU ĐỒ: MỨC TĂNG CPI SO VỚI THÁNG 12 NĂM TRƯỚC

c. Chính sách tiền tệ:

Chính sách tiền tệ là một trong những công cụ để Nhà nước sử dụng để điều tiết nền kinh tế vĩ mô. Do vậy, sự thay đổi trong chính sách tiền tệ của Nhà nước cũng ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp hoạt động dưới sự quản lý của Nhà nước Việt Nam.

Trong nhiều năm qua, chính sách tiền tệ đã được duy trì theo hướng ổn định lãi suất danh nghĩa và làm giảm giá nhẹ đồng Việt Nam so với USD. Tuy nhiên trong năm 2008, cùng với nguy cơ khủng hoảng kinh tế Việt Nam và thế giới một loạt các yếu tố ảnh hưởng đến tỷ giá cũng như lãi suất gây áp lực lớn cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

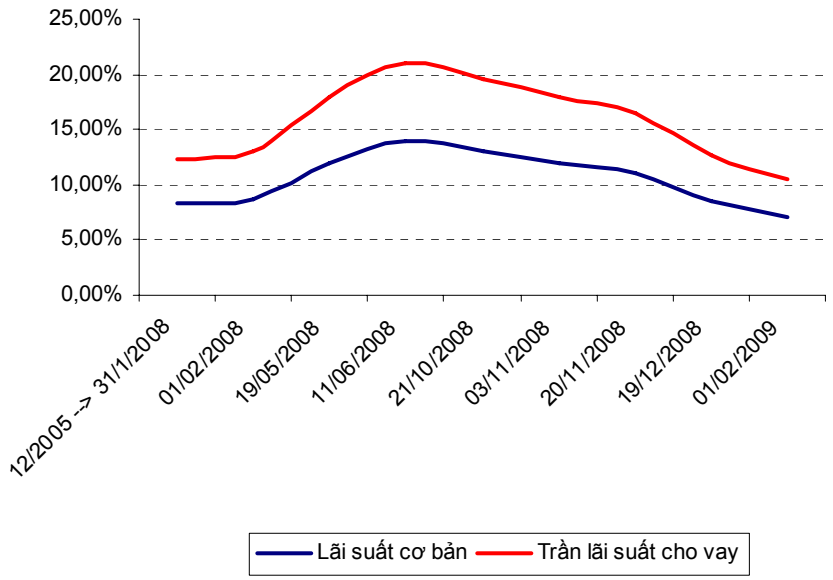

Nguồn: ngân hàng nhà nước Việt Nam

BIỂU ĐỒ: BIẾN ĐỘNG LÃI SUẤT TỪ THÁNG 12/2005 ĐẾN THÁNG 2/2009

Với mục tiêu kìm chế lạm phát, ngân hàng nhà nước đã áp dụng chính sách thắt chặt tiền tệ, giảm lượng cung tiền trong lưu thông thông qua việc tăng lãi suất cơ bản. Chỉ trong 6 tháng đầu năm Ngân hàng Nhà nước đã 3 lần điều chỉnh lãi suất cơ bản. Với mức vốn đầu tư khá lớn cho hai dự án nhà máy xi măng của Hà Tiên 1 mà 90% huy động từ nguồn vốn vay, Công ty đã chịu áp lực khá lớn từ việc tăng lãi suất cho vay của các đơn vị cho vay. Tuy nhiên trong những tháng cuối năm, với các chính sách đúng đắn của Nhà nước, tình hình lãi suất trên thị trường tài chính đã bớt căng thẳng.

Chịu những tác động từ sự suy thoái của nền kinh tế Mỹ, tỷ giá đồng Việt Nam so với USD đã có những biến động đột biến trong nửa đầu năm 2008. Hà Tiên 1 chủ yếu bán hàng trong nước thu bằng tiền Việt nhưng lại nhập khẩu clinker thanh toán bằng tiền USD do vậy, Công ty cũng phải đối mặt với những rủi ro về biến động tỷ giá.

Trong những tháng đầu năm 2008, ảnh hưởng giảm giá USD so với đồng Việt Nam mang lại nhiều thuận lợi cho nhà nhập khẩu như Hà Tiên 1.

Trong năm, Công ty đã gặp một số khó khăn khi đồng USD liên tục tăng giá so với đồng Việt Nam, khó khăn trong việc chuyển đổi USD để thanh toán cho nhà cung cấp. Nhận thấy được những rủi ro về biến động tỷ giá, Công ty đã linh hoạt có kế hoạch sử dụng các dịch vụ hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn để giảm thiểu loại rủi ro này.

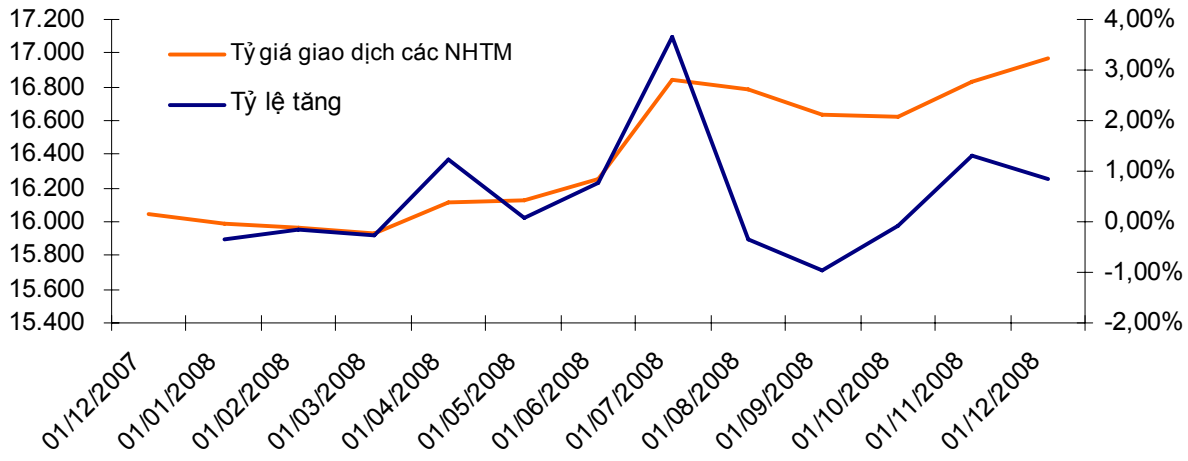

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam – www.sbv.gov.vn

BIỂU ĐỒ: BIẾN ĐỘNG TỶ GIÁ TRONG NĂM 2008

2. RỦI RO LUẬT PHÁP

Là doanh nghiệp Nhà nước chuyển sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần, hoạt động của Công ty cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật về cổ phần hóa, chứng khoán và thị trường chứng khoán, Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi xảy ra thì sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của doanh nghiệp.

3. RỦI RO BIẾN ĐỘNG GIÁ NGUYÊN VẬT LIỆU

Trong những năm tới nguồn than của Công ty có khả năng bị thiếu hụt do khả năng cung cấp và giá cả sẽ biến động lớn, do ngành than nhiều lần yêu cầu tăng giá, nguồn cung cấp than sẽ cạn kiện dần. Ngoài ra, giá nhập khẩu thạch cao, clinker liên tục tăng, cộng với khó khăn về vận tải và cước phí tăng cao. Việc tăng giá và sự không ổn định của nguồn nguyên vật liệu sẽ ảnh hưởng rất lớn đến khả năng sản xuất và sẽ làm giảm doanh thu, lợi nhuận của công ty.

4. RỦI RO NGÀNH

Hiện nay, trong nước có khoảng 14 nhà máy xi măng lò quay, dự kiến tổng công suất thiết kế là 21,5 triệu tấn/năm ; 55 cơ sở xi măng lò đứng, lò quay chuyển đổi, dự kiến tổng công

suất thiết kế 5 triệu tấn/năm; một số trạm nghiền độc lập với tổng công suất thiết kế 6 triệu tấn mỗi năm. Đồng thời theo dự báo thời gian sắp tới sản lượng xi măng sẽ tiếp tục tăng do việc triển khai đầu tư xây dựng 31 dự án xi măng lò quay, tổng công suất thiết kế khoảng hơn 30 triệu tấn với sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế khác nhau. Công ty sẽ chịu sự cạnh tranh rất lớn từ các doanh nghiệp này. Đồng thời, khi Việt Nam gia nhập các tổ chức thương mại của thế giới, khu vực, thuế nhập khẩu giảm chỉ còn từ 0% - 5%, khi đó Công ty sẽ phải đối mặt trực tiếp với sản phẩm nhập khẩu từ các quốc gia khác, gặp phải sự cạnh tranh gay gắt về giá.

5. RỦI RO CỦA ĐỢT CHÀO BÁN, CỦA DỰ ÁN SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Đợt chào bán cổ phiếu của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được tài trợ cho hai dự án là Trạm tiếp nhận, nghiền và phân phối xi măng phía Nam và Nhà máy xi măng Bình Phước.

Số cổ phiếu phát hành cho các cổ đông hiện hữu nếu phân phối không hết do các cổ đông không thực hiện hoặc thực hiện không hết quyền sẽ được HĐQT thực hiện phân phối tiếp cho Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng hoặc các cổ đông khác trên cơ sở đảm bảo quyền lợi của cổ đông và Công ty. Do vậy rủi ro của đợt chào bán được giảm thiểu.

Trong trường hợp Công ty vẫn không thể chào bán tiếp cho các đối tượng trên để phân phối số cổ phiếu không phân phối hết do các cổ đông không thực hiện quyền hoặc thực hiện không hết quyền, Công ty sẽ có kế hoạch sử dụng vốn vay thay thế để đảm bảo dự án được thực hiện theo đúng kế hoạch đã xây dựng.

6. RỦI RO VỀ GIÁ CỔ PHIẾU BỊ PHA LOÃNG

Giá giao dịch của cổ phiếu HT1 sẽ bị pha loãng và được điều chỉnh giảm theo tỷ lệ phát hành và giá phát hành tại thời điểm chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm.

Tại thời điểm chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, giá thị trường HT1 sẽ được Sở Giao dịch chứng khoán Tp.HCM điều chỉnh theo công thức như sau:

$$\text{Giá thị trường (điều chỉnh)} = \frac{PR(t-1) + I * PR}{1 + I}$$

(Nguồn: website UBCKNN)

Trong đó:

PR(t – 1) là giá giao dịch của HT1 ngày trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền

PR là giá cổ phiếu sẽ bán cho trong đợt phát hành thêm

I tỷ lệ vốn tăng

Ví dụ: Giá giao dịch ngày trước ngày chốt danh sách: 17.200 đ/cp

Giá cổ phiếu phát hành thêm: 13.000 đ/cp

Tỷ lệ vốn tăng	26,44%

Như vậy giá điều chỉnh tại ngày chốt danh sách thực hiện quyền: 16.300 đ/cp

7. RỦI RO KHÁC

Hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro khác như rủi ro do thiên tai, sự ảnh hưởng những biến động chính trị, xã hội trên thế giới, chiến tranh, bệnh dịch... làm giảm lợi nhuận của Công ty hoặc làm cho các khách hàng truyền thống có thể bị giảm sút và các thị trường tiềm năng có thể mất ổn định. Những rủi ro này dù ít hay nhiều cũng sẽ có những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Ông Nguyễn Ngọc Anh	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Ngô Minh Lãng	Chức vụ: Giám đốc
Ông Mai Anh Tài	Chức vụ: Phó Giám đốc
Ông Mai Văn Yên	Chức vụ: Phó Giám đốc
Ông Hoàng Kim Cường	Chức vụ: Phó Giám đốc
Ông Phạm Đình Nhật Cường	Chức vụ: Trưởng Phòng Kế toán - TK-TC
Ông Trần Minh Huy	Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. TỔ CHỨC TƯ VẤN PHÁT HÀNH

Ông **Huỳnh Richard Lê Minh** Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn phát hành với Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Các từ hoặc nhóm từ được viết tắt trong Bản cáo bạch:

Chữ viết tắt		*Nghĩa đầy đủ*
Công ty	:	*Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1*
Hà Tiên 1	:	*Tên viết tắt của Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1*
CNĐKKD	:	*Chứng nhận đăng ký kinh doanh*
CBCNV	:	*Cán bộ công nhân viên*
PCCC	:	*Phòng cháy chữa cháy*
CTCP	:	*Công ty Cổ phần*
Thuế TNDN	:	*Thuế thu nhập doanh nghiệp*
Tổ chức phát hành	:	*Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1*
SGDCK	:	*Sở Giao dịch Chứng khoán*
Người có liên quan	:	*Gồm những đối tượng được quy định tại Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11*
UBCKNN	:	*Ủy ban Chứng khoán Nhà nước*
TKTC	:	*Thống kê tài chính*
HĐQT	:	*Hội đồng quản trị*
BKS	:	*Ban kiểm soát*
UBND	:	*Ủy ban Nhân dân*
KCS	:	*Kiểm tra chất lượng*
MN1	:	*Máy nghiền 1*
MN2	:	*Máy nghiền 2*
MN3	:	*Máy nghiền 3*
MN4	:	*Máy nghiền 4*
ATLĐ	:	*An toàn lao động*
VSLĐ	:	*Vệ sinh lao động*
CLPT – XDCB	:	*Chiến lược phát triển – xây dựng cơ bản*
ERP	:	*Kế hoạch quản trị các nguồn lực doanh nghiệp*
TCVN	:	*Tiêu chuẩn Việt Nam*
NPPC	:	*Nhà phân phối chính*
Khu vực IV	:	*Từ Long An đến Bình Thuận, các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên*

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

a. *Lịch sử hình thành*

- Công ty Xi măng Hà Tiên 1 tiền thân là Nhà máy Xi măng Hà Tiên do hãng VENOT.PIC của Cộng hòa Pháp cung cấp thiết bị. Năm 1964, Nhà máy chính thức đưa vào hoạt động với công suất ban đầu là 240.000 tấn clinker/năm tại Kiên Lương, 280.000 tấn xi măng/năm tại Nhà máy Thủ Đức.
- Năm 1974, Nhà máy Xi măng Hà Tiên đã ký thỏa ước tín dụng và hợp tác với hãng POLYSIUS (Pháp) để mở rộng nhà máy, nâng công suất thiết kế từ 300.000 tấn xi măng/năm lên đến 1.300.000 tấn xi măng/năm. Thỏa ước này sau giải phóng được chính quyền Cách Mạng trưng lại vào năm 1977.
- Năm 1981, Nhà máy xi măng Hà Tiên được tách ra thành Nhà máy xi măng Kiên Lương và Nhà máy xi măng Thủ Đức. Và đến năm 1983, hai Nhà máy được sáp nhập và đổi tên là Nhà máy Liên Hợp xi măng Hà Tiên .
- Ngày 19/08/1986, Máy nghiền số 3 chính thức đi vào hoạt động và đến tháng 2/1991 dây chuyền nung clinker ở Kiên Lương cũng được đưa vào hoạt động đưa công suất của toàn Nhà máy lên 1.300.000 tấn xi măng/năm.
- Năm 1993, Nhà máy lại tách thành hai công ty là Nhà máy Xi măng Hà Tiên 2 (Cơ sở sản xuất tại Kiên Lương) với công suất là 1.100.000 tấn clinker/năm và 500.000 tấn xi măng/năm; Nhà máy Xi măng Hà Tiên 1 (cơ sở sản xuất tại Thủ Đức - Tp HCM) với công suất là 800.000 tấn xi măng/năm.
- Ngày 01/04/1993, Công ty Cung ứng Vật tư số 1 được sáp nhập vào Nhà máy Xi măng Hà Tiên 1 theo quyết định số 139/BXD – TCLĐ của Bộ Xây dựng.
- Ngày 30/09/1993, Nhà máy Xi măng Hà Tiên 1 được đổi thành Công ty Xi măng Hà Tiên 1 theo quyết định số 441/BXD-TCLĐ của Bộ Xây Dựng.
- Ngày 03/12/1993, Công ty Xi măng Hà Tiên 1 đã ký hợp đồng liên doanh với tập đoàn Holderbank - Thụy Sĩ thành lập Công ty Liên Doanh Xi măng Sao Mai có công suất là 1.760.000 tấn xi măng/năm. Tổng vốn đầu tư 441 triệu USD, vốn pháp định 112,4 triệu USD trong đó Công ty Xi măng Hà Tiên 1 đại diện 35% tương đương 39,34 triệu USD.
- Tháng 04/1995, được thừa ủy nhiệm liên doanh giữa Tổng Công ty Xi măng Việt Nam với Supermix Asia Pte Ltd (Malaysia và Singapore), Công ty tham gia Liên Doanh Bê Tông Hỗn Hợp Việt Nam (SPMV) với công suất thiết kế 100.000m^3 bê tông /năm. Vốn pháp định là 1 triệu USD trong đó Công ty xi măng Hà Tiên 1 đại diện 30% tương đương 0,3 triệu USD.

- Để xử lý triệt để tình trạng ô nhiễm môi trường, Công ty đã xây dựng dự án đầu tư cải tạo môi trường và nâng cao năng lực sản xuất. Tháng 11/1994 dự án đã được Chính phủ phê duyệt với tổng kinh phí là 23.475.000 USD, công trình đã khởi công ngày 15/06/99 và đã hoàn tất đưa vào hoạt động từ 2001, nâng công suất sản xuất của Công ty thêm 500.000 tấn xi măng/năm (Tổng công suất là 1.300.000 tấn xi măng/năm).
- Ngày 21/01/2000, Công ty Xi măng Hà Tiên 1 đã thực hiện cổ phần hoá Xí nghiệp Vận tải trực thuộc Công ty thành Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên, trong đó Công ty Xi măng Hà Tiên 1 nắm giữ 30% cổ phần tương đương 14,4 tỷ đồng.
- Ngày 06/02/2007, Công ty Xi măng Hà Tiên 1 đã chính thức làm lễ công bố chuyển từ doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 1774/QĐ-BXD của Bộ Xây dựng về việc điều chỉnh phương án cổ phần và chuyển Công ty Xi măng Hà Tiên 1 thành Công ty cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 và chính thức hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005941 của Sở Kế hoạch – Đầu tư Tp.HCM cấp ngày 18/01/2007 với vốn điều lệ ban đầu là 870 tỷ đồng.

b. *Quá trình phát triển*

Hơn 40 năm qua, Công ty cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 là đơn vị chủ lực của Tổng Công ty Xi măng Việt Nam tại miền Nam. Công ty đã cung cấp cho thị trường trên 33.000.000 tấn xi măng các loại với chất lượng cao, ổn định, phục vụ các công trình trọng điểm cấp quốc gia, các công trình xây dựng công nghiệp và dân dụng.

- Từ năm 1999, Hà Tiên 1 đã tổ chức lại công tác tiêu thụ sản phẩm theo phương châm tạo thuận lợi nhất, cùng các dịch vụ tốt nhất cho khách hàng.
- Nhằm đảm bảo cho sự phát triển không ngừng và bền vững, ngoài việc sản xuất xi măng, bên cạnh đó Công ty thực hiện đa dạng hóa sản phẩm gồm: gạch các loại, vữa xây tô, cát tiêu chuẩn.... để đáp ứng nhu cầu và đưa sản phẩm vào thị trường tiêu thụ. Hiện nay Công ty chưa đáp ứng đủ lượng cầu của thị trường, do đó Công ty đã triển khai thực hiện đồng thời hai dự án đầu tư với tổng sản lượng đạt 3.200.000 tấn xi măng/năm, cụ thể:
  - Dự án nhà máy xi măng Bình Phước tại xã Thanh Lương, huyện Bình Long Tỉnh Bình Phước với công suất 1.760.000 tấn clinker/năm và 2.200.000 tấn xi măng/năm.
  - Dự án Trạm tiếp nhận, nghiền và phân phối xi măng phía Nam tại Khu công nghiệp Phú hữu, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh với công suất 1.000.000 tấn xi măng/năm.

Một số chỉ tiêu tài chính của Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 qua các năm

Stt	Sản phẩm	Đơn vị tính	Năm 2005	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008
1	Sản lượng sản xuất	Tấn	2.421.871	2.527.453	2.338.121	2.392.457
2	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	2.414.830	2.510.824	2.565.363	2.392.457
3	Doanh thu thuần	Tr.đồng	1.973.557	2.137.235	2.192.928	2.545.215
4	Lợi nhuận	Tr.đồng	65.013	66.020	100.339	70.476

Nguồn: Hà Tiên 1

Những thành tích Hà Tiên 1 đạt được trong những năm qua.

- Giải thưởng Hàng Việt Nam chất lượng cao do người tiêu dùng bình chọn liên tục từ năm 1997 đến nay.
- Liên tục trong hai năm liền 2005 và 2006 Công ty Xi măng Hà Tiên 1 được bình chọn là "Thương hiệu mạnh".
- Trong năm 2007 được tặng danh hiệu "Thương hiệu dẫn đầu".
- Huân chương Lao động hạng III.
- Cúp vàng vì sự phát triển cộng đồng.
- Năm 2005 đạt danh hiệu "Đứng đầu ngành xây dựng cơ bản" .
- Đạt chứng nhận ISO 9001:2000 do Quacert và DNV cấp.
- Hơn 20 huy chương vàng từ Hội chợ triển lãm quốc tế tại Giảng Võ – Hà Nội.

Một số hình ảnh các giải thưởng, cúp vàng của Hà Tiên 1.

Sao vàng Đất Việt

Cúp vàng Vietbuild

Cúp vàng nhãn hiệu và thương hiệu

Danh hiệu Hàng Việt Nam chất lượng cao

1.1. Giới thiệu Công ty

- Tên Công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1
- Tên viết tắt : HA TIEN 1.J.S.CO
- Tên Tiếng Anh : HA TIEN 1 CEMENT JOINT STOCK COMPANY
- Biểu tượng của Công ty :
- Trụ sở : Km 8 Xa lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : (84-8) 896 6608
- Fax: : (84-8) 896 7635
- Email : ht-1@hcm.vnn.vn
- Website : www.hatien1.com.vn
- Giấy CNĐKKD : Số 4103005941 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. HCM cấp, đăng ký lần đầu ngày 18/01/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 26/07/2007.
- Vốn điều lệ : 870.000.000.000 đồng *(Tám trăm bảy mươi tỷ đồng).*
- Ngành nghề kinh doanh của Công ty:
  - Sản xuất mua bán: xi măng, các sản phẩm từ xi măng, vật liệu xây dựng (gạch, ngói, vữa xây tô, bê tông), clinker, nguyên vật liệu, vật tư ngành xây dựng;
  - Sản xuất, khai thác, mua bán cát đá sỏi, phụ gia sản xuất VLXD (không khai thác tại trụ sở);
  - Xây dựng dân dụng, kinh doanh bất động sản (cao ốc, văn phòng cho thuê);
  - Dịch vụ bến cảng, dịch vụ bốc, xếp hàng hoá, cho thuê kho bãi;
  - Kinh doanh vận tải hàng hoá bằng ô tô, đường thuỷ nội địa, đường sắt;
  - Trồng, khai thác: rừng, cây công nghiệp;
  - Chế biến gỗ (không chế biến tại trụ sở);
  - Khai thác, chế biến khoáng sản (không khai thác, chế biến tại trụ sở công ty);
  - Xây dựng công trình công nghiệp;

1.2. Cơ cấu vốn cổ phần

Tính đến ngày 11/11/2008, cơ cấu vốn cổ phần của Công ty như sau:

Stt	Danh mục	ĐVT: Tr.đồng	Tỷ lệ (%)	Cơ cấu cổ đông	
				Tổ chức	Cá nhân
A	**Vốn cổ phần:**	**870.000**	**100,00%**	**58 cổ đông**	**3.918 cổ đông**
1	- Cổ đông sáng lập ghi danh:cổ đông Nhà nước	565.500	65,00%	1cổ đông	0 cổ đông
2	- Cổ đông sở hữu dưới 1% cổ phiếu.	169.901,7	19,52%	52 cổ đông	3.918 cổ đông
3	- Cổ đông sở hữu từ 1% đến 5% cổ phiếu	134.118,3	15,42%	5 cổ đông	0 cổ đông
4	- Cổ phiếu quỹ	480	0,06%		
B	**Trong đó:**				
1	- Cổ đông Nhà nước	565.500	65,00%	1 cổ đông	0 cổ đông
2	- Cổ đông nước ngoài	8.850,8	1,02%	9 cổ đông	59 cổ đông

Nguồn : Hà Tiên 1

2. CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ

Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo Luật doanh nghiệp 2005, các Luật khác có liên quan và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ CỦA XI MĂNG HÀ TIÊN 1

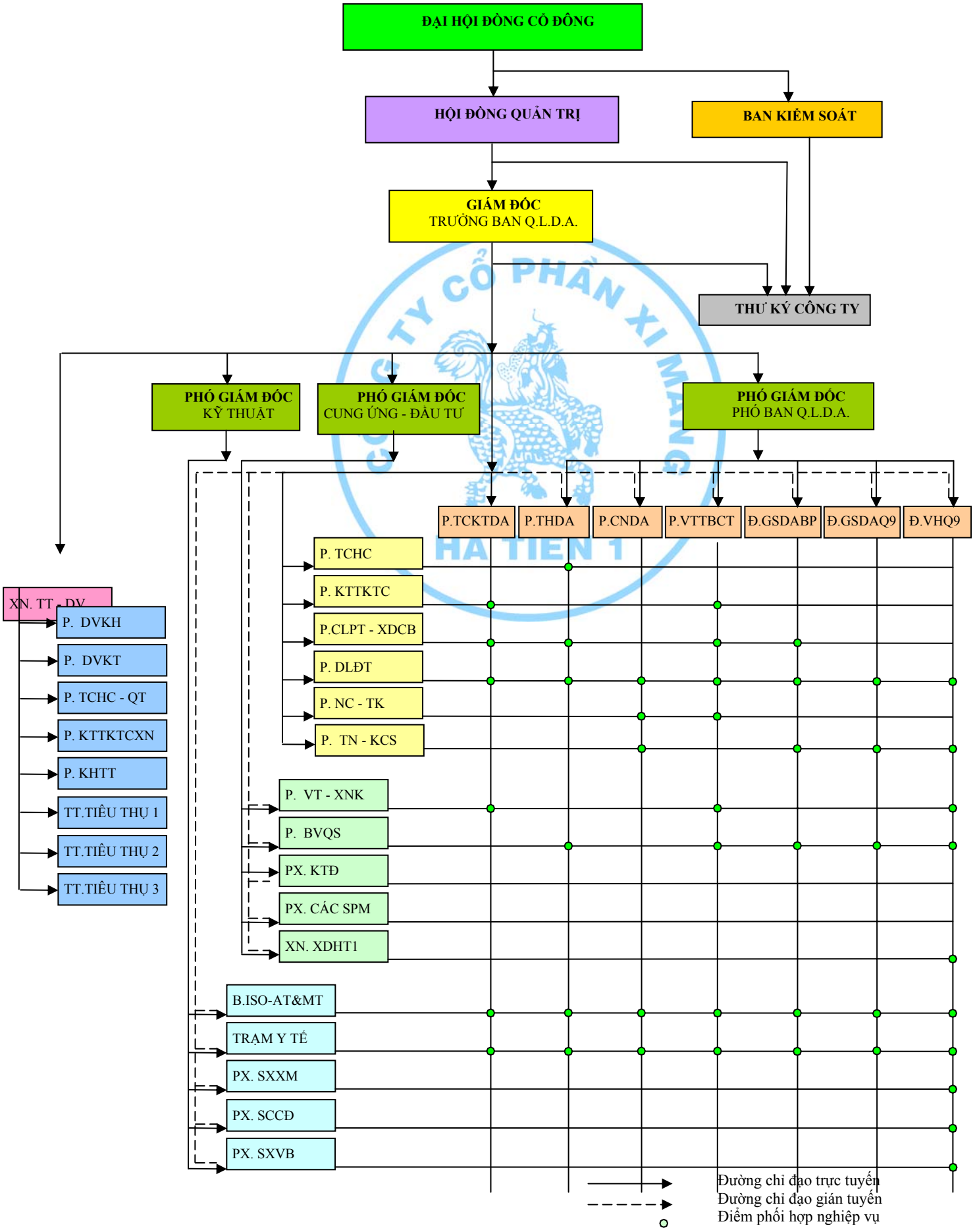

- ***Đại hội đồng cổ đông***

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty. Đại hội đồng cổ đông họp ít nhất mỗi năm một lần và trong thời hạn theo quy định của pháp luật. Đại hội đồng cổ đông quyết định các vấn đề sau:

- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty.
- Quyết định tổ chức lại và giải thể công ty.
- Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.
- Quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần.
- Bầu, miễn nhiệm, bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát.
- Quyết định mức thù lao và các quyền lợi khác của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký công ty.
- Thông qua báo cáo tài chính hàng năm của công ty, báo cáo của Ban kiểm soát.
- Quyết định phương hướng, nhiệm vụ, kế hoạch sản xuất, kinh doanh và đầu tư của năm tài chính mới.

- ***Hội đồng quản tri***

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty gồm có bảy (07) thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc miễn nhiệm. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, quản trị Công ty giữa hai kỳ Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị đại diện cho các cổ đông, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Số thành viên Hội đồng quản trị không ít hơn 5 người và không nhiều hơn 11 người. Hiện tại HĐQT có 7 thành viên, có nhiệm kỳ 5 năm.

- ***Ban Kiểm soát***

Ban Kiểm soát bao gồm năm (05) thành viên, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra có nhiệm kỳ tối đa là 5 năm. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

- ***Ban Giám đốc chức năng***

Ban Giám đốc Công ty gồm Giám đốc và 03 Phó Giám đốc. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty, điều hành mọi hoạt động hàng ngày của công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Nhiệm kỳ của Giám đốc là 3 năm. Phó Giám đốc được phân công phụ trách các mảng khác nhau, gồm: Phó Giám đốc phụ trách kỹ thuật; Phó Giám đốc phụ trách cung ứng đầu tư; và Phó Giám đốc dự án.

- ***Nhiệm vụ các phòng ban chức năng và Phân xưởng - Xí nghiệp***

Công ty hiện có 19 phòng ban chức năng (*Theo sơ đồ tổ chức, quản lý*)

Nhiệm vụ chức năng Phòng Kế toán - thống kê - tài chính

- Xây dựng kế hoạch tài chánh theo định hạn, kiểm soát và phân tích kết quả thực hiện. Ghi nhận, kiểm soát và phân tích kết quả đầu tư tài chính của công ty.
- Tổ chức hoạt động kiểm toán nội bộ, kiểm tra, giám sát hoạt động kế toán hạch toán tại các phòng ban và xí nghiệp trực thuộc.
- Phổ biến và hướng dẫn thực hiện các chế độ, quy định của pháp luật và công ty về kế toán thống kê tài chánh.
- Giám sát sử dụng ngân sách của các đơn vị trong toàn công ty.
- Kiểm soát chi phí sản xuất kinh doanh theo trung tâm chi phí. Phân tích hợp lý để tìm giải pháp nhằm giúp các đơn vị giảm chi phí, giá thành sản xuất.
- Kiểm soát vốn đầu tư của công ty vào các liên doanh, các dự án đầu tư phát triển của công ty.
- Huy động, đầu tư, sử dụng, luân chuyển vốn. Cân đối tài chính đáp ứng hoạt động kinh doanh và đầu tư phát triển; phát triển nguồn vốn cho Công ty với hiệu quả cao nhất.

Nhiệm vụ chức năng Phòng Tổ chức hành chính

- Xây dựng chương trình, biện pháp thực hiện, kiểm soát qui trình thực hiện và phân tích kết quả thực hiện chức năng tổ chức: bao gồm các hoạt động trong lĩnh vực cơ cấu tổ chức - nhân sự, quản lý nhân sự và các hợp đồng lao động, pháp chế, thi đua – khen thưởng – kỷ luật, bảo vệ chính trị nội bộ, thanh tra – phòng chống tham nhũng nhằm thực hiện được các mục tiêu dài hạn/ngắn hạn về tổ chức của công ty.
- Thiết lập các chương trình đào tạo phát triển nguồn nhân lực ngắn hạn, trung hạn và dài hạn với các tiêu chí đào tạo hiện đại và phù hợp với chiến lược phát triển của công ty.
- Xây dựng chương trình, biện pháp thực hiện, kiểm soát và phân tích hoạt động hành chánh nhằm chuyên nghiệp hóa hoạt động, tối ưu hóa các mối quan hệ cộng đồng phù hợp với vị thế công ty.
- Xây dựng và đệ trình ngân sách tiền lương hàng năm của công ty.

Nhiệm vụ chức năng Phòng Vật tư xuất nhập khẩu

- Cung cấp thiết bị, vật tư và hàng hóa cho toàn bộ hoạt động của công ty trên cơ sở cân đối một cách khoa học và hiệu quả giữa cung - cầu và tồn kho hợp lý, tiết

kiệm.

- Tìm kiếm và xây dựng mối quan hệ tin cậy, hỗ trợ, cạnh tranh, hiệu quả và dài hạn với các nhà cung cấp và vận chuyển. Thực hiện đánh giá nhà cung cấp theo định kỳ.
- Chịu trách nhiệm trong việc kiểm tra, giám sát, tổ chức kiểm định, nghiệm thu, xác nhận khối lượng thực hiện theo quy định của hợp đồng. Chủ trì giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng.
- Tổ chức và quản lý cảng nhập vật tư, nguyên liệu của Công ty một cách minh bạch, khoa học và hiệu quả.

Nhiệm vụ chức năng Phòng Chiến lược phát triển – xây dựng cơ bản

- Xây dựng, theo dõi và kiểm soát việc triển khai thực hiện định hướng chiến lược công ty qua các chương trình hành động ngắn, trung và dài hạn.
- Phát hiện và đề xuất chương trình hành động ngăn ngừa các tác động ảnh hưởng đến khả năng phát triển bền vững của công ty.
- Chủ trì thực hiện các nghiên cứu tiền khả thi, khả thi và báo cáo đầu tư đối với các dự án. Triển khai thực hiện các dự án đầu tư đối với các dự án không cần phải thành lập Ban quản lý dự án.
- Tổng hợp, triển khai kế hoạch đầu tư XDCB và sửa chữa công trình kiến trúc hàng năm.
- Chủ trì thương thảo, thiết lập và thực hiện các hợp đồng kinh tế, quản lý hồ sơ hợp đồng, xây dựng giá thành kế hoạch và giá bán sản phẩm.

Nhiệm vụ chức năng Phòng nghiên cứu và triển khai

- Quản lý toàn bộ bí quyết kỹ thuật, công nghệ của công ty.
- Nghiên cứu và thực hiện mục tiêu tối ưu hóa kỹ thuật sản xuất, công nghệ sản xuất hiện hữu để giải quyết các hạn chế về kỹ thuật và công nghệ sản xuất; tăng hiệu quả về chất lượng, chi phí, tính hiệu dụng của sản phẩm.
- Tiếp cận và nghiên cứu ứng dụng thành tựu mới trong kỹ thuật, công nghệ sản xuất vào hoạt động của công ty. Chủ trì triển khai thử nghiệm ở dạng mô hình, hoàn chỉnh quy trình sản xuất thử nghiệm và chuyển giao để đưa vào sản xuất sản phẩm mới/công nghệ mới.
- Giải quyết các vướng mắc về công nghệ, năng lượng, chi phí, hiệu quả... đặt ra trong quá trình hoạt động của công ty.
- Nhận chuyển giao kỹ thuật, bí quyết công nghệ kèm theo các dự án đầu tư của công ty.

- Thực hiện các thủ tục về đăng ký, quản lý và kiểm soát nhãn hiệu hàng hóa của công ty cho các sản phẩm hiện hữu hoặc các sản phẩm mới trong tương lai. Bảo vệ tính hợp pháp và độc quyền của nhãn hiệu hàng hóa về mặt pháp luật.

Nhiệm vụ chức năng Phòng Bảo vệ quân sự

- Tổ chức và thực hiện phương án, biện pháp bảo vệ, tuần tra canh gác. Phát hiện và ngăn ngừa kịp thời những trường hợp xâm phạm hoặc phá hoại tài sản của Công ty.
- Trực tiếp quản lý các phương tiện phòng cháy chữa cháy, xây dựng tổ chức quần chúng thực hiện công tác PCCC, huấn luyện.

Nhiệm vụ chức năng Phòng dữ liệu điện toán

- Xây dựng chương trình phát triển ứng dụng công nghệ thông tin với nội dung và thời hạn cụ thể, phối hợp với mục tiêu phát triển ngắn hạn, dài hạn của công ty.
- Thiết lập, vận hành, bảo trì, bảo dưỡng trung tâm tích hợp dữ liệu (server), hệ thống thông tin điện tử và cơ sở hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin.
- Thiết lập và ban hành các quy trình, quy định, hướng dẫn khai thác hệ thống thông tin, bảo mật dữ liệu và kiểm soát việc thực hiện.

Nhiệm vụ chức năng Phòng thí nghiệm

- Kiểm tra, giám sát chất lượng sản phẩm từ giai đoạn cung ứng nguyên vật liệu, sản xuất, lưu kho cho đến khi xuất cho khách hàng, bảo đảm các tiêu chí thể hiện trong mục tiêu chất lượng của công ty.

Nhiệm vụ chức năng Ban ISO – An toàn và môi trường

- Hệ thống quản lý chất lượng: Xây dựng, giám sát hiệu quả và cải tiến liên tục hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn chất lượng, tiêu chuẩn sức khoẻ, vệ sinh công nghiệp và môi trường ISO.
- Thiết lập và kiểm soát các chính sách, quy định về an toàn lao động, vệ sinh lao động và môi trường tại Công ty.
- Thiết lập các chương trình đào tạo về ATLĐ, VSLĐ và bảo vệ môi trường cho người lao động Công ty.

Trạm Y tế

- Xây dựng kế hoạch chăm sóc sức khoẻ của người lao động làm việc cho công ty, bao gồm: thiết lập và quản lý hồ sơ sức khoẻ của người lao động, tổ chức kiểm tra sức khoẻ định kỳ và để phát hiện và thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động điều trị bệnh phù hợp với từng địa bàn lao động của công ty.
- Bảo đảm đủ năng lực thực hiện công tác sơ cấp cứu tại tuyến cơ sở và chuyển

tuyến kịp thời đối với những trường hợp cần thiết.

- Kiểm tra và thực hiện các hành động ngăn ngừa, phòng chống dịch bệnh cho toàn công ty.

Xí nghiệp Xây dựng Hà Tiên 1

- Từng bước đáp ứng được các nhu cầu sửa chữa, xây dựng các công trình kiến trúc và cơ sở hạ tầng của công ty. Có chương trình với tiến độ cụ thể để từng bước hoàn thiện và nâng cao năng lực thi công nhằm đáp ứng nhu cầu xây dựng xã hội.
- Xác lập mục tiêu ngắn và dài hạn, thực hiện và phân tích kết quả thực hiện trong hoạt động xây dựng các công trình trong và ngoài công ty với mục tiêu phát triển khả năng và quy mô hoạt động.

Xí nghiệp Tiêu thụ và Dịch vụ XMHT1

- Tổ chức quản lý và phát triển thị trường, phát triển thương hiệu, hình thành các khu vực đặc trưng mang tính chất vùng miền và quốc tế, đa dạng, đa văn hóa, phù hợp với luật pháp và tập quán quốc tế.
- Tổ chức quản lý và phát triển các mạng tiêu thụ mang tính thống nhất, chuyên nghiệp và phù hợp với đặc điểm thị trường trú đóng. Xây dựng và thực hiện các dịch vụ kèm theo mang giá trị gia tăng cao. Chú trọng phát triển hợp lý mạng phân phối độc quyền về các chính sách bảo vệ và phát triển hệ thống các nhà phân phối chính cùng hệ thống bán lẻ.

Phân xưởng sản xuất xi măng

- Tổ chức và quản lý toàn bộ hoạt động sản xuất xi măng, từ tiếp nhận nguyên liệu, phụ gia, sản xuất xi măng cho đến khi xuất xi măng, giao sản phẩm cho khách hàng.
- Quản lý, phối hợp và chịu trách nhiệm về bảo trì, sửa chữa toàn bộ máy móc thiết bị, nhà xưởng, cơ sở hạ tầng (hệ thống điện, cấp nước trên mặt bằng nhà máy) của dây chuyền sản xuất, từ khâu nhập nguyên liệu đến xuất xi măng cho khách hàng.
- Tổ chức và thực hiện công tác kỹ thuật sản xuất xi măng, chịu trách nhiệm về chất lượng các loại xi măng sản xuất theo chính sách chất lượng của Công ty và quy định của Nhà nước.

Phân xưởng sửa chữa cơ điện

- Chịu trách nhiệm ổn định hoạt động của máy móc thiết bị trong toàn bộ công ty. Xây dựng chương trình tu bổ định kỳ cho toàn công ty, tổ chức thực hiện phù hợp với mục tiêu sản xuất kinh doanh của công ty.

- Xử lý các hư hỏng đột xuất xảy ra trong quá trình sản xuất theo yêu cầu của các đơn vị.
- Gia công các chi tiết phục vụ cho hoạt động sửa chữa.
- Xác định khả năng tự sửa chữa/ tổ chức thuê ngoài sửa chữa các hư hỏng của máy móc thiết bị, phương tiện vận chuyển của công ty.
- Tối ưu hóa hệ thống quản lý kho. Chịu trách nhiệm bảo quản về khối lượng và chất lượng hàng hoá lưu kho.

Phân xưởng sản xuất vỏ bao

- Tổ chức và quản lý toàn bộ hoạt động sản xuất vỏ bao, từ tiếp nhận nguyên liệu, phụ liệu, sản xuất vỏ bao cho đến khi xuất giao sản phẩm vỏ bao cho phân xưởng sản xuất xi măng.
- Tổ chức và thực hiện công tác kỹ thuật sản xuất vỏ bao, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật hiện đại, không ngừng cải tiến công nghệ, kỹ thuật sản xuất để sản xuất đạt hiệu quả cao nhất. Chịu trách nhiệm về chất lượng các loại vỏ bao sản xuất theo chính sách chất lượng của Công ty và quy định của Nhà nước.
- Xây dựng các quy trình, quy định cụ thể, cải tiến và cập nhật để thực hiện tốt nhất chức năng kỹ thuật sản xuất và tổ chức của phân xưởng, trong chiến lược chung của toàn công ty.
- Tổ chức hoạt động sản xuất trên cơ sở liên tục cải tiến, tối ưu hóa hoạt động, thiết bị và công nghệ, đảm bảo chất lượng, số lượng, an toàn lao động, môi trường sạch đẹp theo ISO và hiệu quả cao.
- Xây dựng và thực hiện kế hoạch sản xuất phù hợp với mục tiêu chiến lược sản xuất kinh doanh của công ty.
- Thực hiện và phối hợp công tác bảo trì, sửa chữa (hoặc yêu cầu sửa chữa) các thiết bị trong dây chuyền sản xuất vỏ bao để đảm bảo yêu cầu cao về giờ hoạt động của thiết bị cho sản xuất với hiệu quả tốt nhất.
- Phối hợp với đơn vị tiêu thụ sản phẩm để tiếp nhận các phản hồi từ thị trường, nghiên cứu và hiệu chỉnh phù hợp.

Phân xưởng khai thác đá phụ gia Puzzolane

- Tổ chức và quản lý toàn bộ mỏ và hoạt động khai thác đá từ khâu khai thác, chế biến, tồn trữ và cung cấp puzzolane.
- Tổ chức và thực hiện công tác kỹ thuật sản xuất, chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm theo quy định của Công ty và Nhà nước.
- Tổ chức hoạt động sản xuất trên cơ sở liên tục cải tiến, tối ưu hóa hoạt động, thiết bị và công nghệ sản xuất, chất lượng sản phẩm, an toàn lao động, môi

trường sạch đẹp đáp ứng tiêu chuẩn ISO và hiệu quả cao.

- Thực hiện và phối hợp thực hiện công tác bảo dưỡng, sửa chữa (hoặc yêu cầu sửa chữa) các thiết bị trong dây chuyền sản xuất để bảo đảm yêu cầu cao về giờ hoạt động của thiết bị cho sản xuất với hiệu quả tốt nhất.
- Thực hiện quy trình cải tiến liên tục trong hoạt động sản xuất và quản lý kỹ thuật, công nghệ để đạt hiệu quả kinh tế cao nhất của đá pouzzolane sản xuất tại phân xưởng so với thị trường.

Phân xưởng sản xuất các sản phẩm mới

- Tổ chức và quản lý toàn bộ hoạt động sản xuất sản phẩm mới, từ tiếp nhận nguyên liệu, phụ gia, sản xuất cho đến khi xuất giao sản phẩm cho khách hàng.
- Tổ chức và thực hiện công tác kỹ thuật sản xuất, chịu trách nhiệm về chất lượng các sản phẩm sản xuất theo chính sách chất lượng của Công ty và quy định của Nhà nước.
- Tổ chức hoạt động sản xuất trên cơ sở liên tục cải tiến, tối ưu hóa hoạt động, thiết bị và công nghệ, đảm bảo chất lượng, số lượng, an toàn lao động, môi trường sạch đẹp theo ISO và hiệu quả cao.
- Thực hiện và phối hợp công tác bảo trì, sửa chữa (hoặc yêu cầu sửa chữa) các thiết bị trong dây chuyền sản xuất xi măng để đảm bảo yêu cầu cao về giờ hoạt động của thiết bị cho sản xuất với hiệu quả tốt nhất.
- Phối hợp với đơn vị tiêu thụ sản phẩm để tiếp nhận các phản hồi từ thị trường, nghiên cứu và hiệu chỉnh phù hợp.

Ban quản lý dự án

Thành lập theo quyết định số: 1397/XMVN-HĐQT của Hội đồng quản trị Tổng công ty Xi măng Việt Nam ngày 10/07/2003 v/v phê duyệt phương án thành lập Ban QLDA xi măng Hà Tiên 1, quyết định số 491/HT.1-TCLĐ của Giám đốc Công ty Xi măng Hà Tiên 1 ngày 15/08/2003 v/v thành lập BQDA Xi măng Hà Tiên 1 và Nghị quyết luân chuyển số 03/08/HT1-HĐQT ngày 21.08.2007 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ Phần Xi Măng Hà Tiên 1, trực tiếp quản lý việc hiện đầu tư dự án Trạm tiếp nhận nghiền và phân phối xi măng Phía nam và dự án Nhà máy xi măng Bình Phước, với các chức nhiệm vụ sau:

- Thay mặt chủ đầu tư làm việc với cơ quan chức năng Nhà nước để xây dựng các định mức, đơn giá công trình và trình duyệt, làm cơ sở lập dự toán, tổng dự toán. Xây dựng và trình duyệt phương án và kế hoạch sản xuất thử. Tổ chức triển khai thực hiện phương án sản xuất thử được duyệt cho đến khi bàn giao sang sản xuất kinh doanh.
- Tổ chức quản lý, giám sát, xác nhận và lập báo cáo hàng tháng và/hoặc theo yêu

cầu của chủ đầu tư, quá trình cung cấp vật tư, thiết bị, thiết kế, dịch vụ kỹ thuật, quá trình xây lắp.

- Lập kế hoạch huy động vốn và kế hoạch sử dụng vốn đầu tư theo kế hoạch tài chính của dự án và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và triển khai thực hiện kế hoạch vốn đã được duyệt.
- Lập báo cáo thực hiện vốn đầu tư hàng năm và quyết toán vốn đầu tư với tổ chức cung ứng vốn khi hoàn thành dự án theo hướng dẫn của Bộ Tài chính và báo cáo với chủ đầu tư và các cơ quan Nhà nước.
- Tổ chức nghiệm thu đưa công trình vào khai thác sử dụng.

Văn phòng công đoàn

- Tổ chức các hoạt động đoàn thể cho CBCNV Công ty.

3. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NẮM GIỮ TỪ TRÊN 5% VỐN CỔ PHẦN CỦA CÔNG TY TẠI THỜI ĐIỂM 11/11/2008

Tính đến thời điểm ngày 11/11/2008, cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty như sau:

Stt	Tên cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Giá trị(đồng)	Tỷ lệ sở hữu
	Đại diện phần vốn Nhà nước (Tổng công ty Xi măng Việt Nam)	56.550.000	565.500.000.000	65,00%
1.	*Ông:* Nguyễn Ngọc Anh	26.100.000	261.000.000.000	30,00%
2.	*Ông:* Ngô Minh Lãng	20.880.000	208.800.000.000	24,00%
3.	*Ông*: Triệu Quốc Khải	5.220.000	52.200.000.000	6,00%
4.	*Ông:* Phạm Đình Nhật Cường	4.350.000	43.500.000.000	5,00%
	Cổ đông ngoài công ty			
1	Công ty TNHH Chứng khoán Á Châu	4.350.000	43.500.000.000	5,00%
	Tổng cộng	**60.900.000**	**609.000.000.000**	**70,00%**

Nguồn: Hà Tiên 1

4. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005941 đăng ký lần đầu ngày 18/01/2007, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 26/07/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM cấp. Danh sách cổ đông sáng lập Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 như sau:

Stt	Tên cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
	Cổ đông Nhà nước(*)			
	Đại diện:			
1	*Ông:* Nguyễn Ngọc Anh	26.100.000	261.000.000.000	30,00%
2	*Ông:* Ngô Minh Lãng	20.880.000	208.800.000.000	24,00%
3	*Ông*: Triệu Quốc Khải	5.220.000	52.200.000.000	6,00%
4	*Ông:* Phạm Đình Nhật Cường	4.350.000	43.500.000.000	5,00%
	Tổng cộng	**56.550.000**	**565.500.000.000**	**65,00%**

Nguồn: Hà Tiên 1

(*) Theo quyết định số 1080/QĐ-XMVN ngày 20/06/2007 của Tổng công ty Xi măng Việt Nam

5. DANH SÁCH NHỮNG CÔNG TY MẸ VÀ CÔNG TY CON CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Danh sách các Công ty nắm giữ quyền kiểm soát và cổ phần chi phối Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1

Cổ đông Nhà nước (Tổng Công ty Xi măng Việt Nam) sở hữu 65% cổ phần của Công ty, nắm quyền kiểm soát Công ty.

Danh sách các Công ty mà Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 nắm giữ quyền kiểm soát và cổ phần chi phối

Không có.

6. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Sản lượng sản phẩm qua các năm

6.1.1 Chủng loại và chất lượng sản phẩm

- Công ty hiện đang sản xuất và tiêu thụ các loại sản phẩm:
  - Xi măng:PCB-40, PC-40, PCS-30, PCS-40, PCHS-30, PCHS-40 và OPC50
  - Gạch lát tự chèn
  - Gạch block
  - Vữa tô, vữa xây
  - Cát tiêu chuẩn

Các sản phẩm xi măng của Công ty luôn có hệ số dư mác > 20%, đạt độ ổn định cao trong suốt quá trình xây dựng, tô hoặc đổ bê tông, không bị rạng nứt, đồng thời đạt độ dẻo tốt giúp dễ dàng cho việc tô trát, trộn hồ và đổ bê tông.

MỘT SỐ HÌNH ẢNH SẢN PHẨM TIÊU BIỂU CỦA XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Xi măng

Vữa xây, vữa tô

Cát tiêu chuẩn

Gạch lát tự chèn

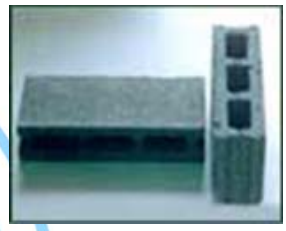

Gạch Block

6.1.2 Doanh thu, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh qua các năm

Doanh thu thuần từng nhóm sản phẩm qua các năm

Đơn vị tính: triệu đồng

Khoản mục	Năm 2006		Năm 2007*		Năm 2008	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Xi măng	2.111.557	98,80%	2.140.336	97,60%	2.496.553	98,09%
Các sản phẩm mới (vữa tô, gạch, cát)	15.279	1,11%	23.813	1,09%	29.030	1,14%
Hàng hóa khác	10.399	0,49%	28.779	1,31%	19.632	0,77%
DT thuần từ SXKD	**2.137.235**	**100%**	**2.192.928**	**100%**	**2.545.215**	**100%**

Nguồn: Hà Tiên 1

** Số liệu năm 2007 tính từ ngày 18/1/2007 đến 31/12/2007 do Hà Tiên 1 chuyển thành công ty cổ phần vào ngày 18/1/2007*

Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh của từng nhóm sản phẩm qua các năm

Đơn vị tính: triệu đồng

Khoản mục	Năm 2006		Năm 2007*		Năm 2008	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Xi măng	203.421	96,82%	236.274	97,20%	287.504	94,27%
Các sản phẩm mới (vữa tô, gạch, cát)	-2.246	-1,07%	386	0,16%	3.764	1,23%

Khoản mục	Năm 2006		Năm 2007*		Năm 2008	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Các hàng hóa khác	8.929	4,25%	6.413	2,64%	13.721	4,50%
L/nhuận gộp từ hoạt động SXKD	**210.124**	**100%**	**243.073**	**100%**	**304.989**	**100%**

Nguồn: Hà Tiên 1

** Số liệu năm 2007 tính từ ngày 18/1/2007 đến 31/12/2007 do Hà Tiên 1 chuyển thành công ty cổ phần vào ngày 18/1/2007*

6.2 Nguyên vật liệu

6.2.1 Nguồn cung ứng nguyên vật liệu

Nhà máy xi măng Hà Tiên 1 tại Thủ Đức, các loại xi măng được sản xuất chủ yếu từ nguồn clinker nhập khẩu cùng với thạch cao và phụ gia puzolan khai thác tại tỉnh Đồng Nai. Những năm gần đây, đáp ứng nhu cầu xây dựng tăng cao và để phục vụ chiến lực đa dạng hóa ngành nghề, Công ty đã chủ động nhập khẩu clinker từ các nước trong khu vực Đông Nam Á mà chủ yếu là Thái Lan.

Nguồn cung cấp nguyên liệu phục vụ cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 được cung cấp bởi các công ty lớn, uy tín trên thị trường nhằm đảm bảo các hoạt động kinh doanh của Công ty, tạo sự ổn định lâu dài, bền vững cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

NGUỒN CUNG CẤP NGUYÊN VẬT LIỆU CHÍNH CỦA HÀ TIÊN 1

Stt	Tên Công ty cung cấp nguyên liệu	Quốc Gia
	Loại nguyên liệu	
I.	**Clinker hạt, clinker bột, xi măng bột**	
1	Cty Xi Măng Hà Tiên 2	Việt Nam
2	Cty Xi măng Hải Phòng	Việt Nam
3	Cty XM Bỉm Sơn	Việt Nam
4	Cty Xi măng Hoàng Mai	Việt Nam
5	Cty Xi măng Tam Điệp	Việt Nam
6	Cty XM Cosevco Sông Gianh	Việt Nam
7	Cty CP Xây dựng & KD Vật tư- C&T	Việt Nam
8	Cty LDXM Holcim VN	Việt Nam
9	Siam city cement public co., ltd	Thái Lan
10	APO Cement Corporation	Philipphin
11	Itochu Singapore pte., ltd.	Singgapore
II	**Thạch cao**	

Stt	Tên Công ty cung cấp nguyên liệu	Quốc Gia
1	Cementhai trading singapore pte., ltd.	Singgapore
III	**Giấy kraft :**	
1	Central National-Gottesmen Europe Gmbh	Áo
IV	**Các vật tư – phương tiện – thiết bị khác**	
1	Cty TNHH TMDVKT Phanta	Việt Nam
2	Asico handles GMBH	Đức
3	Cty CP Vận Tải Hà Tiên	Việt Nam
4	Cty Vật tu CN Quốc Phòng	Việt Nam
5	Cty TM Dệt may TP.HCM (VINATEX)	Việt Nam
6	XN Chất Dẻo 1	Việt Nam
7	Cty TNHH FOTAI Việt Nam	Việt Nam
8	Johs Rieckermann	Việt Nam
9	CTy CP Mực In &Hóa chất Sàigòn	Việt Nam
10	Comin Asia Pte Ltd	Singgapore
11	Fcb – Ciment	Pháp
12	XN Chất Dẻo 2	Việt Nam
13	Europ Continents pte ltd.	Singgapore
14	Magotteaux co. Ltd	Thái Lan
15	Cty TNHH S.T.D & S	Việt Nam
16	CTy TNHH TASCO Saigon	Việt Nam
17	Công ty TNHH TM & DV SAPA	Việt Nam
18	Rudolf lietz, inc.	Philipphin
19	CTy CP Bao bì XM Hải Phòng	Việt Nam
20	Cty TNHH Nhựa Đông Phương	Việt Nam
21	Kirow Leipzig Ke Kranbau Eberswalde Ag	Đức
22	CTy TNHH NN 1 thành viên Cơ khí Đông Anh	Việt Nam

Nguồn: Hà Tiên 1

Ngoài việc cung ứng vật tư, thiết bị, nguyên liệu, Hà Tiên 1 còn xây dựng hệ thống các Công ty vệ tinh nhằm hỗ trợ, đáp ứng các nhu cầu về cung cấp sảm phẩm cho các khách hàng, nhà thầu lớn ; đáp ứng nhu cầu tiêu thụ xi măng trên thị trường.

Một số công ty vệ tinh gia công xi măng cho Hà Tiên 1.

Stt	Công ty gia công xi măng	Địa chỉ
1	CTy TNHH Xi măng Bửu Long	Xã bình Hòa, H.Vĩnh Cửu
2	CTy CP Xi măng Cosevco Phú Yên	Xã An Chấn, H.Tuy An
3	CTy CP Kỹ thuật XD & VLXD (Cotec)	35 Nguyễn Hữu Cảnh, P.22, Q.BT
4	CTy CP Xi măng DIC Bình Dương	ấp 1, xã Thường Tân, H. Tân Uyên
5	CTy CP Bình Định Constrexim	QL 1A, Thị trấn Diêu Trì, H.Tuy Phước

Stt	Công ty gia công xi măng	Địa chỉ
6	Trạm nghiền XM Cẩm Phả	KCN Mỹ Xuân A, H. Tân Thành
7	CTy XM Cosevco Sông Gianh	Xã Tiến Hóa- Huyện Tuyên Hóa

Nguồn: Hà Tiên 1

6.2.2 Sự ổn định của các nguồn cung ứng nguyên vật liệu

Nguồn nguyên liệu của Công ty được cung cấp bởi các Công ty lớn và có uy tín. Vì thế, Công ty luôn nhận được sự đảm bảo từ các nhà cung ứng về nguồn nguyên vật liệu, đồng thời được hưởng nhiều ưu đãi về giá cả so với các nhà sản xuất cùng ngành. Do vậy, nhìn chung nguồn nguyên liệu của Công ty trong những năm qua khá ổn định.

6.2.3 Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu đến doanh thu và lợi nhuận

Trong cơ cấu giá thành sản phẩm, chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng chủ yếu và là nhân tố quyết định tới doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Những biến động về giá nguyên vật liệu sẽ có tác động đáng kể tới giá thành sản phẩm cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Clinker là nguyên liệu chính trong sản xuất xi măng, chiếm tỷ lệ khoảng 80% trong tổng chi phí nguyên vật liệu. Do vậy, sự biến động về giá clinker sẽ ảnh hưởng rất lớn đến lợi nhuận của Công ty. Trong những năm qua, giá clinker và giá xăng dầu liên tục biến động gây không ít ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Đơn vị: USD/tấn

	2005	2006	2007	Năm 2008
Giá clinker nhập từ Thái Lan	27,5	28,5	28	36 – 48,5
Chi phí vận chuyển	9	11,5	11,5	14 - 16

Nguồn: Hà Tiên 1

Nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, kiểm soát chặt chẽ yếu tố chi phí nguyên, nhiên vật liệu trong quá trình sản xuất, Công ty đã xây dựng cũng như tổ chức thực hiện và theo dõi chặt chẽ định mức tiêu hao vật tư. Đồng thời Hà Tiên 1 cũng đã tiến hành ký hợp đồng cung cấp nguyên liệu dài hạn với các nhà cung cấp lớn trong và ngoài nước nhằm ổn định lâu dài nguồn cung cấp nguyên vật liệu cũng như ổn định mức giá mua nguyên vật liệu, kịp thời đưa vào sản xuất.

6.3 Chi phí sản xuất

Công ty thực hiện việc kiểm soát chi phí bằng việc xây dựng hệ thống kiểm soát chặt chẽ các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty như: qui định tối thiểu mức tiêu hao nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất cũng như trong quản lý và sử dụng vật liệu, vật tư nhằm giảm chi phí sản xuất, tăng hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

Là doanh nghiệp sản xuất nên chi phí nguyên liệu chiếm tỷ trọng rất lớn trong tổng chi phí sản xuất của Công ty.

Đơn vị : triệu đồng

Chi phí	Năm 2006		Năm 2007(*)		Năm 2008	
	Giá trị	% DT thuần	Giá trị	% DT thuần	Giá trị	% DT thuần
Giá vốn hàng bán	1.927.130	90,17%	1.949.853	88,92%	2.240.226	88,02%
Chi phí bán hàng	73.038	3,42%	77.827	3,55%	91.044	3,58%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	39.146	1,83%	49.214	2,24%	69.070	2,71%
Chi phí hoạt động tài chính	39.523	1,93%	23.560	1,07%	81.133	3,19%

Nguồn: Hà Tiên 1

** Số liệu năm 2007 tính từ ngày 18/1/2007 đến 31/12/2007 do Hà Tiên 1 chuyển thành công ty cổ phần vào ngày 18/1/2007*

So với các đơn vị cùng ngành, ngoài giá vốn hàng bán khá cao do không tự chủ được nguồn clinker cung ứng cho sản xuất, các chi phí sản xuất khác đều chiếm tỷ trọng tương đối thấp. Trong năm 2008, tất cả các chi phí đều tăng so với doanh thu thuần do ảnh hưởng của biến động về các yếu tố vĩ mô của nền kinh tế Việt Nam bao gồm:

- Biến động giá dầu
- Lạm phát tăng cao
- Lãi suất cho vay tăng đột biến trong 6 tháng đầu năm 2008
- Tỷ giá đồng Việt Nam so với USD có nhiều biến động phức tạp.

BẢNG SO SÁNH CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2007 VÀ NĂM 2008 CỦA HÀ TIÊN 1 – BÚT SƠN - BỈM SƠN

Đơn vị : triệu đồng

Chi phí	Năm 2007 (*)			Năm 2008		
	HT1[1]	Bút Sơn	Bỉm Sơn	HT1	Bút Sơn	Bỉm Sơn
Giá vốn hàng bán						
Giá trị	1.949.853	690.152	1.206.706	2.240.226	901.713	1.551.356
%/ Doanh thu	88,9%	65%	74,7%	88,02%	75,45%	80,13%
Chi phí bán hàng						
Giá trị	77.827	159.372	146.435	91.044	49.347	75.200
%/ Doanh thu	3,6%	15,0%	9,1%	3,58%	4,13%	3,88%
Chi phí quản lý doanh nghiệp						
Giá trị	49.214	48.067	90.379	69.070	64.414	80.976
%/ Doanh thu	2,2%	4,5%	5,6%	2,71%	5,39%	4,18%
Chi phí hoạt động tài chính						

Chi phí	Năm 2007 (*)			Năm 2008		
	HT1[1]	Bút Sơn	Bỉm Sơn	HT1	Bút Sơn	Bỉm Sơn
Giá trị	23.560	68.057	2.580	81.133	60.457	30.752
%/ Doanh thu	1,1%	6,4%	0,2%	3,19%	5,06%	1,59%

1: Số liệu từ 18/1/2007 đến 31/12/2007 do Công ty chuyển sang công ty cổ phần vào tháng 1/2007

Nguồn: Tổng hợp báo cáo tài chính các công ty

6.4Trình độ công nghệ

Hiện Công ty đang có 4 máy nghiền bi để sản xuất xi măng theo 2 công nghệ khác nhau, bao gồm 2 chu trình: chu trình hở và chu trình kín.

- *Chu trình hở:* xi măng ra khỏi máy nghiền được loại bỏ phần hạt có kích thước không đạt bằng sàng lồng quay (Trommel), thành phẩm xi măng được bơm đến si lô chứa.
- *Chu trình kín:* xi măng sau khi ra khỏi máy nghiền được đưa đến thiết bị phân ly, ở đây phần hạt thô được phân loại và hồi lưu trở lại đầu vào máy nghiền, xi măng thành phẩm được bơm đến các si lô chứa. Ưu điểm của chu trình kín là tận dụng được năng suất tối đa của máy nghiền, tiêu hao điện năng thấp, chất lượng xi măng tốt hơn so với chu trình kín.

Máy nghiền xi măng

Máy nghiền	Chu trình	Phân ly	Năng suất thực tế	Năng suất thiết kế
MN1	Hở	Không có	40 tấn / giờ	
MM3	Kín	Phân ly không khí-cơ khí	120 tấn / giờ	90 tấn / giờ
MN4	Kín	Phân ly hiệu suất cao	70 tấn / giờ	64 tấn / giờ

Trong năm 2008, Công ty đã thanh lý máy nghiền 2.

Si lô chứa

Si lô	Clinker		Xi măng						
	A9	A15	A	B	C	D	C1	C2	C3
Sứcchứa (tấn)	27.000	20.000	2.000	2.000	2.000	2.000	8.000	8.000	16.000

Mô tả quy trình sản xuất.

I. Nghiền xi măng (Xem biểu đồ quy trình sản xuất)

Máy Nghiền 3.

Sơ đồ công nghệ	Mô tả quy trình
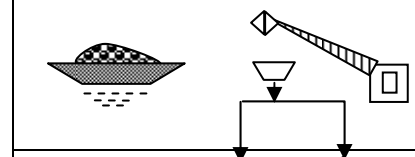	Clinker (chủ yếu từ Thái Lan và một phần từ trong nước) nhập về bằng đường thuỷ (xà lan 300 ÷ 1000 tấn) được cầu múc (600 tấn/giờ) bốc dỡ và đưa vào từng si lô (silô 27000 tấn và silô 20000 tấn) chứa clinker. Tỷ lệ pha trộn khi bốc dỡ tuỳ thuộc vào nguồn và chất lượng clinker.
	Thạch cao (Thái Lan) nhập về bằng đường thuỷ được cầu múc bốc dỡ và đưa vào bãi chứa. Đá phụ gia Puzzolan (mỏ Vĩnh Tân - trực thuộc công ty) nhập về bằng đường bộ và được lưu ở bãi chứa, kho hở để đưa vào sản xuất.
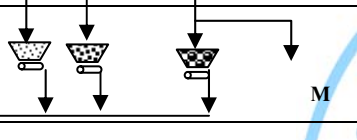	Tuỳ thuộc vào loại xi măng sản xuất và đơn phối liệu nghiền xi măng, tỷ lệ clinker, thạch cao, phụ gia được cân băng định lượng dưới các phễu chứa định lượng và đưa vào máy nghiền.
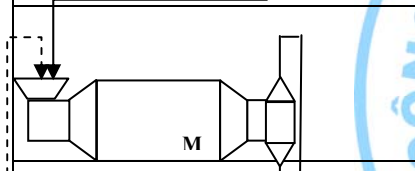	Máy nghiền bi hai ngăn, kích thước 4.2x14m, năng suất 120 tấn/giờ (năng suất thiết kế 90 tấn/giờ). Phân hạt sử dụng: Phân ly động kiểu không khí - cơ khí
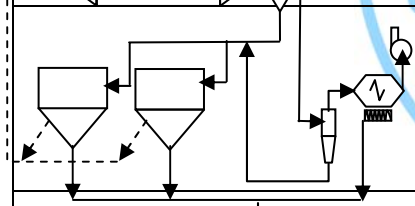	Sau khi ra khỏi máy nghiền, liệu nghiền được đưa đến thiết bị phân hạt động, các hạt thô được hồi lưu trở về đầu vào máy nghiền để nghiền lại, phần xi măng thành phẩm được bơm đến các si lô chứa. Phần khí lẫn bụi ra khỏi máy nghiền được qua phân ly tĩnh, ở đây phần bụi sẽ được thu hồi lại đưa vào thiết bị phân ly động, phần khí được qua thiết bị lọc bụi điện và thải ra môi trường.
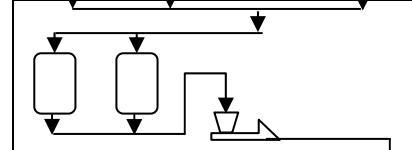	Xi măng thành phẩm được nạp vào 2 bình chứa và bơm đến các si lô chứa, ở đây xi măng được lấy mẫu theo giờ kiểm tra thử nghiệm để làm cơ sở cho việc vận hành máy nghiền và đảm bảo chất lượng xi măng sản xuất.
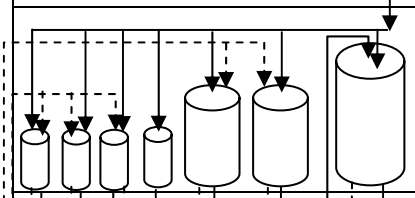	Si lô chứa xi măng có thể xuất xi măng ở dạng bao hoặc dạng xá (xi măng Mác cao cung cấp cho trạm trộn bê tông tươi, đóng bao Jumbo). Có 7 si lô trong đó 4 si lô nhỏ mỗi silô chứa 2000 tấn (silô A, B, C, D), 2 silô cỡ trung bình mỗi silô chứa 8000 tấn (silô C1, C2), 1 silô lớn chứa 16000 tấn (si lô C3).
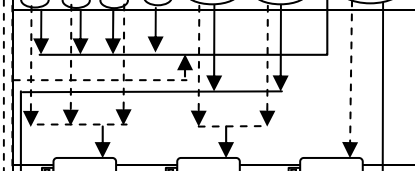	Hệ thống xuất xi măng xá cho xe bồn (có thể sử dụng để xuất xi măng dưới dạng bao Jumbo) Xi măng xuất xá được lấy mẫu 2 giờ/lần để kiểm tra chất lượng và làm phiếu chất lượng xi măng cho khách hàng.
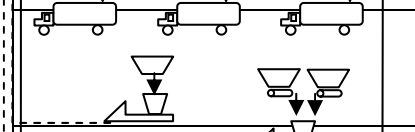	Hệ thống tiếp nhận – xử lý – pha trộn xi măng gia công bên ngoài, xi măng Jumbo, clinker bột (dưới các bunker chứa có gắn hệ thống định lượng để đảm bảo pha trộn đúng tỷ lệ).
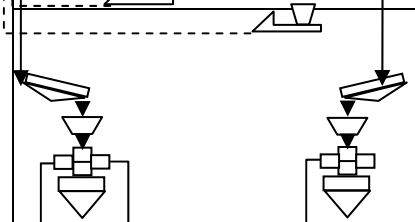	Đối với xi măng xuất bao, xi măng từ si lô được rút xuống phễu trung tâm qua sàng và vận chuyển đến máy đóng bao (máy đóng bao là loại máy vòi phun roto, nạp bao tự động, hệ thống thu hồi bụi xi măng, đặc biệt là hệ thống cân của máy đóng bao có thể kiểm soát khối lượng xi măng bao với độ chính xác cao). Có hai dàn đóng bao xi măng, mỗi dàn gồm 2 máy đóng bao. Năng suất của mỗi máy 1800 ÷ 2400 bao/giờ.
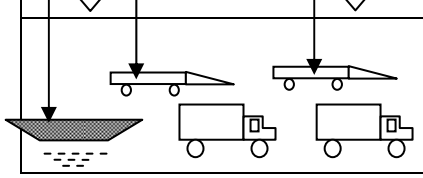	Xi măng bao sau khi rời khỏi máy đóng bao được vận chuyển bằng băng tải gân đến các cầu chất lên xe, hoặc vận chuyển bằng băng tải đến xà lan ở bến xuất thủy. Xi măng bao ở máy đóng bao được lấy mẫu định kỳ 2 giờ / lần kiểm tra chất lượng và làm phiếu chất lượng xi măng cho khách hàng.

Máy nghiền 4.

Sơ đồ công nghệ	Mô tả quy trình
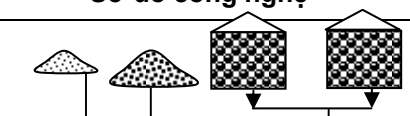	Clinker: chứa ở 2 si lô. Thạch cao: chứa ở bãi Đá phụ gia: chứa ở bãi và kho hở.
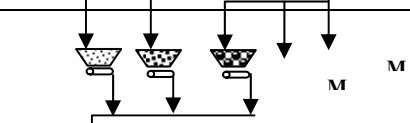	Tuỳ thuộc vào loại xi măng sản xuất và đơn phối liệu nghiền xi măng, tỷ lệ clinker, thạch cao, phụ gia được cân băng định lượng dưới các phễu chứa định lượng và đưa vào máy nghiền.
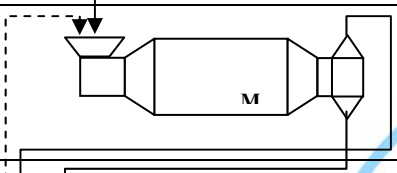	Máy nghiền bi hai ngăn, kích thước ϕ3.8 x 12m, năng suất 70 tấn/giờ (năng suất thiết kế 64 tấn/giờ). Phân hạt sử dụng: Phân ly hiệu suất cao.
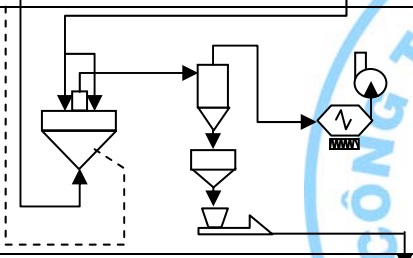	Sau khi ra khỏi máy nghiền, liệu nghiền được đưa đến thiết bị phân hạt động, các hạt thô được hồi lưu trở về đầu vào máy nghiền để nghiền lại, phần xi măng lẫn khí được đưa đến cyclon để thu hồi xi măng, phần bụi và khí qua lọc bụi điện để làm sạch khí và thải ra môi trường. Xi măng thu hồi ở cyclon được bơm đến các si lô chứa xi măng.
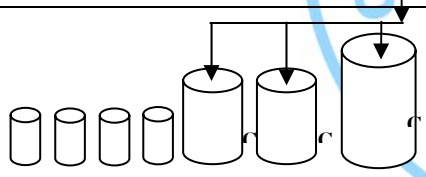	Si lô chứa xi măng có thể xuất xi măng ở dạng bao hoặc dạng xá (xi măng Mác cao cung cấp cho trạm trộn bê tông tươi, đóng bao Jumbo). Có 7 si lô trong đó 4 si lô nhỏ mỗi silô chứa 2000 tấn (silô A, B, C, D), 2 silô cỡ trung bình mỗi silô chứa 8000 tấn (silô C1, C2), 1 silô lớn chứa 16000 tấn (si lô C3).

Máy nghiền 1.

Sơ đồ công nghệ	Mô tả quy trình
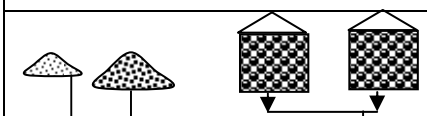	Clinker: chứa ở 2 si lô. Thạch cao: chứa ở bãi Đá phụ gia: chứa ở bãi và kho hở.
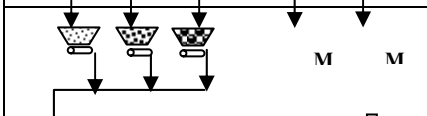	Tuỳ thuộc vào loại xi măng sản xuất và đơn phối liệu nghiền xi măng, tỷ lệ clinker, thạch cao, phụ gia được cân băng định lượng dưới các phễu chứa định lượng và đưa vào máy nghiền.
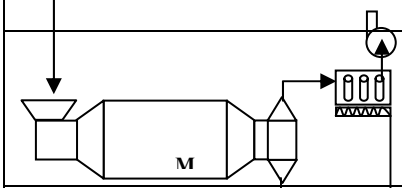	Máy nghiền bi hai ngăn, kích thước ϕ2.85 x 13.8m, năng suất 40 tấn/giờ.
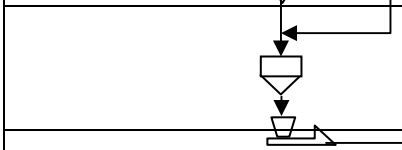	Sau khi ra khỏi máy nghiền, liệu nghiền được sàng qua sàng lồng quay (trommel), phần hạt đạt độ mịn được bơm đến si lô chứa xi măng, các hạt thô được tách và thải ra ngoài, phần bụi và khí được đưa qua lọc bụi tay áo để làm sạch khí trước khi thải ra môi trường.
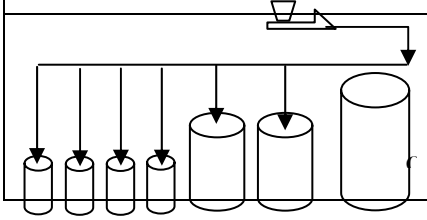	Si lô chứa xi măng có thể xuất xi măng ở dạng bao hoặc dạng xá (xi măng Mác cao cung cấp cho trạm trộn bê tông tươi, đóng bao Jumbo). Có 7 si lô trong đó 4 si lô nhỏ mỗi silô chứa 2000 tấn (silô A, B, C, D), 2 silô cỡ trung bình mỗi silô chứa 8000 tấn (silô C1, C2), 1 silô lớn chứa 16000 tấn (si lô C3)

II. Cát tiêu chuẩn.

Cát tiêu chuẩn ISO sản xuất theo TCVN : 1996, được sử dụng trong phòng thí nghiệm chuyên ngành, để xác định cường độ xi măng.

Năng suất thiết kế của dây chuyền sản xuất: 200 tấn / năm.

Sơ đồ công nghệ	Mô tả quy trình
	Cát nguyên liệu: mua từ nguồn chỉ định, có thành phần cỡ hạt, thành phần hóa đạt theo yêu cầu. Cát mua về được lưu ở kho chứa hoặc bãi.
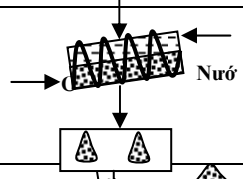	Cát từ kho hoặc bãi được đem rữa bằng nước để loại bỏ các tạp chất hữu cơ, rác lẫn vào. Máy rữa dạng thùng quay (Φ800 x 2500mm) bên trong có hàn những cánh xoắn, đặt dốc, cát và nước đi ngược chiều nhau. Năng suất máy rữa 300 kg / giờ.
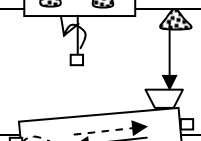	Cát sau khi đã rữa sạch bằng nước được vắt khô sơ bộ bằng máy ly tâm để đạt độ ẩm cần thiết trước khi vào máy sấy thùng quay (độ ẩm cát sau khi vắt bằng máy ly tâm ≤ 6%).
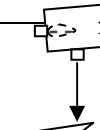	Máy sấy thùng quay: sấy ngược chiều (cát và hỗn hợp khí nóng đi ngược chiều nhau), sử dụng nhiên liệu là gas. Cát sau khi sấy có độ ẩm ≤ 0.2%. Khí thải sau khi ra khỏi máy sấy được đưa qua hệ thống lọc bụi cyclone để làm sạch và thải ra môi trường.
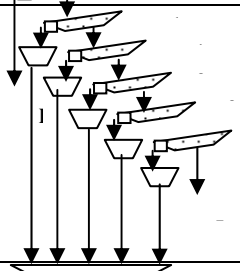	Sau khi sấy khô, cát được phân loại theo từng cỡ hạt yêu cầu bằng hệ thống sàng (kích thước lỗ sàng: 2mm, 1.6mm, 1mm, 0.5mm, 0.16mm, 0.08mm). Các loại cở hạt này được chứa riêng ở mỗi thùng chứa: + Cát số 1: Φ 1.6 ÷ 2mm + Cát số 2: Φ 1 ÷ 1.6mm + Cát số 3: Φ 0.5 ÷ 1mm + Cát số 4: Φ 0.16 ÷ 0.5mm + Cát số 5: Φ 0.08 ÷ 0.16mm
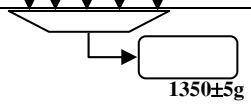	Theo đơn cấp phối cát tiêu chuẩn, các loại cỡ hạt cát được định lượng bằng cân và đóng thành bao có khối lượng 1350 ± 5gam để lưu kho và xuất xưởng. Cát được lấy mẫu để kiểm tra thử nghiệm và làm phiếu chất lượng cho khách hàng theo lô, mỗi lô tối đa là 1500 bao.

6.5 Nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Trong thời gian gần đây, Hà Tiên 1 đang có những lợi thế về sản xuất các loại sản phẩm mới như vữa khô xây dựng, gạch không nung (gạch Block, gạch tự chèn, gạch trồng cỏ và các loại gạch theo nhu cầu của khách hàng).

6.6 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm và dịch vụ

- Công ty đang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 : 2000.

- Phòng Thí Nghiệm - KCS được công nhận là Phòng Thí Nghiệm hợp chuẩn theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025 : 2005 với mã số chứng nhận là VILAS 125 *(tương đương với QUATEST 3).*

6.7 Hoạt động Marketing

Quảng bá thương hiệu

- Tuy đã hoạt động lâu năm trong ngành và thương hiệu Xi măng Hà tiên 1 đã được xác lập trên thị trường vật liệu xây dựng Việt Nam. Song Công ty vẫn không ngừng đầu tư

cho việc phát triển, quảng bá thương hiệu Xi măng Hà Tiên 1 biểu tượng **" Con Kỳ Lân xanh"** với khẩu hiệu ***"Lớn mạnh do bạn và vì bạn"***.

Chiến lược sản phẩm

- Tối ưu hóa dây chuyền sản xuất vữa khô xây dựng và dây chuyền sản xuất gạch không nung để đảm bảo và ổn định chất lượng hơn nữa về chất lượng sản phẩm, mẫu mã sản phẩm đáp ứng nhu cầu, thị hiếu khách hàng.
- Sản phẩm ngói không nung: nghiên cứu đầu tư dây chuyền 1,2 triệu viên/năm.
- Gạch bê tông nhẹ các loại: nghiên cứu để áp dụng các sản phẩm gạch hiện có.

Chiến lược thâm nhập thị trường

- Công ty Xi măng Hà Tiên 1 thực hiện chính sách chiến lược thâm nhập thị trường hiện có nhằm khỏa lấp các lỗ hổng thị trường, tăng sức ảnh hưởng của Xi măng Hà Tiên 1 và làm rào cản đối với các đối thủ mới thâm nhập ngành.
- Mở rộng thị trường Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.
- Giữ vững thị trường khu vực IV gồm bao gồm: Long An, Tp.HCM, Tây Ninh, Bình Phước, Bình Dương, Bà Rịa – Vũng Tàu, Đồng Nai, Bình Thuận, Ninh Thuận, Lâm Đồng.
- Thâm nhập thị trường xi măng xá, thị trường khách hàng công nghiệp.

Chiến lược phát triển thị trường

- Phát triển thị trường mà nhà máy xi măng Bình Phước có lợi thế cung ứng như thị trường Lào, thị trường Campuchia, thị trường Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

Chiến lược giá

- Công ty thực hiện các kế hoạch, chiến lược về giá theo quyết định của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đề ra.
- Giá bán sẽ được điều chỉnh theo mùa vụ, mức độ cạnh tranh của thị trường và phù hợp với nền kinh tế thị trường.
- Hiện nay, sản phẩm của Hà Tiên 1 có giá bán cao nhất trên thị trường. Đây cũng là một lợi thế cạnh tranh mà Hà Tiên 1 đạt được qua hơn 40 năm hoạt động trong ngành xi măng. Với vị trí này, Hà Tiên 1 có thể chủ động dẫn dắt giá bán trên thị trường.

BẢNG GIÁ XI MĂNG BÁN LẺ TẠI CÁC CỬA HÀNG

CỦA CÁC NHÃN HIỆU Ở CÁC TỈNH NĂM 2008

Đơn vị: đồng

CHỦNG LOẠI	TP.HCM	ĐỒNG NAI	VŨNG TÀU	LÂM ĐỒNG	BÌNH THUẬN
Xi măng Hà Tiên 1	1.400.000	1.420.000	1.440.000	1.540.000	1.480.000
Xi măng Holcim	1.380.000	1.400.000	1.400.000	1.520.000	1.480.000
Xi măng Nghi Sơn	1.370.000	1.360.000	1.380.000	-	1.380.000
Xi măng La Villa	1.340.000	1.340.000	1.340.000	-	-
Xi măng Cotec	1.300.000	1.340.000	1.380.000	-	1.500.000
Xi măng Tafico	1.310.000	1.300.000	-	-	-

Nguồn: Hà Tiên 1

6.8 Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Logo:

Ý nghĩa:

- Kỳ lân là linh vật thứ hai trong bộ tứ linh theo truyền thuyết Á Đông. Kỳ lân biểu hiện sức mạnh, đem lại sự vui tươi tốt lành phú quí cho mọi gia đình. Với ý nghĩa mang lại sự vui tươi, phú quí, Xi măng Hà Tiên 1 chọn kỳ lân làm biểu tượng.
- Ngay từ đầu (năm 1964), Công ty Xi măng Hà Tiên 1 đã đặt cho mình mục tiêu phục vụ khách hàng là đem lại hạnh phúc, an khang tạo dựng nên ngôi nhà xây dựng bằng xi măng Hà Tiên 1 trong suốt hơn 40 năm qua, với trên 33.000.000 tấn xi măng các loại, góp phần xây dựng hàng loạt công trình công nghiệp và hàng triệu căn nhà.

Nhãn hiệu hàng hóa:

Nhãn hiệu hàng hóa của Xi măng Hà Tiên 1 được ghi nhận vào sổ danh bạ nhãn hiệu hàng hóa quốc gia, có hiệu lực trên toàn lãnh thổ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và được bảo hộ tổng thể.

6.9 Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã ký kết năm 2008

STT	NỘI DUNG HỢP ĐỒNG	SỐ LƯỢNG H.ĐỒNG	KÝ HỢP ĐỒNG (TẤN)	THỰC HIỆN (TẤN)
1	CTY CP TMDV ĐỨC TOÀN	1	237.000	181,798.44
2	DNTN TÂN XUÂN ANH	1	352.000	325,152.56
3	CTY TNHH CHẤN LONG	1	120.000	51,316.00
4	CTY CP VLXD & TTNT	1	500.000	354,072.65
5	CTY VẬT TƯ XÂY DỰNG TP	1	130.000	114,188.07
6	CTY CP XD & KINH DOANH VẬT TƯ	1	340.000	326,573.64
7	VLXD 815	1	45.000	38,570.20
8	CTY TNHH TM SX CÔNG Q.TRUNG	2	82.500	69,363.65
9	CTY CP VLXD & K.SẢN B.THUẬN	2	75.000	71,658.85
10	DNTN VIỆT HỒNG	1	258.000	201,751.40
11	CTY TNHH XD CĐ LINH THUẬN	1	114.000	97,788.69
12	DNTN TM BÍCH THỦY	1	40.000	35,421.05
13	CTY TNHH THANH MINH	1	40.000	33,866.05
14	CTY TNHH AN KHANG	1	65.000	59,403.55
15	DNTN MISA	1	35.000	25,271.35
16	CTY TNHH MAI LONG PHƯỚC	1	135.000	116,022.43
17	CTY TNHH TMDVSX TỰ PHƯỚC	1	74.000	60,037.35
18	CTY TNHH BÊ TÔNG LAFARGE	1	80.000	56,072.00
19	CTY TNHH TÂM LAN	1	5.000	3,227.00
20	CTCP XD & KD VẬT TƯ	1	40.000	38,943.94
21	XNTN TM THÀNH CÔNG	1	35.000	34,488.10
22	CTY CP TM BÌNH ĐỊNH	1	30.000	13,138.65
23	CTY TNHH SX TM VINH PHONG	1	4.000	4,865.65
24	CTY CPVL&XL GIA LAI	1	30.000	16,496.80
	TỔNG CỘNG	**24**	**2.727.500**	**2,329,488.07**

Nguồn: Hà Tiên 1

6.10 Hoạt động bảo vệ môi trường

Công ty thường xuyên phối hợp với Viện Tài nguyên và Môi trường thực hiện chương trình giám sát môi trường theo định kỳ để theo dõi chất lượng không khí và báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường theo luật định.

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh, Xi măng Hà Tiên 1 luôn chú trọng và đảm bảo các tiêu chí bảo vệ môi trường do Sở Tài nguyên và Môi trường đề ra. Hàng năm, Công ty chi trên 2 tỷ đồng trong việc bảo trì, bảo dưỡng các thiết bị lọc bụi tĩnh điện, lọc bụi tay áo để đảm bảo nồng độ bụi thoát ra từ các thiết bị lọc bụi thoát ra ngoài thấp hơn tiêu chuẩn ngành xi măng qui định từ 30-50 mg/m^3 và đều thấp hơn tiêu chuẩn cho phép theo TCVN 5939-1995 (100mg/m^3) từ 3-25 lần.

Ngoài các hoạt động bảo vệ môi trường như xử lý chất thải, giảm nồng độ bụi, tạo cảnh quan môi trường, … Công ty thường xuyên phối hợp với Viện Môi Trường và

Tài nguyên trực thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh đào tạo chương trình nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường cho cán bô công nhân viên trong Công ty và công nhân thi bật nâng tay nghề của Công ty.

7. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG NHỮNG NĂM GẦN NHẤT

7.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2006, 2007 và Năm 2008

Đơn vị tính Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2006	Năm 2007	% +/- năm 2007/2006	Năm 2008	% +/- năm 2008/2007
1	Tổng tài sản	2.668.238	2.375.214	- 10,98%	5.647.285	137,76%
2	Doanh thu thuần	2.137.235	2.192.928	2,61%	2.545.215	16,06%
3	Lợi nhuận từ hoạt động SXKD	62.892	99.788	58,66%	71.730	-28,12%
4	Lợi nhuận khác	3.129	550	- 82,42%	-1.254	-328%
5	Lợi nhuận trước thuế	66.021	100.339	51,98%	70.476	-29,76%
6	Lợi nhuận sau thuế	53.371	100.339	88,00%	70.476	-29,76%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	7%		8%	

Nguồn: Hà Tiên 1

** Số liệu năm 2007 tính từ ngày 18/1/2007 đến 31/12/2007 do Hà Tiên 1 chuyển thành công ty cổ phần vào ngày 18/1/2007*

Số liệu của năm 2006 đã được kiểm toán với các yếu tố loại trừ được trình bày dưới đây:

i. Giải trình về khoản ngoại trừ trên BCTC năm 2006:

- Chi phí vận chuyển nguyên liệu: Đây là khoản chi phí vận chuyển cho lô hàng clinker nhập từ Thái Lan. Tại thời điểm 31/12/2006, Công ty đã hạch toán hàng tồn kho gồm giá nguyên liệu FOB, thuế nhập khẩu nhưng chưa ghi nhận chi phí vận chuyển do hàng còn đang chờ thủ tục bốc xếp ngoài cảng và hóa đơn do đơn vị vận chuyển xuất ngày 8/1/2007. Trị giá của hợp đồng này là 6,2 tỷ đồng.

- Chưa tính lại khấu hao theo nguyên giá đã được xác định lại trong giá trị doanh nghiệp: Công ty được Bộ xây dựng phê duyệt kết quả đánh giá lại tài sản của Công ty theo Quyết định số 1483/QĐ-BXD ngày 01/11/2006, đồng thời Công ty áp dụng theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại thông tư số 95-2006/TT-BTC ngày 12-10-2006 (về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 126/2006/2004/TT-BTC ngày 24/12/2004 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện chuyển Công ty Nhà nước thành công ty cổ phần), có quy định tại điểm d-mục 1 như sau: "thực hiện trích khấu hạo TSCĐ trong giai đoạn từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm chính thức chuyển

thành Công ty cổ phần: trường hợp doanh nghiệp đã lập báo cáo tài chính thì không phải điều chỉnh lại mức trích khấu hao theo nguyên giá mới". Chênh lệch chi phí khấu hao theo nguyên giá cũ và nguyên giá mới là 2,5 tỷ đồng. Công ty chính thức chuyển sang Công ty cổ phần từ ngày 18/1/2007 và đã thực hiện tính khấu hao theo nguyên giá mới từ tháng 1/2007.

- Công ty trích hai quỹ khen thưởng và phúc lợi căn cứ vào chỉ tiêu thuế phát sinh phải nộp không khấu trừ thuế GTGT đầu vào là căn cứ theo hướng dẫn tại Thông tư số 11/2007/TT-BTC ngày 8/2/2007.

ii. Báo cáo tài chính năm 2006 kết thúc ngày 17/1/2007: Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh vào ngày 18/1/2007. Do đó, áp dụng theo Điều 2 Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài Chính số 95-2006/TT-BTC ngày 12-10-2006 về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 126 /2006/2004/TT-BTC ngày 24/12/2004 của Bộ Tài Chính quy định về việc hướng dẫn công ty nhà nước chuyển sang công ty cổ phần, Công ty phải lập báo cáo tài chính kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

iii. Giải trình về khoản ngoại trừ trên BCTC năm 2006 có kỳ kết thúc vào ngày 17/1/2007:

- Không tham gia kiểm kê: Công ty kiểm toán không tham gia chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho vào ngày 18/1/2007 vì trong thời gian Công ty nộp hồ sơ lên Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM, Công ty không xác định được ngày cấp giấy phép đăng ký kinh doanh nên không sắp xếp được với Công ty để tiến hành tham gia kiểm kê vào ngày này. Tuy nhiên Công ty kiểm toán đã tham gia kiểm kê vào ngày 31/12/2006.

- Công ty chưa tính lại thuế thu nhập doanh nghiệp đối với lợi nhuận từ 1/1/2007 đến 17/1/2007 vì trong 17 ngày này, kết quả hoạt động kinh doanh là lỗ 4,9 tỷ và Công ty đang tiến hành xin đăng ký chuyển lỗ với Cục thuế trong năm 2008.

7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong những năm qua

Trong thời gian qua, giá cả nguyên liệu, vật tư chuyên dùng luôn biến động tăng liên tục tuy nhiên Hà Tiên 1 vẫn đảm bảo tình hình hoạt động kinh doanh đồng thời làm tốt nhiệm vụ bình ổn thị trường xi măng cả nước. Điều này đã chứng tỏ Hà Tiên 1 hoạt động hiệu quả từ khâu quản lý sản xuất đến khâu tiêu thụ sản phẩm. Công ty hoạt động với mục tiêu giảm chi phí kinh doanh không mang lại lợi ích kinh tế nhằm tăng tối đa lợi nhuận cho Công ty. Trong năm 2008, mặc dù cuộc khủng hoảng kinh tế đã tạo ra nhiều biến động kinh tế gây bất lợi cho hoạt động kinh doanh của hầu hết các doanh nghiệp nói chung và Hà Tiên 1 nói riêng, Công ty đã đạt được một số kết quả đáng khích lệ:

- Doanh thu thuần năm 2008 là 2.545,2 tỷ đồng, tăng 16,06% so với năm 2007.

- Lợi nhuận sau thuế năm 2008 đạt 70,48 tỷ đồng giảm 29,86 tỷ so với năm 2007.

Sự tăng trưởng về doanh thu của Hà Tiên 1 trong năm qua là nhờ vào sản lượng tiêu thụ tăng hơn 2% so với năm 2007 cũng như các đợt tăng giá bán trong năm.

Giá bán xi măng 2008:

gày	PB 40 rời	PB 40 bao
Tháng 12/2007	910.000	1.000.000
Từ 01/01/08	940.000	1.035.000
Từ 01/02/08	980.000	1.070.000
Từ 04/04/08	1.070.000	
Từ 07/06/08	1.200.000	1.200.000
Từ 09/07/08	1.350.000	
Từ 01/09/08		1.300.000

Năm 2008, cùng với một số biến cố của nền kinh tế vĩ mô trong nước cũng như nguy cơ khủng hoảng kinh tế toàn cầu, hoạt động kinh doanh của Hà Tiên 1 cũng chịu một số ảnh hưởng đáng kể. Lạm phát tăng cao trong 6 tháng đầu năm 2008 làm giá cả nguyên liệu đầu vào không ngừng tăng cao đặc biệt là giá dầu và giá nhập khẩu clinker. Thêm vào đó, chi phí lãi vay cũng liên tục tăng từ 12,38% năm 2007 lên đến 21% vào tháng 6/2008. Mặc dù giá bán đầu ra của Công ty có tăng so với năm 2008 nhưng vẫn chưa bù đắp được các chi phí đầu vào. Do vậy, lợi nhuận kinh doanh đã sụt giảm 29,76% so với năm 2007 mặc dù doanh thu tăng 16%.

Giá trị tài sản của Công ty tăng mạnh trong năm 2008 chủ yếu là giá trị của hai dự án nhà máy xi măng đang đầu tư đang bước vào giai đoạn hoàn tất các gói thầu.

Thuận lợi

- Việc hội nhập AFTA và WTO mang lại những cơ hội tốt để Hà Tiên 1 tiếp thu được trình độ quản lý tiên tiến, tiếp cận tiến bộ về khoa học kỹ thuật và công nghệ mới.
- Cầu xi măng khu vực IV, Nam Trung bộ và Tây Nguyên tăng cao trong giai đoạn 2006 - 2010 và có khả năng cao hơn nếu xét đến các nhân tố:
  + Thị trường nhà đất tăng trưởng mạnh trong năm 2007 kéo theo cầu về vật liệu xây dựng cũng tăng lên một cách đáng kể
  + Nhiều công trình xây dựng lớn được triển khai như đường tàu điện ngầm tại Tp. Hồ Chí Minh, cầu Thủ Thiêm, đường cao tốc Tp. Hồ Chí Minh - Sân bay quốc tế Long Thành, các khu công nghiệp mới,…
  + Chủ trương tăng cường đầu tư để đạt được tăng trưởng vững chắc hơn, bền vững hơn, ổn định hơn sẽ làm tăng nhu cầu xi măng.

+ Nhãn hiệu sản phẩm của Hà Tiên 1 có uy tín cao với người tiêu dùng.
+ Chất lượng sản phẩm của Hà Tiên 1 cao và ổn định.
+ Hệ thống tiêu thụ của Hà Tiên 1 rất hiệu quả và ngày càng được hoàn thiện.
+ Hà Tiên 1 đang chiếm thị phần cao nhất tại thị trường khu vực IV.
+ Sự hỗ trợ về tín dụng từ phía các Ngân hàng.

Khó khăn

- Công ty chưa tự chủ được nguồn clinker mà hoàn toàn phụ thuộc vào nguồn clinker nhập khẩu và mua từ miền Bắc. Do vậy, chi phí sản xuất kinh doanh khá cao so với các doanh nghiệp khác hoạt động trong ngành.
- Sản phẩm của Xi măng Hà Tiên 1 chủ yếu tập trung vào khu vực dân dụng, chưa có thị phần cao trong xây dựng công nghiệp và trong lĩnh vực bê tông trộn sẵn.
- Còn một phần không nhỏ các thiết bị công nghệ lạc hậu, chưa hoàn toàn đáp ứng yêu cầu môi trường, năng suất thấp, chi phí vận hành, sửa chữa cao, nên khả năng cạnh tranh về giá kém.
- Sẽ không còn tình trạng chênh lệch cung - cầu xi măng trong nước như giai đoạn 2000 - 2005 đồng thời do tiến trình hội nhập nguồn xi măng dư thừa rất lớn của các nước trong khu vực sẽ có điều kiện tràn vào nước ta tạo nên môi trường cạnh tranh khốc liệt.

8. VỊ THẾ CỦA CÔNG TY SO VỚI CÁC DOANH NGHIỆP KHÁC TRONG NGÀNH

8.1 Vị thế của Công ty trong ngành

***Về hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh*:**

Sản phẩm của Xi măng Hà Tiên 1 chủ yếu được tiêu thụ tại khu vực IV (chỉ riêng khu vực Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Đồng Nai chiếm khoảng 65% tổng lượng xi măng bán ra của Hà Tiên 1). Hà Tiên 1 thường xuyên là đơn vị dẫn đầu về thị phần tiêu thụ xi măng trong khu vực IV. Tuy nhiên trong 6 tháng đầu năm 2008, do những khó khăn trong vấn đề nhập khẩu clinker dẫn đến sự thiếu hụt nguyên liệu trong sản xuất nên thị phần có phần giảm so với các năm trước và chỉ đứng thứ 2 sau Holcim.

BIỂU ĐỒ THỊ PHẦN XI MĂNG KHU VỰC MIỀN NAM 2005, 2006, 2007 VÀ 2008

THỊ PHẦN MIỀN NAM NĂM 2005

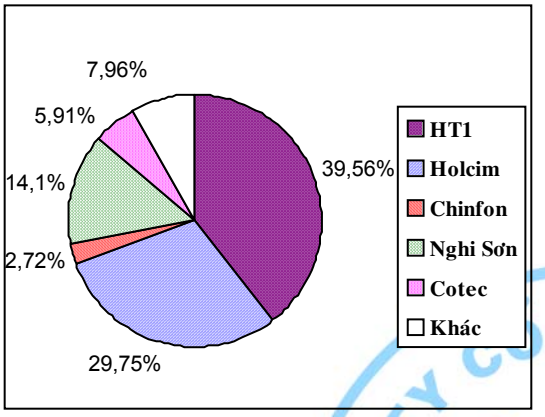

THỊ PHẦN MIỀN NAM NĂM 2006

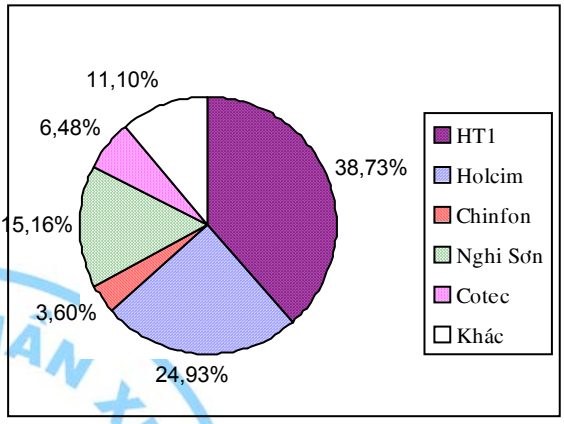

THỊ PHẦN TẠI MIỀN NAM NĂM 2007

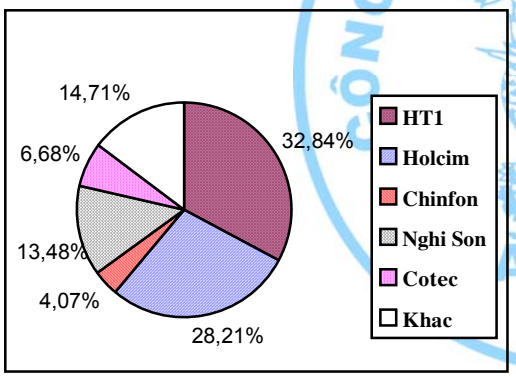

THỊ PHẦN TẠI MIỀN NAM NĂM 2008

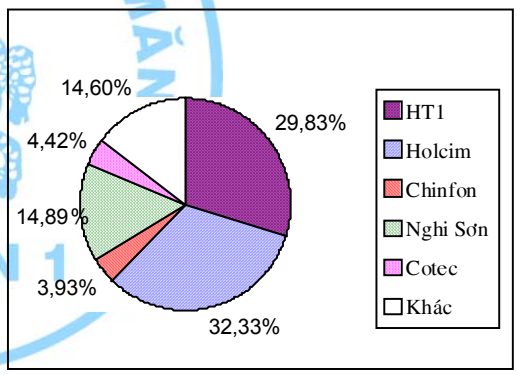

Biểu đồ thống kê chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận năm 2007 và Năm 2008 của một số doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh trong ngành xi măng (Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 – HT1, Công ty Xi măng Bỉm Sơn – BCC và Công ty Xi măng Bút Sơn – BTS).

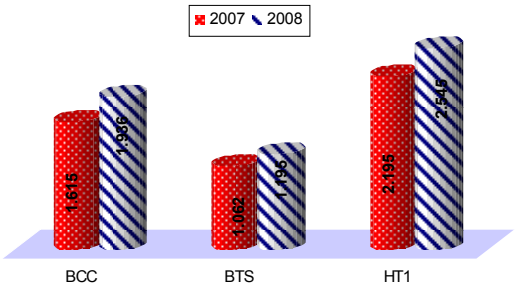

Doanh thu

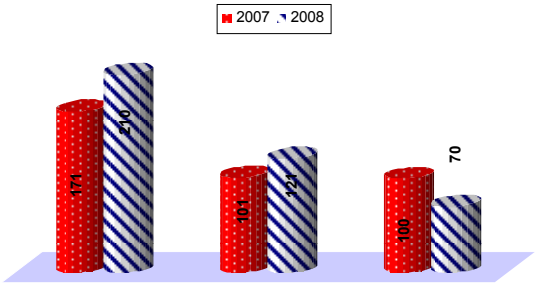

Lợi nhuận

Đơn vị tính: tỷ đồng

	BCC	BTS	HT1
Doanh thu			
2007	1.615	1.062	2.195
2008	1.936	1.195	2.545
Lợi nhuận trước thuế			
2007	171	101	100
2008	210	121	70

Doanh thu của Hà Tiên 1 cao vượt trội so với Bỉm Sơn và Bút Sơn tuy nhiên về lợi nhuận trước thuế đạt được thì Hà Tiên 1 lại thấp hơn. Nguyên nhân là do Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 hiện nay chưa tự chủ được nguồn clinker mà hoàn toàn phụ thuộc vào nguồn clinker nhập khẩu và mua ngoài. Thêm vào đó, với nhiệm vụ bình ổn thị trường xi măng nói riêng và nền kinh tế cả nước cả nước nói chung, tiến trình tăng giá bán của Hà Tiên 1 phải tuân thủ theo quy định và lộ trình của Chính phủ.

Năm 2008, với một loạt các yếu tố tiêu cực ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của ngành xi măng như lãi suất tăng cao, giá xăng dầu liên tục tăng làm giá nhập khẩu clinker cũng tăng theo và các yếu tố đầu vào cũng đồng loạt tăng đã làm lợi nhuận trước thuế của các công ty đều bị ảnh hưởng giảm.

Để khắc phục tình trạng tăng giá clinker do phải nhập khẩu từ Thái Lan hoặc mua từ miền Bắc, Công ty đã triển khai dự án xây dựng nhà máy xi măng Bình Phước để tự chủ hơn về nguồn nguyên liệu chính đầu vào là clinker. Theo kế hoạch, khi nhà máy xi măng Bình Phước đi vào hoạt động vào năm 2009, với công suất thiết kế của nhà máy, nhà máy này sẽ đáp ứng được phần lớn nhu cầu clinker cho các máy nghiền đang hoạt động tại Công ty.

Với thị trường rộng lớn ở khu vực phía Nam hiện có và khả năng tự chủ nguồn clinker trong tương lai, hiệu quả sản xuất kinh doanh của Hà Tiên 1 sẽ tăng thêm một bước đáng kể.

Về thị phần và hệ thống phân phối

Xi măng Hà tiên 1 đang chiếm khoảng 8% thị phần thị trường xi măng cả nước và khoảng 30% thị trường phía Nam. Hệ thống phân phối của Công ty chủ yếu tập trung tại thị trường khu vực IV với các kênh phân phối đa dạng, có thể cung cấp sản phẩm đến tay người tiêu dùng một cách thuận tiện nhất. Việc áp dụng mô hình phân phối thông qua nhà phân phối giúp Hà Tiên 1 giảm chi phí phân phối rất nhiều, chất lượng quản lý hệ thống phân phối tốt hơn so với các đối thủ cạnh tranh áp dụng mô hình phân phối trực tiếp. Với thâm niên hoạt động trong ngành xây dựng hơn 40 năm qua, Công ty đã phát triển được 21 nhà phân phối trải khắp khu vực IV với hơn 4.000 cửa hàng vật liệu xây dựng. Hiện nay, Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 là đơn vị duy nhất áp dụng hệ thống bán hàng qua mạng. Điều này góp phần hỗ trợ các nhà phân phối và khách hàng linh động hơn trong việc đặt hàng và mua hàng.

SƠ ĐỒ THỊ TRƯỜNG VÀ HỆ THỐNG NHÀ PHÂN PHỐI CHÍNH CỦA HÀ TIÊN 1

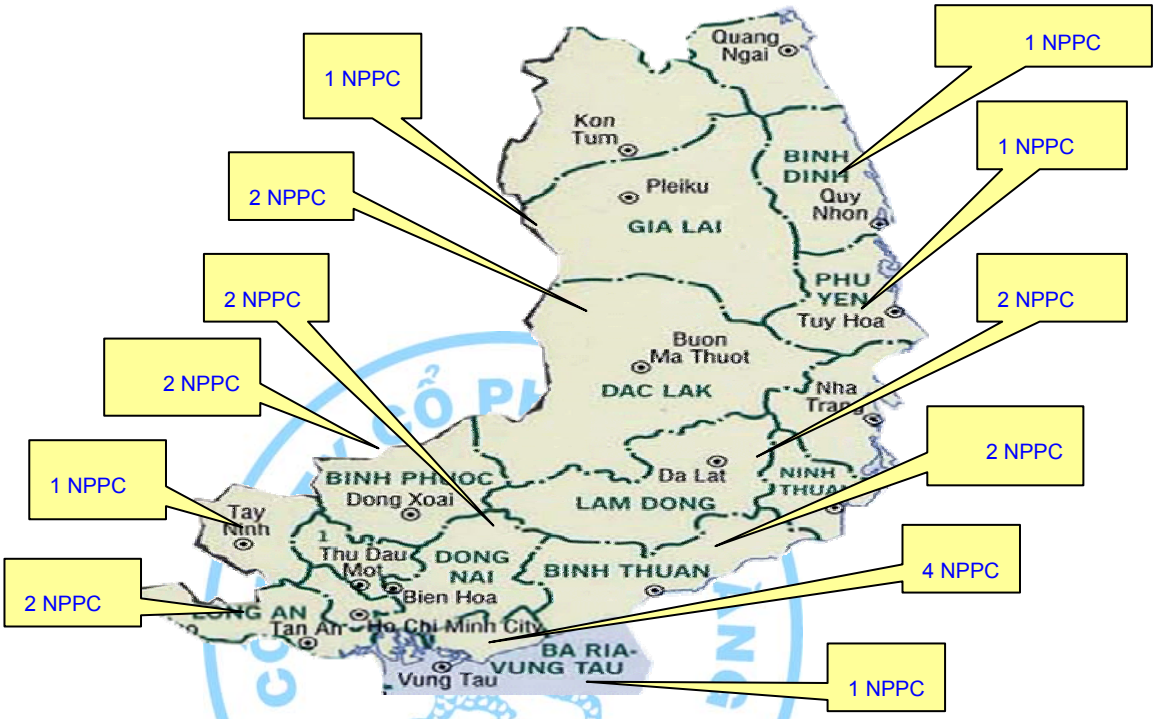

Nguồn: Hà Tiên 1

Về thương hiệu

Thương hiệu Hà tiên 1 được người tiêu dùng tin tưởng qua việc bình chọn là thương hiệu mạnh qua hai năm liền 2005 và 2006.

Tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty trong năm 2006, lợi thế kinh doanh mà chủ yếu là giá trị thương hiệu của Hà Tiên 1 được xác định là 176.752.281.000 đồng.

Về sản phẩm

Sản phẩm của Hà Tiên 1 trong 10 năm liền (1997 - 2006) được người tiêu dùng bình chọn là "Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao".

Về trình độ công nghệ

Từ năm 2000, Công ty đã đầu tư hệ thống ERP (Enterprise Resource Planning), tổ chức phần mềm ứng dụng theo mô hình 3 lớp dùng ngôn ngữ của Oracle, thiết lập mạng LAN và WAN trên toàn bộ hoạt động của công ty. Hệ thống giao dịch và mua bán với các Nhà phân phối chính của Hà Tiên 1 trên toàn bộ thị trường khu vực IV cũng đã được tích hợp vào hệ thống hoạt động này. Việc đầu tư hệ thống ERP đã góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả quản trị và hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Về tín nhiệm tài chính

Hà Tiên 1 nhận được sự tín nhiệm cao từ các ngân hàng thương mại và các nhà cung

ứng. Hiện nay, Công ty được các ngân hàng thương mại trong và ngoài nước cấp hạn mức tín dụng ngắn hạn và dài hạn (lên đến 150 triệu đô la Mỹ và 1.980 tỷ đồng), đồng thời các quỹ đầu tư trong và ngoài nước rất quan tâm và muốn đầu tư tài chính vào công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng đã tạo được uy tín lớn với các đối tác cung ứng do sức mua ổn định, khối lượng nhập khẩu lớn, thanh toán đúng hạn, tạo lợi thế trong cạnh tranh.

8.2 Triển vọng phát triển của ngành

8.2.1 Môi trường kinh doanh từ 2007- 2010

❖ **Bối cảnh trong nước**

Nền kinh tế thị trường được hình thành và ngày càng tiếp cận thị trường thế giới, nhiều cơ chế chính sách mới được ban hành đã có tác động tích cực đến sự phát triển của nền kinh tế. Sự ổn định chính trị đã tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế. Tuy nhiên, vẫn còn những khó khăn cần khắc phục như chất lượng phát triển, hiệu quả và sức cạnh tranh còn thấp so với các nước trong khu vực.

❖ **Mục tiêu của Chính phủ**

Phấn đấu đưa GDP đến năm 2010 lên ít nhất gấp đôi năm 2000, tăng nhanh đầu tư xã hội, tạo chuyển biến mạnh về chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh. Nhịp độ tăng trưởng giá trị gia tăng công nghiệp và xây dựng bình quân trong năm năm tới đạt khoảng 10 - 10,5%. Phấn đấu đến năm 2010 giá trị công nghiệp và xây dựng chiếm 40 - 41% GDP. Huy động cao tỷ lệ GDP cho đầu tư phát triển tạo đà phát triển kinh tế cho những năm sau.

❖ **Theo xu thế phát triển chung**

Nhu cầu xi măng tiếp tục tăng cao nhằm thoả mãn cho công tác xây dựng cơ bản - nền tảng cho sự phát triển các ngành khác. Các chương trình lớn của Nhà nước tiếp tục được đẩy mạnh, hình thành các khu đô thị mới, các cơ sở hạ tầng (giao thông, điện, nước, thông tin, ...) phát triển, nông thôn được công nghiệp hóa chuyển mạnh sang sản xuất hàng hóa và phát triển dịch vụ.

8.2.2 Dự báo thị trường xi măng khu vực

Xi măng Việt Nam phải đương đầu với sức ép về khả năng cạnh tranh gay gắt không những giữa các Doanh nghiệp trong nước, các liên doanh mà cả với các nguồn xi măng nhập khẩu từ phía các nước thành viên ASEAN, Trung Quốc.

Giai đoạn 2006 - 2011 là thời kỳ hội nhập đầy đủ vào khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA) và WTO, cạnh tranh sẽ gay gắt hơn, đòi hỏi tính chuyên nghiệp cao hơn trên một sân chơi bình đẳng và thực sự khẳng định vị thế cạnh tranh của mỗi thành viên.

Giá clinker nhập khẩu, giá xăng dầu dự kiến sẽ tiếp tục tăng, chi phí vận tải quốc tế tăng,

chi phí nguyên liệu đầu vào có nguồn gốc nhập khẩu cũng sẽ tăng theo, hệ quả là giá thành xi măng tăng trong khi giá bán phải tính tới khả năng cạnh tranh với các nước trong khu vực.

Dự báo mức tăng thêm trong cung ứng xi măng cả nước trong giai đoạn từ 2007 đến 2010 bình quân mỗi năm tăng 7 triệu tấn. Nhu cầu cả nước dự báo tăng bình quân 4,2 triệu tấn/năm. Tổng cung xi măng vào năm 2010 đạt khoảng 51,8 triệu tấn so với tổng cầu 49,4 triệu tấn.

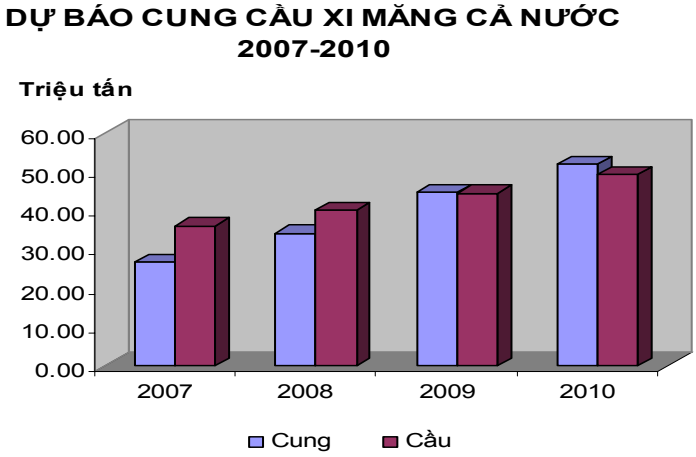

Bảng 2: Dự báo các chỉ tiêu kinh tế ngành xi măng giai đoạn 2007-2010

	Chỉ tiêu	ĐVT	2007	2008	2009	2010
1	Nhu cầu xi măng	Triệu tấn	36.1	40.1	44.5	49.4
2	Tăng trưởng tiêu thụ xi măng	%/năm	11.0	11.0	11.0	11.0
3	Năng lực sản xuất trong nước	Triệu tấn	26.9	34.2	44.8	51.8
4	Thừa (+), thiếu (-)	Triệu tấn	-9.2	-5.8	0.4	2.4

(Nguồn: Quyết định số 108/2005/QĐ-TTg ngày 16/05/2005 của Chính phủ v/v phê duyệt quy hoạch phát triển ngành xi măng đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020.)

Bảng 3: Dự báo giá xi măng và nguyên liệu chính để sản xuất xi măng từ 2007-2010

Chỉ tiêu	ĐVT	2008	2009	2010	2011	2012
1. Giá xi măng Hà Tiên 1 PCB40	Đ/tấn	1.300.000	1.300.000	1.300.000	1.300.000	1.300.000
2. Giá thạch cao Nhập (CIF)	USD/T	28,95	27,25	27,25	27,25	27,25
3. Giá giấy nhập khẩu (CIF)	USD/T	1.000	1.100	1.100	1.100	1.100
4. Giá Clinker trong nước	Đ/tấn	720.000	650.000	650.000	650.000	650.000
5. Giá Clinker FOB	USD/T	44,5	35	35	35	35

Chỉ tiêu	ĐVT	2008	2009	2010	2011	2012
– Thái Lan						
6. Giá Clinker CIF – HCM	USD/T	60,5	47,5	47,5	47,5	47,5
7.Thuế suất thuế NK clinker	%	0.0	5.0	5.0	5.0	5.0
8. Giá clinker nhập khẩu	USD/T	61	51,5	51,5	51,5	51,5

Nguồn: Hà Tiên 1

Ghi chú:

- Mục 1: là giá bán tại Công ty bao gồm cả VAT; mục 4 và 8 là giá đến kho Công ty không bao gồm VAT.
- Mục 4 : giá clinker mua trong nước giao tại Hà Tiên 1 (Thủ Đức).
- Mục 8 : giá clinker nhập khẩu giao tại Hà Tiên 1 (Thủ Đức).
- Đến năm 2009, khi dự án Nhà máy xi măng Bình Phước đi vào hoạt động, Công ty sẽ tự chủ được nguồn clinker, làm giảm giá thành sản xuất sản phẩm, đồng thời gia tăng lợi nhuận cho Công ty.

9. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

9.1 Số lượng người lao động trong Công ty

Là Công ty mới chuyển sang Công ty cổ phần và hoạt động theo Luật doanh nghiệp từ năm 2007 nên phần lớn lực lượng lao động của Công ty là lao động được chuyển từ doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty cổ phần sau khi được sắp xếp, đào tạo nhằm đáp ứng mô hình hoạt động mới. Tổng số lao động của Công ty tính tới thời điểm 30/9/2008 là 1.491 người trong đó có 435 công nhân kỹ thuật được chuẩn bị cho hoạt động của 02 dự án Trạm tiếp nhận, nghiền và phân phối xi măng phía Nam và Nhà máy Xi măng Bình Phước.

CƠ CẤU LAO ĐỘNG PHÂN CHIA THEO TRÌNH ĐỘ

Trình độ học vấn	Ban Giám đốc	Lực lượng gián tiếp	Lực lượng trực tiếp	Tổng cộng
A. Phân theo trình độ lao động	**4**	**303**	**1.184**	**1.491**
- Trên Đại học	1	8		9
- Cử nhân/ Đại học	3	278		281
- Cao đẳng, Trung cấp		17	225	242
- Công nhân kỹ thuật			959	959
B. Phân theo HĐ lao động				
- Hợp đồng lao động không xác định thời hạn	4	273	759	1.257
- Hợp đồng lao động xác định thời hạn từ 01 đến 03 năm		30	425	204
Tổng cộng		303	1.184	1.491

Nguồn : Hà Tiên 1

9.2 Chính sách đối với người lao động

Công ty có Qui chế đào tạo và thực hiện kế hoạch đào tạo hàng năm theo qui trình ISO 9001 : 2000. Tập trung với các định hướng sau:

- Đào tạo ban đầu: Nhân lực mới tuyển dụng sẽ được đào tạo 1 số kỹ năng ban đầu, như an toàn lao động, nội qui và chính sách chất lượng của công ty.
- Công ty thực hiện qui hoạch cán bộ quản lý, đào tạo cán bộ quản lý cao cấp (08 người) tại nước ngoài. Năm 2004, đào tạo ngoại ngữ tại Đại học Otago New Zealand. Năm 2005, 2006 đào tạo quản lý tại ĐH Swinburne Úc (Graduate Certificate). Dự kiến năm 2007, tiếp tục đào tạo để lấy chứng chỉ Diploma, 2 trong 3 chứng chỉ để đạt trình độ Master quốc tế.
- Đào tạo cán bộ quản lý cấp phòng ban, phân xưởng theo kế hoạch hàng năm và bồi dưỡng kỹ năng quản lý sau đánh giá cán bộ hàng năm.
- Đào tạo theo nhu cầu và ngân sách của đơn vị xây dựng hàng năm.
- Đào tạo cán bộ trẻ có tiềm năng. Danh sách do Đoàn Thanh niên đề nghị theo chỉ đạo của Đảng ủy Công ty. Năm 2006 và 6 tháng đầu năm đã hoàn tất đào tạo ngoại ngữ. 6 tháng cuối năm tiến hành đào tạo kỹ năng quản lý căn bản. Đang mở khóa đào tạo thạc sỹ (EMBA) cho 20 cán bộ tiềm năng qua viện AIT(Thái lan), khóa học đã khai giảng trong tháng 11/2007.
- Đào tạo nguồn nhân lực cho các dự án mới của Công ty: Đã hoàn tất chương trình đào tạo nghề cho hơn 500 công nhân kỹ thuật, phục vụ cho 2 dự án đầu tư mới của Công ty. Hiện tại số công nhân kỹ thuật này đang được thực tập nghề tại các phân xưởng của Công ty. Khi các dự án mới đi vào hoạt động, số công nhân kỹ thuật này sẽ thực hiện được ngay công việc.
- Công ty đang triển khai và áp dụng trả lương theo giá trị công việc cho người lao động để khuyến khích và thu hút những người lao động giỏi có năng lực gắn bó lâu dài với Công ty.

Qui chế đào tạo qui định :

- Các trường hợp do Công ty cử đi đào tạo; học bổ túc văn hóa; nữ công nhân viên được Thủ trưởng đơn vị đề nghị đào tạo bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ được thanh toán 100% kinh phí.
- Các trường hợp tự đào tạo để nâng cao trình độ văn hóa, chuyên môn (đại học tại chức ...) được Công ty hỗ trợ 50% kinh phí đào tạo.

10. CHÍNH SÁCH CỔ TỨC

Công ty sẽ chi trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành các nghĩa vụ nộp thuế, các nghĩa vụ tài chính khác theo qui định của pháp luật, ngay khi trả

hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.

Cổ đông sẽ được chia cổ tức theo phần vốn góp và tùy theo đặc điểm tình hình kinh doanh cho phép Hội đồng quản trị có thể tạm ứng cổ tức cho các cổ đông theo từng thời gian mỗi 06 tháng một lần.

Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên cơ sở đề xuất của Hội đồng quản trị, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

11. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

11.1 Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty trình bày bằng đồng Việt Nam, được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Trích khấu hao tài sản cố định

Giá trị tài sản của công ty được đánh giá lại theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp ngày 27/09/2006 của Công ty Kiểm toán Việt Nam và được đánh giá bổ sung theo Báo cáo thẩm tra giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa ngày 05/10/2006 của Vụ Kinh tế tài chính – Bộ Xây dựng. Kết quả đánh giá lại tài sản của Công ty được Bộ xây dựng phê duyệt bởi Quyết định số 1483/QD9-BXD ngày 01/11/2006 của Bộ Trưởng Bộ Xây dựng.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

Thời gian khấu hao áp dụng cho các loại tài sản tại Công ty như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	:	05 - 25năm
Máy móc, thiết bị	:	03 - 08 năm
Phương tiện vận chuyển, truyền dẫn	:	06 năm
Thiết bị văn phòng, dụng cụ quản lý	:	03 - 05 năm

Riêng hệ thống máy nghiền 4, từ năm 2001 đến 2005 Công ty đã áp dụng tỷ lệ khấu hao nhanh là 33,40% trên giá trị còn lại của tài sản cố định kể từ năm 2002, theo công văn số 2249/TC/TCDN ngày 13/03/2003 của Bộ Tài Chính. Với mức khấu hao nhanh trong cuối năm 2006 là 40.430.513.034 đồng.

Tuy nhiên trong 6 tháng đầu năm 2006, được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị Tổng công ty Xi măng Việt Nam, Công ty đã thay đổi từ phương pháp khấu hao nhanh sang phương pháp khấu hao theo đường thẳng, tổng số trích khấu hao của hệ thống máy

nghiền 4 trong năm 2006 là 13.476.837.678 đồng.

Mức lương bình quân

Tại thời điểm 31/12/2008, mức lương bình quân hàng tháng của người lao động tại Công ty cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 là 6.189.000 đồng, đây là mức thu nhập tương đối cao so với các doanh nghiệp cùng ngành và mặt bằng lương chung.

Trích lập các quỹ

Sau khi kết thúc niên độ tài chính, Công ty tiến hành trích lập các quỹ trên cơ sở từ lợi nhuận sau thuế đạt được. Việc trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu, việc phân phối lợi nhuận của Công ty căn cứ vào Thông tư 11/2007/TT-BTC ngày 08/02/2007 của Bộ Tài chính, trong đó chỉ tiêu số phải nộp ngân sách của thuế giá trị gia tăng công ty dựa vào số thuế giá trị gia tăng đầu ra phát sinh, không phải dựa vào số thuế giá trị gia tăng đầu ra phát sinh đã trừ đi số thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ.

Quỹ đầu tư được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ tài chính dự phòng được dung để:

- Bù đắp tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình sản xuất kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị;

Tổng dư nợ vay ngân hàng

Hiện tại Hà Tiên 1 không có các khoản phát sinh nợ quá hạn, chi tiết dư nợ cho vay như sau:

***Tình hình* vay ngắn hạn và nợ dài hạn đến hạn trả**

Đơn vị tính: đồng

Stt	Khoản mục	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008
	Vay ngắn hạn	**258.580.186.664**	**213.164.925.249**	**523.701.737.340**
1	Vay Ngân hàng Công Thương Việt Nam – Sở Giao dịchII bằng USD để thanh toán L/C nhập khẩu	132.605.212.859	46.705.099.273	31.709.494.300
2	Vay Ngân hàng Ngoại thương VN – CN Tp.HCM bằng USD để thanh toán L/C nhập khẩu	79.291.794.805	26.489.919.976	90.567.692.534
3	Vay Ngân hàng ANZ –CN Tp.HCM bằng USD để bổ sung vốn lưu động	46.683.179.000	14.969.906.000	27.175.019.897
4	Vay ngân hàng ABN AMBRO – Hà Lan	-		55.082.580.027

Stt	Khoản mục	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008
5	Vay ngân hàng Tokyo Mitsubishi UFJ	-	15.000.000.000	28.000.000.000
6	Vay Tổng Công ty Xi măng Việt Nam	-	110.000.000.000	110.000.000.000
7	Ngân hàng SGD II - BIDV	-	-	103.036.738.628
8	CFC (Công ty tài chính cổ phần xi măng)	-	-	70.000.000.000
9.	Vay Ngân hàng Đầu tư & Phát triển – CN.Tp.HCM	-	-	8.130.211.954
	Nợ dài dạn đến hạn trả	**51.414.169.800**	**50.043.756.055**	**24.179.070.000**
1	Vay Ngân hàng Công Thương Việt Nam – Sở Giao dịch II	17.942.084.900	17.942.084.900	10.553.535.000
2	Vay Ngân hàng Ngoại thương VN –CN Tp.HCM	14.842.084.900	14.842.084.900	10.525.535.000
3	Vay Ngân hàng Đầu tư & Phát triển – Sở Giao dịch II	8.000.000.000	6.628.251.850	3.100.000.000
4	Vay Ngân hàng Đầu tư & Phát triển – CN.Tp.HCM	10.630.000.000	10.631.334.405	-
	Tổng cộng	**309.994.356.464**	**263.208.681.304**	**547.880.807.340**

Nguồn:BCTC đã kiểm toán HT1 năm 2006, 2007 và BCTC năm 2008

Nợ ngắn hạn chủ yếu phục vụ cho nguồn vốn lưu động của Công ty để nhập nguyên liệu, chủ yếu là clinker, về sản xuất kinh doanh.

Vay và nợ dài hạn *Đơn vị tính: đồng*

Stt	Khoản mục	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008
1	Vay Ngân hàng Công Thương Việt Nam – Sở Giao dịchII để tài trợ cho Dự án Công ty Xi măng Holcim Việt Nam và dự án cải tạo môi trường.	39.921.057.157	21.964.972.257	8.311.437.257
2	Vay Ngân hàng Ngoại thương VN – CN Tp.HCM đồng tài trợ cho Dự án Công ty Xi măng Holcim Việt Nam.	32.012.117.643	17.184.032.743	6.658.497.442
3	Vay Ngân hàng Đầu tư & Phát triển – Sở Giao dịch II để cải tạo môi trường, đầu tư mỏ đá, dây chuyền bao dán.	6.628.251.850	-	
4	Vay của Ngân hàng Đầu tư& Phát triển –CN Tp.HCM để cải tạo môi trường.	10.631.334.405	-	
5	Vay của Ngân hàng Đầu tư& Phát triển – Sở Giao dịch II để tài trợ dự án Trạm nghiền Quận 9	37.125.661.378	118.034.097.789	600.000.000.000

Stt	Khoản mục	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008
6	Vay hợp vốn 8 Ngân hàng thương mại Nhà nước do Ngân hang Đầu tư & Phát triển – Sở Giao dịch II làm đầu mối để tài trợ cho dự án Xi măng Bình Phước.	210.856.159.638	446.422.908.901	1.098.441.280.049
7	Vay Ngân hàng Societe Generale (CH Pháp) tài trợ dự án Xi măng Bình Phước	-	134.479.681.028	1.284.333.934.914
	Tổng cộng	**337.174.582.071**	**738.085.692.718**	**2.997.745.149.662**

Nguồn:BCTC đã kiểm toán HT1 năm 2006, 2007 và BCTC năm 2008

Để tài trợ cho 2 dự án lớn là dự án Nhà máy xi măng Bình Phước và Trạm nghiền và phân phối xi măng Phía Nam. Công ty vay nợ dài hạn từ các Ngân hàng trong nước và nước ngoài. Hợp đồng tín dụng với ngân hàng trong nước được 4 Ngân hàng thương mại quốc doanh đồng tài trợ là Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, ngân hàng Công thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam và Ngân hàng Ngoại Thương. Khoản vay từ nước ngoài do ngân hàng Societe Generale của Pháp tài trợ phục vụ cho việc thanh toán các khoản nhập khẩu máy móc. Cả hai hợp đồng tín dụng đều được giải ngân theo tiến độ của dự án. Do vậy, khoản nợ vay dài hạn liên tục tăng mạnh trong những năm 2006, 2007 và 2008.

Tình hình công nợ hiện nay

Các khoản phải thu:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008
	Giá trị	Giá trị	Giá trị
Phải thu của khách hàng	91.978.512.396	85.871.267.713	176.821.735.485
Trả trước cho người bán	272.775.986.319	498.321.251.082	273.152.330.955
Phải thu nội bộ ngắn hạn	113.765.028.516	-	-
Phải thu khác	6.552.399.687	23.976.773.479	26.222.969.452
Tổng cộng	**485.071.926.918**	**608.200.244.655**	**476.197.035.892**

Nguồn:BCTC đã kiểm toán HT1năm 2006, 2007 và BCTC năm 2008

Kỳ thu tiền của Công ty dao động trong khoản từ 10 – 20 ngày. Do Công ty tổ chức bán hàng qua các nhà phân phối và đây cũng là những nhà phân phối trung thành, gắn bó với lâu năm với Công ty nên việc thu tiền hàng nhanh chóng và ổn định. Hơn nữa Công ty có bộ phận kinh doanh chuyên trách việc bán hàng, thu tiền hàng giúp khả năng thu hồi công nợ của Công ty tốt hơn.

Khoản trả trước cho người bán giảm mạnh từ 498 tỷ năm 2007 xuống còn 273,1 cuối năm

2008. Đây chủ yếu là các khoản trả trước cho các nhà thầu xây dựng và nhà cung cấp máy móc thiết bị. Năm 2007, Công ty đã tiến hành các thủ tục để chuẩn bị nhập khẩu thiết bị cho việc đưa Trạm tiếp nhận, nghiền và phân phối phía Nam đi vào hoạt động. Do vậy Hà Tiên 1 phải thanh toán một khoản lớn trả trước cho các nhà cung cấp này. Cuối năm 2008, dự án đang trong giai đoạn hoàn tất nên các khoản trả trước cũng giảm dần.

Các khoản phải trả:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008
	Giá trị	Giá trị	Giá trị
I. Nợ ngắn hạn	**1.502.433.132.591**	**676.874.066.474**	**1.689.336.683.530**
Vay và nợ ngắn hạn	309.994.356.464	263.208.681.304	547.880.807.340
Phải trả cho người bán	166.403.837.947	386.286.534.943	1.038.954.770.486
Người mua trả tiền trước	850.597.850	768.829.815	959.069.414
Các khoản thuế phải nộp	19.285.952.926	16.596.090.737	7.992.530.750
Phải trả CB CNV	9.973.974.145	7.777.760.268	11.066.728.943
Chi phí phải trả	8.858.082.342	-	2.442.672.526
Phải trả nội bộ	70.384.311.106	-	76.210.064.105
Phải trả phải nộp khác	916.682.019.811(*)	2.236.169.407	3.830.039.996
II. Nợ dài hạn	**337.174.582.071**	**738.085.692.718**	**2.997.745.149.662**
Vay và nợ dài hạn	337.174.582.071	738.085.692.718	2.997.745.149.662
Tổng cộng	**1.839.607.714.662**	**1.414.959.759.192**	**4.687.081.833.192**

(*): *Đây là khoản tiền thu bán cổ phần đấu giá lần đầu phải nộp về TCT Xi măng Việt Nam*

Kỳ trả tiền cho nhà cung cấp vào khoảng từ 45 đến 110 ngày. Cuối năm 2008, khoản phải trả cho nhà cung cấp tăng do các khoản phải trả cho các nhà thầu xây dựng khi một số công trình của dự án đã hoàn tất.

Số dư phải trả phải nộp khác năm 2006 là phần tiền thu bán cổ phần nộp về cho Tổng Công Ty xi măng Việt Nam.

Hàng tồn kho:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008
	Giá trị	Giá trị	Giá trị
Hàng mua đang đi đường	24.838.650.493	171.184.258.801	652.180.359.662
Trong đó: thiết bị của 2 dự án	-	*157.495.675.165*	*633.801.674.402*
Nguyên liệu, vật liệu	261.896.817.119	294.009.140.577	420.168.764.411

Chỉ tiêu	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008
	Giá trị	Giá trị	Giá trị
Trong đó: thiết bị của trạm nghiền quận 9	-	*35.488.032.616*	*8.847.365.811*
Công cụ, dụng cụ	583.181.407	503.662.551	673.104.286
Chi phí sản xuất dở dang	49.144.672.323	10.410.275.463	32.118.328.836
Thành phẩm	54.179.688.550	31.162.168.901	15.496.141.323
Tổng cộng	**390.643.009.892**	**507.269.506.293**	**1.120.636.698.518**

Hàng tồn kho luôn được giữ ở mức an toàn đảm bảo đủ nguyên liệu cho việc sản xuất liên tục và đáp ứng được nguồn hàng tiêu thụ cho thị trường. Thông thường số ngày dự trữ hàng tồn kho sẽ dao động từ 60 ngày đến 65 ngày. Đến cuối năm 2008, giá trị hàng tồn kho tăng hơn 100% so với năm 2007 chủ yếu là do các thiết bị mua về cho hai dự án của Hà Tiên 1.

11.2 Các chỉ tiêu đánh giá thực trạng tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008
1	**Chỉ tiêu về khả năng thanh toán**			
-	Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần)	1,17	1,73	1,00
-	Hệ số thanh toán nhanh (lần)	0,91	0,98	0,34
2	**Chỉ tiêu về cơ cấu vốn**			
-	Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,69	0,59	0,83
-	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	2,22	1,47	4,88
3	**Chỉ tiêu về năng lực hoạt động**			
-	Vòng quay tổng tài sản (DT thuần/Tổng tài sản)	0,80	0,92	0,45
-	Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	5,07	4,59	2,75
4	**Chỉ tiêu về khả năng sinh lời**			
-	Hệ số LN sau thuế / DT thuần (%)	2,50%	4,57%	2,77%

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008
-	Hệ số LN sau thuế / Vốn chủ sở hữu (%)	6.44%	10,44%	7,31%
-	Hệ số LN sau thuế / Tổng tài sản (%)	2,00%	4,22%	1,25%
-	Hệ số LN từ hoạt động SXKD / DT thuần(%)	2,94%	4,55%	2,81%

Hiện nay, do Công ty đang huy động vốn để đầu tư vào hai dự án lớn nên cơ cấu vốn của Công ty có hệ số nợ khá cao và tính thanh khoản của Công ty khá thấp.

Năng lực hoạt động của Công ty tương đối ổn định tuy hiệu quả kinh doanh hơi giảm sút. Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty khá tốt thể hiện qua các năm so sánh. Tuy nhiên trong năm 2008, với những biến động tiêu cực của nền kinh tế thời giới nói chung, nền kinh tế Việt Nam nói riêng, các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty giảm đáng kể. Tuy nhiên trong dài hạn, với tính khả thi cao của hai dự án đang đầu tư kết hợp với năng lực kinh doanh vững mạnh hiện tại thì các chỉ số này sẽ được cải thiện.

12. DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, KẾ TOÁN TRƯỞNG

12.1 Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

12.1.1 Chủ tịch HĐQT – Ông NGUYỄN NGỌC ANH

Họ và tên: NGUYỄN NGỌC ANH

Giới tính: ☑ nam ☐ nữ

Ngày tháng năm sinh: 02-08-1953

Nơi sinh: Đức Phổ, Quảng Ngãi

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Quãng Ngãi

Số CMND : 020171058 Ngày cấp : 20-03-1995. Nơi cấp : TP.HCM

Địa chỉ thường trú: 307 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 7, Quận 3, TP.HCM

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 08-8966608

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Hóa Silicát, Kỹ sư điện tử

Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

- 1971→1976 : Sinh viên trường Đại học Apolda-CHDC Đức

- 1977→1979 : Kỹ sư phòng Kỹ thuật sản xuất NMXMLH Hà Tiên
- 1979→1982 : Kỹ sư Ban chuẩn bị sản xuất xi măng Hà Tiên
- 1982→1984 : Quyền trưởng phòng Kỹ thuật Ban QLCT-XMHT mở rộng
- 1984→1986 : Quyền trưởng phòng Tổng hợp Ban CBSH-XMHT mở rộng
- 1986→1987 : Quyền trưởng phòng kỹ thuật NMLH-XMHT
- 1987→1989 : Phó Ban chuẩn bị sản xuất XMHT mở rộng – Kiên Giang
- 1990→1991 : Phó Giám đốc nhà máy xi măng Kiên Lương – Kiên Giang
- 1991→1994 : Trợ lý Giám đốc Công ty XMHT1- Tổ trưởng tổ đầu tư
- 1994→1999 : Phó Tổng Giám đốc Công ty liên doanh Sao Mai (Holcim VN)
- 1999→31/05/2007: Giám đốc Công ty CPXMHT1.
- 01/06/2007→nay :Tổng Giám đốc Tổng công ty XMVN

Chức vụ công tác hiện nay :Chủ tịch HĐQT Công ty CPXMHT1, Tổng Giám đốc Tổng công ty Xi măng Việt Nam.

Số cổ phiếu nắm giữ : 26.102.950 cổ phiếu

Trong đó: Sở hữu : 2.950 cổ phiếu

Đại diện sở hữu : 26.100.000 cổ phiếu

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

12.1.2 Thành viên HĐQT – Ông NGÔ MINH LÃNG

Họ và tên: NGÔ MINH LÃNG

Giới tính: ☑ nam ☐ nữ

Ngày tháng năm sinh: 17-08-1957

Nơi sinh: Xã Hàm Liêm, huyện Hàm Thuận, Tỉnh Thuận Hải

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Xã Hàm Liêm, huyện Hàm Thuận, Tỉnh Thuận Hải

Số CMND : 020140180. Ngày cấp : 16-12-2004. Nơi cấp : TPHCM

Địa chỉ thường trú: D3 Văn Thánh Bắc, Bính Thạnh, TP.HCM

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 08-8966608

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí

Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

- 10-1976 → 05-1981 : Sinh viên trường ĐH Bách Khoa TP.HCM
- 06-1981 → 12-1992 : Phó phòng Kỹ thuật – Ban quản lý công trình Xi măng Hà Tiên
- 01-1993 → 06-1994 : Kỹ sư Tổ đầu tư – Công ty Xi măng Hà Tiên 1
- 07-1994 → 12-2000 : Phó Giám đốc dự án, Phó Giám đốc sản xuất nhà máy Hòn Chông Công ty liên doanh xi măng Sao Mai (Holcim Việt Nam)
- Từ 01/2001 → 23/06/2007: Phó Giám đốc Công ty CPXMHT1
- Từ 24/06/2007 → nay: Giám đốc Công ty CPXMHT1

Chức vụ công tác hiện nay : Giám đốc Công ty CPXMHT1, Uỷ viên HĐQT Công ty CPXMHT1

Số cổ phiếu nắm giữ : 20.882.550 cổ phiếu

Trong đó: Sở hữu : 2.550 cổ phiếu

Đại diện sở hữu: 20.880.000 cổ phiếu

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

12.1.3 Thành viên HĐQT – Ông TRIỆU QUỐC KHẢI

Họ và tên: TRIỆU QUỐC KHẢI

Giới tính: ☑ nam ☐ nữ

Ngày tháng năm sinh: 01-01-1961

Nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh

Quốc tịch: Việt Nam

Dõn tộc: Kinh

Quê quán: Rạch Giá – Kiên Giang

Số CMND : 020942640 . Ngày cấp : 24-01-2002 . Nơi cấp : TPHCM

Địa chỉ thường trú: 10/26 ấp Tân Hòa, phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, TPHCM

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 08-8966608

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư máy thiết bị hóa chất

Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

- 1979 → 1984 : Sinh viên trường Đại học Bách Khoa TPHCM
- 1984 → 1986 : Nhân viên Ban chuẩn bị sản xuất nhà máy XMHT1 mở rộng
- 1986 → 1987 : Nhân viên phòng Kế hoạch Nhà máy Liên hợp XMHT1
- 1987 → 1988 : Thi hành nghĩa vụ quân sự tại Xí nghiệp 273 Cục kỹ thuật Quân khu 7
- 1989 → 1999 : Nhân viên phòng Kế hoạch điều độ Nhà máy XMHT1
- 1999 → 2001 : Phó phòng Kế hoạch điều độ Công ty XMHT1
- 2001 → 2003 : Trưởng phòng Kế hoạch ĐT-XDCB Công ty XMHT1
- 2003 → 2005 : Phó Giám đốc XNTT&DV Công ty XMHT1
- 2005 → nay : Trưởng phòng Tổ chức hành chính Công ty CPXMHT1

Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng phòng Tổ chức hành chính Công ty CPXMHT1

Số cổ phiếu nắm giữ : 5.220.000 cổ phiếu

Trong đó: Sở hữu : 0 cổ phiếu

Đại diện sở hữu : 5.220.000 cổ phiếu

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

12.1.4 Thành viên HĐQT – Ông PHẠM ĐÌNH NHẬT CƯỜNG

Họ và tên: PHẠM ĐÌNH NHẬT CƯỜNG

Giới tính: ☑ nam ☐ nữ

Ngày tháng năm sinh: 02-02-1962

Nơi sinh: Xã Bình Hòa, tỉnh Gia Định

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán : Gia Định

Số CMND : 022922626 . Ngày cấp : 29-12-1989. Nơi cấp : TPHCM

Địa chỉ thường trú: 118/47 Bạch Đằng, quận Bnh Thạnh, TPHCM

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 08-8966608

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính kế toán, (CFO)

Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

- 1981 → 1985 : Kế toán giá thành tổng hợp tại Nhà máy XMKL
- 1985 → 1996 : Kế toán tổng hợp tại Công ty XMHT1
- 1996 → 2001 : Phó phòng Kế toán – TKTC Công ty XMHT1
- 2001 → 2003 : Phụ trách phòng Kế toán – TKTC Công ty XMHT1
- 2003 → nay : Trưởng phòng KTTKTC, Uỷ viên HĐQT Công ty CPXMHT1

Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng phòng KTTKTC, Uỷ viên HĐQT Công ty CPXMHT1

Số cổ phiếu nắm giữ : 4.351.500 cổ phiếu

Trong đó: Sở hữu : 1.500 cổ phiếu

Đại diện sở hữu : 4.350.000 cổ phiếu

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

12.1.5 Thành viên HĐQT – Ông TÔ HẢI

Họ và tên: TÔ HẢI

Giới tính: ☑ nam ☐ nữ

Ngày tháng năm sinh: 01-12-1973

Nơi sinh: Thái Bình

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán : Thái Bình

Số CMND : 022977047. Ngày cấp : 27-10-2004. Nơi cấp : TPHCM

Địa chỉ thường trú: 21B/3 Nguyễn Đình Chiểu, Quận 1, TPHCM

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0913-770123

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ chuyên ngành Tài chính Ngân hàng của Úc

Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

- 1997 → 2000 : Công ty viễn thông liên tỉnh, Tổng công ty bưu chính viễn thông Việt Nam (VietNam Telecom Nation)
- 2001 → 2002 : Công ty Chứng khoán Bảo Việt
- 2002 → 2003 : Công ty Chứng khoán Đông Á
- 2003 → 10/2007 : Giám đốc Chi Nhánh Tp. HCM - Công ty cổ phần Chứng khoán

Bảo Việt, Uỷ viên HĐQT Công ty CPXMHT1

- 11/2007 → nay : Tổng Giám đốc Công ty cổ phần chứng khoán Bản Việt, Ủy viên HĐQT Công ty CPXMHT1

Chức vụ công tác hiện nay : Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Chứng khoán Bản Việt, Uỷ viên HĐQT Công ty CPXMHT1.

Số cổ phiếu nắm giữ : 50.000 cổ phiếu

Trong đó: Sở hữu : 50.000 cổ phiếu

Đại diện sở hữu : 0 cổ phiếu

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

12.1.6 Thành viên HĐQT – Ông NGUYỄN VĂN CHUYỀN

Họ và tên: NGUYỄN VĂN CHUYỀN

Giới tính: ☑ nam ☐ nữ

Ngày tháng năm sinh: 18-08-1962

Nơi sinh: Thái Bình

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán : Thái Bình

Số CMND : 023856629. Ngày cấp : 18-10-2000. Nơi cấp : TPHCM

Địa chỉ thường trú: 4/3 Đồ Sơn, phường 4, Quận Tân Bình, TPHCM

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0903-842267

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kinh doanh khai thác vận tải biển

Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

- 1980 → 1987 : Công tác tại Quân chủng Hải quân nhân dân Việt Nam
- 1987 → nay : Công tác tại Công ty cổ phần vận tải Biển Việt Nam, Uỷ viên HĐQT Cty CPXMHT1

Chức vụ công tác hiện nay : Giám đốc Công ty CP vận tải Biển Việt Nam, Uỷ viên HĐQT Cty CPXMHT1

Số cổ phiếu nắm giữ : 3.100.663 cổ phiếu

Trong đó: Sở hữu : 500.663 cổ phiếu

Đại diện sở hữu : 2.600.000 cổ phiếu

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

12.1.7 Thành viên HĐQT – Ông MAI VĂN YÊN

Họ và tên: MAI VĂN YÊN

Giới tính: ☑ nam ☐ nữ

Ngày tháng năm sinh: 10-10-1959

Nơi sinh: Ninh Bình

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Ninh Bình

Số CMND : 022648222. Ngày cấp : 29-03-1990. Nơi cấp : TPHCM

Địa chỉ thường trú: 174 Hoàng Diệu , phường Linh Chiểu, Quận Thủ Đức, TPHCM

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 08-8966608

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Hóa Silicát

Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

- 01-1982 → 03-1985 : Kỹ sư Ban Quản lý công trình XMHT1
- 03-1985 → 12-1987 : Đội phó đội vận hành Ban chuẩn bị sản xuất XMHT mở rộng.
- 01-1988 → 10-1991 : Giáo viên trường CNKT Nhà máy Liên hợp XMHT
- 10-1991 → 07-1994 : Kỹ sư phòng kỹ thuật, Thí nghiệm – KCS nhà máy liên hợp XMHT
- 07-1994 → 09-1999 : Kỹ sư Ban Quản lý dự án Công ty XMHT1
- 07-2000 → 09-2003 : Trưởng phòng Tổ chức lao động Công ty XMHT1
- 09-2003 → 08-2004 : Phó Giám đốc Công ty XMHT1-Phó Ban QLDA
- 08-2004 → 04-2007 : Phó Giám đốc Công ty XMHT1, Kiêm Giám đốc Công ty cổ phần vận tải Hà Tiên 1
- 04-2007 → nay : Phó Giám đốc Công ty CPXMHT1

Chức vụ công tác hiện nay : Phó Giám đốc Công ty, Uỷ viên HĐQT Công ty CPXMHT1

Số cổ phiếu nắm giữ : 0 cổ phiếu

Trong đó: Sở hữu : 0 cổ phiếu

Đại diện sở hữu : 0 cổ phiếu

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

12.2 Danh sách thành viên Ban Kiểm soát

a. Trưởng ban kiểm soát – ÔngTRẦN MINH HUY

Họ và tên: TRẦN MINH HUY

Giới tính: ☑ nam ☐ nữ

Ngày tháng năm sinh: 01-01-1957

Nơi sinh: TPHCM

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Tp.HCM

Số CMND : 020421448 . Ngày cấp : 07-11-2005 . Nơi cấp : TPHCM

Địa chỉ thường trú: 229/135 Thích Quảng Đức, P4, Q. Phú Nhuận, TPHCM

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 08-7311506

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

- 1983 → 1993 : Nhân viên Kế toán Công ty XMHT1
- 1993 → 2000 : Phó phòng Kế toán Công ty XMHT1
- 2000 → nay : Trưởng phòng Kế toán Công ty CP Vận Tải Hà Tiên

Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng phòng Kế toán Công ty CPVT Hà Tiên 1, Ủy viên BKS Công ty CPXMHT1

Số cổ phiếu nắm giữ : 649.450 cổ phiếu

Trong đó: Sở hữu : 0 cổ phiếu

Đại diện sở hữu : 649.450 cổ phiếu

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

b. Thành viên Ban kiểm soát – Bà NGUYỄN THI KIM DUNG

Họ và tên: NGUYỄN THỊ KIM DUNG

Giới tính: ☐ nam ☑ nữ

Ngày tháng năm sinh: 18-03-1966

Nơi sinh: Nha Trang

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Nha Trang

Số CMND : 021778704 . Ngày cấp : 01-08-1990 . Nơi cấp : TPHCM

Địa chỉ thường trú: 495 đường Hà Nội, P. Linh Trung, quận Thủ Đức, TPHCM

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 08-8966608

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

- 03-1989 → nay : Làm việc tại Công ty CPXMHT1

Chức vụ công tác hiện nay : Trưởng phòng TCKTDA, Uỷ viên Ban kiểm soát Công ty CPXMHT1

Số cổ phiếu nắm giữ : 750 cổ phiếu

Trong đó: Sở hữu : 750 cổ phiếu

Đại diện sở hữu : 0 cổ phiếu

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: không

c. Thành viên Ban kiểm soát – Bà NGUYỄN THI TỐ NGA

Họ và tên: NGUYỄN THỊ TỐ NGA

Giới tính: ☐ nam ☑ nữ

Ngày tháng năm sinh: 27-09-1976

Nơi sinh: Nghệ An

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Nghệ An

Số CMND : 182064755 . Ngày cấp : 05-04-1994 . Nơi cấp : Nghệ An

Địa chỉ thường trú: 225 Lô 4, cư xá Thanh Đa, P.27, Q. Bình Thạnh, TPHCM

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 08-8273083

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Chứng chỉ Kế toán tài chính

Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

- 1997 → 1999 : Công tác Công ty TNHH Đại Nam
- 1999 → 2002 : Công tác tại Nhà sách Nguyễn Văn Cừ
- 2003 → nay : Công tác tại Công ty VT&VLXD VN

Chức vụ công tác hiện nay: Phụ trách phòng kế toán, Uỷ viên Ban kiểm soát Công ty CPXMHT1

Số cổ phiếu nắm giữ : 0 cổ phiếu

Trong đó: Sở hữu : 0 cổ phiếu

Đại diện sở hữu : 0 cổ phiếu

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: không

d. Thành viên Ban kiểm soát – Ông PHẠM THẾ NGHĨA

Họ và tên: PHẠM THẾ NGHĨA

Giới tính: ☑ nam ☐ nữ

Ngày tháng năm sinh: 01-06-1976

Nơi sinh: Long An

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Long An

Số CMND : 300780191 . Ngày cấp : 19-12-1991 . Nơi cấp : Long An

Địa chỉ thường trú: 19 Phan Văn Tình, thị trấn Thủ Thừa, Long An

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 08-8215521

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

- 02-1999 → 06-2000 : Công tác tại cục thuế Lâm Đồng
- 06-1999 → nay : Công tác tại Công ty XMHT1

Chức vụ công tác hiện nay : Phó phòng KTTKTC-XNTT&DV, Uỷ viên BKS Công ty CPXMHT1

Số cổ phiếu nắm giữ : 750 cổ phiếu

Trong đó: Sở hữu : 750 cổ phiếu

Đại diện sở hữu : 0 cổ phiếu

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

e. Thanh viên Ban kiểm soát – Ông TRẦN NGUYỄN HUY HÙNG

Họ và tên: TRẦN NGUYỄN HUY HÙNG

Giới tính: ☑ nam ☐ nữ

Ngày tháng năm sinh: 24-10-1979

Nơi sinh: TP. Hồ Chí Minh

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: TP. Hồ Chí Minh

Số CMND : 023546748. Ngày cấp : 04-03-1999. Nơi cấp : Tp.Hồ Chí Minh

Địa chỉ thường trú: 59/6 Đường số 4, KP9, P.BHHA, Quận Bình Tân

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 08 8 966 608

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế : Tài Chính Doanh Nghiệp

Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

- 2003 → Nay : Nhân viên Phòng Kế Toán Thống Kê Tài Chính –Công ty Cổ Phần Xi Măng Hà Tiên 1.

Chức vụ công tác hiện nay : Phó Phòng Kế Toán Thống Kê Tài Chính - Công ty Cổ Phần Xi Măng Hà Tiên 1.

Số cổ phiếu nắm giữ : 0 cổ phiếu

Trong đó: Sở hữu : 0 cổ phiếu

Đại diện sở hữu : 0 cổ phiếu

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

12.3 Danh sách Ban Giám đốc

a. Thành viên Ban Giám đốc – Ông Ngô Minh Lãng

(Lý lịch trình bày tại phần 12.1.2 của HĐQT)

b. Thành viên Ban Giám đốc - Ông Mai Văn Yên

(Lý lịch trình bày tại phần 12.1.7 của HĐQT)

c. Thành viên Ban Giám đốc – Ông Mai Anh Tài

Họ và tên: MAI ANH TÀI

Giới tính: ☑ nam ☐ nữ

Ngày tháng năm sinh: 13-06-1963

Nơi sinh: Ninh Bình

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Ninh Bình

Số CMND : 023505752. Ngày cấp : 21-06-1997; Nơi cấp CA TPHCM

Địa chỉ thường trú: 31-33 Khu nhà biệt thự Chu Văn An, P.26, Q.Bình Thạnh Tp.HCM

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 08-8966608

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản Trị Kinh Doanh (MBA). Cử Nhân Kinh tế Chuyên ngành Tài Chính - Ngân Hàng, Cử nhân chính trị

Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

- 1986 →1991: Chuyên viên Kế Hoạch – Tài Chính Tổng Cục Hải Quan
- 1991→ 1993: Chuyên viên Phòng kế hoạch kinh doanh – Công ty cung ứng vật tư số 1- Bộ Xây dựng
- 1994 →1996: Chuyên viên phòng Xuất Nhập Khẩu, Công ty xi măng Hà Tiên 1
- T12/1997→T10/1999: Trưởng Chi nhánh Lâm Đồng thuộc Xí nghiệp kinh doanh xi măng, Công ty Xi măng Hà Tiên 1.
- T10/1999 →T7/2002: Trưởng Trung Tâm Tiêu Thụ - Xí Nghiệp Tiêu Thụ & Dịch Vụ, Công ty Xi măng Hà Tiên 1
- T7/2002→ T9/2003: Phó Phòng Kế Hoạch Điều Độ, Công ty Xi măng Hà Tiên 1

- T10/2003 →T4/2005: Phó Phụ Trách Phòng Kế Hoạch Đầu Tư Xây Dựng Cơ Bản - Công ty Xi măng Hà Tiên 1
- T5/2005→ T8/2007: Trưởng Phòng Kế Hoạch Đầu Tư Xây Dựng Cơ Bản, Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên 1.
- T8/2007→ đến nay : Phó Giám đốc Công ty kiêm thư ký Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên 1.

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Giám đốc Công ty kiêm thư ký Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên 1.

Số cổ phiếu nắm giữ : 0 cổ phiếu

Trong đó: Sở hữu : 0 cổ phiếu

Đại diện sở hữu : 0 cổ phiếu

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): không

Quyền lợi mẫu thuẫn với lợi ích công ty: không

d. Thành viên Ban Giám đốc – Ông HOÀNG KIM CƯỜNG

Họ và tên: HOÀNG KIM CƯỜNG

Giới tính: ☑ nam ☐ nữ

Ngày tháng năm sinh: 19-07-1957

Nơi sinh: Huyện Thanh Liêm – Tỉnh Hà Nam

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Gia Định

Số CMND : 020137610. Ngày cấp : 21-11-1998 . Nơi cấp : TPHCM

Địa chỉ thường trú: 414/90C Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TPHCM

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 08-8966608

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện kỹ thuật

Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

- 1976 → 1981 : Sinh viên trường ĐH Bách Khoa TPHCM
- 05-1981 → 03-1986 : Kỹ sư Ban chuẩn bị sản xuất XMHT mở rộng
- 03-1986 → 08-1988 : Kỹ sư phòng Kỹ thuật sản xuất NMLHXMHT1
- 08-1988 → 04-1991 : Trưởng phòng Kỹ thuật – Ban chuẩn bị sản xuất XMHT mở rộng tại Kiên Lương

- 04-1991 → 07-1994 : Quản đốc Phân xưởng Sửa chữa điện tử-XMHTII
- 07-1994 → 03-2000 : Kỹ sư, phó Quản đốc Phân xưởng bảo trì điện – Công ty Liên doanh Xi măng Sao Mai
- 03-2000 → 01-2005 : Trưởng phòng Kỹ thuật – Công ty XMHT1
- 01-2005 → nay : Phó Giám đốc Công ty cổ phần XMHT1

Chức vụ công tác hiện nay : Phó Giám đốc Công ty CP XMHT1

Số cổ phiếu nắm giữ : 2.550 cổ phiếu

Trong đó: Sở hữu : 2.550 cổ phiếu

Đại diện sở hữu : 0 cổ phiếu

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: không

12.4 Kế toán trưởng – Ông Phạm Đình Nhật Cường

(Lý lịch trình bày tại phần 12.1.4 của HĐQT)

13. TÀI SẢN

13.1 Tình hình khấu hao tài sản

Đơn vị : đồng

Stt	Nội dung	Tài sản cố định hữu hình đến ngày 31.12.2008		
		Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
1	Nhà cửa vật kiến trúc	292.690.961.321	115.339.657.039	177.351.304.282
2	Máy móc thiết bị	372.192.310.713	212.366.394.297	159.825.916.416
3	Phương tiện vận tải	42.813.730.302	28.621.554.730	14.192.175.572
4	Thiết bị dụng cụ quản lý	9.017.257.970	6.896.197.580	2.121.060.390
	Tổng cộng	**716.714.260.306**	**363.223.803.646**	**353.490.456.660**

Nguồn:Hà Tiên 1

Đơn vị : đồng

Stt	Nội dung	Tài sản cố định vô hình đến ngày 31.12.2008		
		Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
1	Đất đai	86.789.508.560	1.777.802.016	85.011.706.544
2	Bản quyền sáng chế	909.098.120	389.583.836	519.514.284
2	Phần mềm quản lý	2.662.714.682	2.625.422.873	37.291.809
	Tổng cộng	**90.361.321.362**	**4.792.808.725**	**85.568.512.637**

Nguồn:Hà Tiên 1

13.2 Tình hình sử dụng đất đai, nhà xưởng

STT	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	DIỆN TÍCH	ĐỊA ĐIỂM
		ĐẤT ĐƯỢC GIAO	
1	Khu đất tại Vũng Tàu	200.000m^2	Phường 12, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
		ĐẤT THUÊ	
1	Trụ sở làm việc và mặt bằng Nhà máy	103.944m^2	Km 8, đường Hà Nội, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
2	Văn phòng làm việc	3.737m^2	360 Bến Chương Dương, Phường Cầu Kho, Quận 1, Tp. Hồ Chi Minh.
3	Kho B	2.131m^2	đường Trần Não, Phường Bình An, Quận 2, Tp. Hồ Chí Minh
4	Kho xi măng	5.955m^2	Số 415 đường Hùng Vương nối dài, Thị trấn An Lạc, Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh
5	Kho xi măng	3.000m^2	Số 302 đường Hùng Vương nối dài, Thị trấn An Lạc, Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh
6	Kho xi măng	633m^2	Số 9C đường Tôn Đản, Phường 13, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh
7	Phân xưởng sản phẩm mới	5.346m^2	tại Phường Hiệp Bình Phước, Quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
8	Mỏ đá phụ gia Vĩnh Tân	552.878m^2	Xã Vĩnh Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai
9	Kho sóng thần	3.301,68m^2	Phường Bình Chiểu, Quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
10	Văn phòng	1.607,0m^2	21 đường Công Lý, Khu phố 3, phường Bình Thọ, Quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
11	Kho	88.451m^2	Đường Truông Tre, Phường Linh Xuân, Quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

14. KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC GIAI ĐOẠN 2007- 2010

14.1 Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Xi măng Hà Tiên 1

Trên cơ sở định hướng phát triển của Công ty trong giai đoạn 2009 – 2012, kế hoạch về doanh thu, lợi nhuận và cổ tức như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2009	2010	2011	2012	2013
1.Sản lượng (Tấn)	3.000.000	4.000.000	5.000.000	5.500.000	5.500.000
2.Doanh thu thuần	3.181	4.698	5.873	6.460	6.460

Chỉ tiêu	2009	2010	2011	2012	2013
3.Lợi nhuận sau thuế	139	220	300	350	350
4.Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	4,36%	3,80%	4,23%	5,34%	5,34%
5.Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	12,60%	14,67%	20,00%	23,33%	23,33%
6.Chi trả cổ tức (đồng/cp)	800	900	1.200	1.200	1.200

Nguồn:Hà Tiên 1

Ghi chú : Doanh thu thuần và lợi nhuận trên không bao gồm hoạt động sản xuất thử của 2 dự án Bình Phước và Phú Hữu.

14.2 Các dự án đầu tư của Xi măng Hà Tiên 1

Thông tin kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư ngắn hạn và dài hạn của Xi măng Hà Tiên 1

Năm	Tổng số (Tấn)	Trạm nghiền Thủ Đức	Trạm tiếp nhận nghiền và phân phối xi măng phía Nam (bao gồm sản xuất thử)	Nhà máy Bình Phước (bao gồm sản xuất thử)	GCXM &Tiếp nhậnCLK bột
2009	3.000.000	1.700.000	870.000	300.000	130.000
2010	4.000.000	1.700.000	1.000.000	1.300.000	-

Năng lực sản xuất hiện hữu của Công ty năm 2007 là 1.885.000 tấn xi măng. Dự kiến Quý II/2009 dự án Trạm tiếp nhận nghiền và phân phối xi măng phía Nam đi vào hoạt động, đến cuối năm 2009 Nhà máy Xi măng Bình Phước sẽ cho ra đời tấn xi măng đầu tiên, ngoài ra việc cải tạo nâng cao công suất MN1 sẽ hoàn tất và đưa vào sử dụng năm 2010. Lúc đó công suất thiết kế của các nhà máy sẽ đạt mức 5.300.000 tấn xi măng/năm.

Dự án Trạm tiếp nhận nghiền và phân phối xi măng phía Nam :

Dự án "Trạm tiếp nhận nghiền và phân phối xi măng phía Nam" với công suất 1 triệu tấn xi măng/năm; tổng vốn đầu tư là 917,95 tỷ đồng.

Dự án Nhà máy Xi măng Bình Phước :

Dự án " Nhà máy Xi măng Bình Phước" với công suất 1.760.000 tấn clinker/năm và 2.200.000 tấn xi măng/năm, tổng vốn đầu tư là 4.749,38 tỷ đồng

Các dự án khác :

Tiếp tục thực hiện Dự án "Cải tạo kho hở" và triển khai thực hiện ngay sau khi Dự án Trạm tiếp nhận nghiền và phân phối xi măng đi vào sản xuất, dự kiến đưa vào sản xuất trong năm 2010.

Năm 2008 triển khai thực hiện các thủ tục đầu tư dự án Cảng Phước Thắng.

Dự án cải tạo hệ thống MN3: Thay thế hệ thống phân ly mới, đảm bảo tính ổn định của hệ thống định lượng và cải tạo hệ thống điều khiển cho toàn bộ khu nghiền, dự kiến hoàn tất trong năm 2010.

Cải tạo đầu tư đổi mới các trang thiết bị để đảm bảo phù hợp với tiến trình hiện đại hóa công nghệ và giảm giá thành sản xuất.

15. ĐÁNH GIÁ CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN VỀ KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC

Với tư cách là tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, Công ty cổ phần Chứng khoán Bản Việt đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích để đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Xi măng Hà tiên 1. Nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, thì kế hoạch lợi nhuận của Công ty cổ phần Xi măng hà Tiên 1 đề ra, đảm bảo doanh thu và lợi nhuận và chi trả cổ tức cho cổ đông là hợp lý và đảm bảo nguồn lợi nhuận giữ lại để tiếp tục tái đầu tư nhằm duy trì tốc độ tăng trưởng trong tương lai.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình đưa ra quyết định đầu tư.

16. THÔNG TIN VỀ NHỮNG CAM KẾT NHƯNG CHƯA THỰC HIỆN CỦA CÔNG TY

Không có.

17. CÁC THÔNG TIN TRANH CHẤP KIỆN TỤNG LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TY CÓ THỂ GÂY ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CHỨNG KHOÁN

Không có.

V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN RA CÔNG CHÚNG

1. LOẠI CỔ PHIẾU:

Loại cổ phiếu chào bán: cổ phiếu phổ thông.

2. MỆNH GIÁ:

Mệnh giá cổ phiếu:10.000 đồng/cổ phiếu.

3. TỔNG SỐ CỔ PHIẾU DỰ KIẾN CHÀO BÁN:

Công ty thực hiện chào bán cho cổ đông hiện hữu 22.607.520 cổ phiếu tương đương 226.075.200.000 đồng (tính theo mệnh giá) theo tỷ lệ 100:26. Tỷ lệ này đã loại trừ số lượng cổ phiếu quỹ của Công ty.

Số lượng cổ phiếu của Công ty	87.000.000 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu quỹ	48.000 cố phiếu
Số lượng cổ phiếu được thực hiện quyền	86.952.000 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu phân phối theo tỷ lệ 100: 26	22.607.520 cổ phiếu

4. GIÁ CHÀO BÁN DỰ KIẾN:

Phát hành cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua theo tỷ lệ 100:26 với giá 13.000 đồng/ cổ phiếu

5. PHƯƠNG PHÁP TÍNH GIÁ:

Tham chiếu giá thị trường

6. PHƯƠNG THỨC PHÂN PHỐI

❖ Phương thức phân phối:

Phân phối cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền với tỷ lệ 100:26. Tại ngày chốt danh sách cổ đông, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được 01 quyền mua và cứ 100 quyền mua sẽ được quyền mua 26 cổ phiếu phát hành thêm. Cổ đông có thể chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ quyền mua cổ phần phát hành thêm cho đối tượng khác.

Số cổ phiếu lẻ và số cổ phần chưa phân phối hết theo hình thức thực hiện quyền sẽ được ủy quyền cho HĐQT thực hiện phân phối tiếp cho Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng theo nguyên tắc không thuận lợi hơn so với các cổ đông hiện hữu.

7. THỜI GIAN PHÂN PHỐI CỔ PHIẾU DỰ KIẾN:

Đợt chào bán sẽ được phân phối ngay sau khi nhận được Giấy phép chào bán của UBCKNN cấp.

Dự kiến trình tự thực hiện:

a. Công bố trên phương tiện thông tin đại chúng

Trong vòng 5 ngày kể từ ngày nhận Giấy chứng nhận chào bán của UBCKNN, tổ chức phát hành sẽ tiến hành thông báo về việc phát hành thêm trên 03 (ba) số báo ngày liên tiếp của một tờ Báo Trung Ương hoặc một tờ Báo Địa phương theo quy định.

b. Chào bán cho cổ đông hiện hữu:

- Xác định danh sách sở hữu cuối cùng: Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 xác định ngày lập Danh sách sở hữu cuối cùng và gửi Thông báo đề nghị SGDCK Tp.HCM và TTLK Chi nhánh Tp.HCM phối hợp xác định ngày giao dịch không hưởng quyền mua, lập và cung cấp danh sách sở hữu cuối cùng. Tối thiểu 10 ngày làm việc từ khi gửi thông báo.
- Phân bổ và thông báo quyền mua: Trong thời hạn từ 05 – 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Danh sách sở hữu cuối cùng, tổ chức phát hành sẽ phối hợp với SGDCK Tp.HCM, TTLK Chi nhánh Tp.HCM phân bổ và thông báo quyền ưu tiên mua trước cổ phần đến các thành viên lưu ký, các cổ đông chưa lưu ký cổ phiếu.
- Đăng ký thực hiện quyền mua và nộp tiền mua cổ phần: Trên cơ sở Danh sách phân bổ quyền ưu tiên mua trước cổ phần do SGDCK Tp.HCM và TTLK Chi nhánh Tp.HCM cung cấp, các thành viên lưu ký tổ chức cho các cổ đông đăng ký thực hiện quyền và nộp tiền mua cổ phiếu mới phát hành. Đối với trường hợp cổ đông chưa lưu ký thì sẽ đăng ký và nộp tiền tại tổ chức phát hành.

  Thời gian đăng ký thực hiện quyền và nộp tiền mua cổ phần trong vòng 20 ngày kể từ ngày nhận được Danh sách phân bổ quyền ưu tiên mua trước cổ phần.
- Chuyển nhượng quyền mua cổ phần: Quyền mua được thực hiện chuyển nhượng kể từ ngày thông báo Danh sách phân bổ quyền thông qua thành viên lưu ký và kết thúc trước 2 ngày làm việc so với hạn cuối đăng ký thực hiện quyền.

  Các cổ đông chưa lưu ký, hoặc việc chuyển nhượng quyền mua cho các cổ đông chưa lưu ký được thực hiện tại tổ chức phát hành.
- Tổng hợp thực hiện quyền mua: Trong vòng 05 ngày làm việc sau ngày hết

hạn đăng ký thực hiện quyền, các thành viên lưu ký lập và gửi Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM, TTLK Chi nhánh TP.HCM báo cáo thực hiện quyền.

- Báo cáo kết quả phát hành: Trong vòng 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, tổ chức phát hành sẽ lập báo cáo phát hành gửi UBCKNN, Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM và TTLK Chi nhánh TP.HCM đồng thời hoàn tất thủ tục đăng ký niêm yết bổ sung chứng khoán phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu và phối hợp cùng Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM, TTLK Chi nhánh TP.HCM gửi Báo cáo phân bổ chứng khoán phát hành thêm đến các thành viên lưu ký.
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM cấp phép niêm yết bổ sung và giao dịch cổ phiếu phát hành thêm: Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày Sở Giao dịch Chứng khoán cấp phép niêm yết bổ sung, cổ phiếu phát hành thêm sẽ được chính thức giao dịch.
- Trao trả Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần: Trong thời gian 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, tổ chức phát hành hoàn tất thủ tục trao trả Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần cho các cổ đông chưa đăng ký lưu ký.

Lịch trình phân phối cổ phiếu

STT	Công việc	Thời gian
1	Nhận Giấy phép pháp hành của UBCKNN	Ngày T
2	Công bố việc phát hành trên các phương tiện thông tin đại chúng	T + 5
3	Chốt danh sách sở hữu cuối cùng	T + 15
4	Phân bổ và thông báo quyền mua cổ phần	T + 25
5	Cổ đông đăng ký nộp tiền mua cổ phần	T + 25 - T + 45
6	Chuyển nhượng quyền mua cổ phần	T + 25 – T + 43
7	Tổng hợp thực hiền quyền	T + 45 – T+50
8	Báo cáo kết quả phát hành và hoàn tất thủ tục đăng ký niêm yết bổ sung	T + 51 – T + 60
9	Sở giao dịch cấp giấy phép niêm yết	T + 61
10	Cổ phiếu chính thức giao dịch	T + 64
11	Trao trả giấy chứng nhận cổ đông	T + 64 – T+94

8. KẾ HOẠCH ĐĂNG KÝ MUA CỔ PHIẾU:

Quyền ưu tiên mua trước cổ phần sẽ được phân phối theo Danh sách sở hữu cuối cùng và việc phân phối cổ phiếu sẽ được thực hiện theo Danh sách thực hiện quyền do Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM, TTLK Chi nhánh TP.HCM cung cấp:

- Bước 1- Thông báo quyền mua cổ phần.
  - Hà Tiên 1 phối hợp cùng Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM phân bổ và thông báo quyền ưu tiên mua trước cổ phần cho các cổ đông thông qua thành viên lưu ký.
  - Các trường hợp cổ đông chưa lưu ký, Hà Tiên 1 có trách nhiệm thông báo phân bổ quyền trực tiếp đến từng cổ đông.
- Bước 2 - Thực hiện quyền ưu tiên mua trước cho cổ đông hiện hữu.
  - Các cổ đông thuộc Danh sách sở hữu cuối cùng sẽ đăng ký thực hiện quyền mua cổ phần mới phát hành theo tỷ lệ được mua đã quy định. Các cổ đông mở tài khoản và lưu ký cổ phiếu ở thành viên lưu ký nào sẽ đăng ký thực hiện quyền tại các thành viên lưu ký đó. Cổ đông chưa thực hiện lưu ký thì đăng ký thực hiện quyền tại Hà Tiên 1.
  - Khi đăng ký thực hiện quyền mua cổ phần phát hành thêm, cổ đông sẽ nộp tiền mua theo mức giá quy định tại thành viên lưu ký nơi mở tài khoản. Thành viên lưu ký sẽ chuyển toàn bộ tiền mua vào tài khoản Tiền gửi đăng ký mua chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM tại Ngân hàng chỉ định thanh toán. Thời gian đăng ký thực hiện quyền và nộp tiền mua cổ phần trong vòng 20 ngày kể từ ngày Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM phân bổ quyền mua đến các thành viên lưu ký. Sau thời hạn quy định, các quyền mua chưa đăng ký thực hiện đương nhiên hết hiệu lực.
  - Các thành viên lưu ký lập báo cáo thực hiện quyền chậm nhất trong 02 ngày làm việc sau ngày hết hạn đăng ký thực hiện quyền và gửi báo cáo thực hiện quyền cho Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM. Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM tổng hợp lập báo cáo phân phối cổ phần và các thành viên lưu ký nơi khách hàng mở tài khoản gửi Thông báo phân bổ chứng khoán cho khách hàng.
  - Trong thời hạn 20 ngày để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu quyền mua được phép chuyển nhượng quyền nếu có yêu cầu, việc chuyển nhượng quyền kết thúc trước 02 ngày làm việc so với hạn cuối đăng ký thực hiện quyền. Cổ đông tự tìm đối tác, trực tiếp thỏa thuận việc chuyển nhượng và được thực hiện tại thành viên lưu ký với thủ tục cụ thể như sau:
    - Việc đăng ký chuyển nhượng quyền mua chứng khoán được thực hiện

tại Thành viên lưu ký của bên chuyển nhượng quyền.

- Thành viên lưu ký bên chuyển nhượng kiểm tra việc sở hữu quyền của người chuyển nhượng quyền và xác nhận việc chuyển nhượng quyền mua chứng khoán.
- Trường hợp bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng thuộc cùng một thành viên lưu ký: Thành viên lưu ký xác nhận việc chuyển nhượng quyền mua chứng khoán cho các bên liên quan và gửi thông báo Xác nhận quyền mua chứng khoán cho bên nhận chuyển nhượng để thực hiện việc đăng ký, nộp tiền mua chứng khoán mới phát hành thêm.
- Trường hợp bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng khác thành viên lưu ký: Thành viên lưu ký bên chuyển nhượng lập và gửi Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM yêu cầu chuyển nhượng quyền mua chứng khoán. Sau khi Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM xác nhận việc chuyển nhượng (trong vòng 1 ngày làm việc) và gửi cho các thành viên lưu ký có liên quan, căn cứ vào thông báo của Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM, thành viên lưu ký bên nhận chuyển nhượng gửi Xác nhận quyền mua chứng khoán cho cổ đông nhận chuyển nhượng để thực hiện việc đăng ký, nộp tiền mua chứng khoán mới phát hành thêm.
- Các cổ đông chưa lưu ký hoặc việc chuyển nhượng quyền mua sang cho các cổ đông chưa lưu ký được thực hiện tại tổ chức phát hành.

- Bước 3: Kết thúc thời hạn thực hiện quyền.
  - Kết thúc thời gian đăng ký thực hiện quyền ưu tiên mua trước cổ phần, thành viên lưu ký lập Báo cáo tình hình thực hiện quyền mua chứng khoán tại thành viên lưu ký và Danh sách cổ đông thực hiện quyền (mua chứng khoán phát hành thêm) sau 01 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn thực hiện quyền.
  - Đồng thời thành viên lưu ký chuyển ngay tiền thanh toán mua chứng khoán của người đầu tư vào tài khoản tiền gửi đăng ký mua chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM tại ngân hàng chỉ định để Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM chuyển cho Hà Tiên 1.
- Bước 4: Phân phối chứng khoán
  - Vào ngày phát hành, Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM gửi Báo cáo phân bổ chứng khoán phát hành thêm đến các thành viên lưu ký.

- Thành viên lưu ký hạch toán số chứng khoán phát hành thêm vào tài khoản lưu ký chứng khoán chưa niêm yết. Khi cổ phiếu được thông báo chính thức niêm yết, thành viên lưu ký sẽ tự động chuyển khoản từ chứng khoán chưa niêm yết sang chứng khoán niêm yết trên tài khoản lưu ký của người đầu tư.
- Đối với cổ đông chưa lưu ký thì cổ phiếu được phân phối trực tiếp tại trụ sở tổ chức phát hành.

9. PHƯƠNG THỨC THỰC HIỆN QUYỀN MUA TRƯỚC CỔ PHIẾU PHÁT HÀNH THÊM CỦA CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU:

❖ **Điều kiện thực hiện quyền:**

- Người sở hữu quyền mua do là cổ đông của Công ty, có tên trong Danh sách sở hữu cuối cùng, cứ sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được tương ứng 01 quyền mua.
- Người sở hữu quyền mua do mua lại, được cho, thừa kế quyền mua của cổ đông có tên trong Danh sách sở hữu cuối cùng và đã thực hiện thủ tục chuyển nhượng sở hữu quyền mua theo quy định.

❖ **Thời gian thực hiện quyền:**

- Thời gian thực hiện quyền là 20 ngày kể từ ngày Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM phân bổ quyền mua đến các thành viên lưu ký.
- Thời gian chuyển nhượng quyền kể từ ngày Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM phân bổ quyền mua đến các thành viên lưu ký và kết thúc trước 2 ngày làm việc so với hạn cuối đăng ký thực hiện quyền.

❖ **Tỷ lệ thực hiện quyền:**

- Cổ đông hiện hữu sở hữu 100 quyền được mua thêm 26 cổ phiếu phát hành thêm. Đối với số cổ phiếu lẻ (nếu có) phát sinh khi thực hiện quyền, để không vượt quá số lượng phát hành, số lượng cổ phiếu phát hành thêm mà cổ đông sở hữu quyền được mua sẽ được làm tròn xuống đến đơn vị.

❖ **Các điều khoản có liên quan:**

- Người sở hữu quyền mua có quyền từ chối mua toàn bộ hoặc một phần số lượng cổ phiếu phát hành theo quyền mua trong thời gian thực hiện quyền.
- Kết thúc thời gian thực hiện quyền, nếu quyền mua không được thực hiện, tất cả các quyền lợi liên quan đến quyền mua sẽ đương nhiên chấm dứt và tổ chức phát hành không phải thanh toán cho người sở hữu quyền bất cứ một khoản phí nào.
- Người sở hữu quyền mua được bán, cho, tặng toàn bộ hoặc một phần số lượng

quyền mua nắm giữ trong thời hạn có hiệu lực, nhưng phải thực hiện thủ tục chuyển nhượng cho người nhận chuyển nhượng theo quy định về chuyển nhượng quyền.

- Trong trường hợp bị mất hoặc thất lạc giấy Thông báo sở hữu quyền mua, người sở hữu quyền mua cũng có thể thực hiện quyền của mình tại nơi mở tài khoản lưu ký hoặc tại Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 (trong trường hợp chưa lưu ký cổ phiếu). Tuy nhiên người thực hiện quyền phải điền vào giấy báo mất trong đó có cam kết chịu mọi trách nhiệm có liên quan về việc thực hiện quyền của mình.
- Sau khi kết thúc đợt phát hành cho các cổ đông hiện hữu, số cổ phần lẻ phát sinh và số cổ phần do cổ đông hiệu hữu không thực hiện quyền sẽ được ủy quyền cho HĐQT thực hiện phân phối tiếp cho Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng theo nguyên tắc không thuận lợi hơn so với các cổ đông hiện hữu.

10. GIỚI HẠN VỀ TỶ LỆ NẮM GIỮ ĐỐI VỚI NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

Sau khi được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân theo quy định tại Quyết định số 238/2005/QĐ-TTg ngày 29/09/2005 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam và thông tư số 90/2005/TT-BTC ngày 17/10/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Quyết định số 238/2005/QĐ-TTg, trong đó qui định tổ chức, cá nhân nước ngoài mua, bán cổ phiếu trên Thị trường Chứng khoán Việt Nam được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu niêm yết của tổ chức phát hành.

11. SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU HẠN CHẾ CHUYỂN NHƯỢNG THEO QUY ĐỊNH CỦA LUẬT HOẶC TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Cổ phiếu phát hành thêm được tự do chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.

12. CÁC LOẠI THUẾ CÓ LIÊN QUAN

Đối với hoạt động đầu tư chứng khoán

Kể từ ngày 01/01/2009, các tổ chức và cá nhân phải nộp thuế thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán và được lựa chọn 02 phương pháp tính thuế thu nhập như sau:
Cách 1:

Thuế thu nhập phải nộp = Thu nhập tính thuế x thuế suất.

Trong đó:

- Thu nhập tính thuế được xác định bằng giá bán chứng khoán trừ (-) giá mua và các chi phí liên quan đến việc chuyển nhượng. Với chi phí liên quan đến việc chuyển nhượng chứng khoán là các khoản chi phí thực tế phát sinh có chứng từ,

hóa đơn hợp pháp, bao gồm: phí nhận chuyển nhượng và phí chuyển nhượng chứng khoán, phí lưu ký chứng khoán, chi phí ủy thác chứng khoán và các khoản chi phí khác.

- Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán là 20% trên thu nhập tính thuế cả năm chỉ áp dụng đối với trường hợp đối tượng nộp thuế đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về kế toán, hóa đơn, chứng từ, xác định được thu nhập tính thuế và đăng ký thực hiện ổn định với cơ quan thuế từ tháng 12 của năm trước.

Cách 2: Đối với các trường hợp khác ngoài trường hợp trên, áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Thuế thu nhập doanh nghiệp:

Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong vòng hai năm kể từ năm 2007 và được giảm 50% số thuế phải nộp trong 2 năm tiếp theo.

Thuế tài nguyên

Thuế tài nguyên được nộp trên sản lượng đá khai thác tại mỏ đá Vĩnh Tân với thuế suất là 4%

Thuế giá trị gia tăng

Thuế suất thuế giá trị gia tăng đối với xi măng, gạch vữa, clinker là 10%.

Thuế xuất nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

13. NGÂN HÀNG MỞ TÀI KHOẢN PHONG TỎA NHẬN TIỀN MUA CỔ PHẦN:

Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – Sở Giao dịch II (BIDV-SGD II)

Địa chỉ: 11 Bến Chương Dương, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM

Số Tài khoản: 13010000062478

VI. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN RIÊNG LẺ

Công ty thực hiện chào bán riêng lẻ cho Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng 392.480 cổ phiếu tương đương 3.924.800.000 đồng (tính theo mệnh giá). Giá chào bán được ủy quyền cho HĐQT quyết định theo nguyên tắc không thuận lợi hơn so với các cổ đông hiện hữu.

Thời gian thực hiện là cùng với đợt phát hành cổ phiếu ra công chúng, dự kiến là trong Quý 2 năm 2009.

VII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

1. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN:

Đợt phát hành cổ phiếu lần này thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường năm 2007 số 01/NQĐHĐCĐ-HT1 ngày 05/12/2007 và Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường năm 2008 số 02/12NQĐHĐCĐ-HT1/2008 ngày 09/12/2008 được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Mục đích của đợt chào bán

- Đầu tư tài sản cố định theo phương án hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2007 -2010 đã được ĐHĐCĐ thông qua ngày 27/12/2006.
- Tài trợ vốn cho các dự án của Công ty đang triển khai xây dựng; dự kiến đầu năm 2008 sẽ đưa vào hoạt động
    - o Dự án đầu dư xây dựng Trạm tiếp nhận nghiền và phân phối xi măng phía Nam
    - o Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy xi măng Bình Phước

2. PHƯƠNG ÁN KHẢ THI

Thông tin về dự án đầu tư được lấy từ báo cáo khả thi do Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 lập.

2.1 Dự án Trạm tiếp nhận, nghiền và phân phối xi măng phía Nam :

a. Giới thiệu dự án:

- Trên cơ sở nhu cầu xi măng thực tế của thị trường khu vực IV ngày càng tăng cao do sự bùng nổ của ngành xây dựng và tình hình thực tế năng suất sản xuất của Hà Tiên 1 không đáp ứng được nhu cầu tiêu thụ của thị trường, Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên quyết định triển khai dự án Trạm tiếp nhận nghiền và phân phối xi măng Phía Nam vào năm 2006 để tăng công suất thiết kế, đáp ứng tốt hơn các đơn hàng ngày càng nhiều của Công ty. Thời gian dự kiến để thực hiện dự án là 28 tháng.
- Trạm nghiền này được xây dựng tại ấp Tân Điền, phường Phú Hữu, Quận 9 với diện tích đất sử dụng là 20,2 ha.
- Trạm nghiền được thiết kế với công suất 1 triệu tấn xi măng/năm.
- Công nghệ sản xuất thiết kế cho trạm nghiền là công nghệ nghiền hiện đại và tiên tiến, đảm bảo các yêu cầu về chi phí sản xuất thấp, giảm thiểu tác động môi trường, cho phép chuyển đổi sản phẩm nhanh, phù hợp với đặc điểm và điều kiện chất lượng, khả năng cung ứng của nhà máy.
- Toàn bộ máy móc trang thiết bị chính cho trạm nghiền đều được mua

mới 100% do Châu Âu sản xuất.

- Với tiến độ thực hiện như hiện nay, trạm nghiền sẽ được đưa vào hoạt động vào cuối năm 2008.

b. **Nguồn vốn đầu tư**: Tổng mức vốn đầu tư lên đến 917 tỷ đồng, được huy động từ các nguồn*:*

Đơn vị : tỷ đồng

STT	Nội dung	2006	2007	2008	Tổng cộng
1	Vốn tự có	107,894	17,120	62,225	187,239
2	Vốn vay	-	137,800	592,920	730,720
	TỔNG VỐN ĐẦU TƯ	107,894	154,920	655,145	917,959

Nguồn: Hà Tiên 1

c. **Cơ cấu vốn đầu tư**:

Đơn vị: tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	GIÁ TRỊ	THUẾ VAT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ
1	**Đầu tư cơ bản**	**621**	**28**	**649**
1.1	*Thiết bị*	*350*	*2,7*	*352,7*
1.2	*Xây dựng*	*257*	*24*	*281*
1.3	*Lắp đặt*	*14*	*1,3*	*15,3*
2	Chi phí khác	124	2	126
3	Dự phòng 10%	75	3	78
4	Lãi vay trong thời gian xây dựng	53	-	53
5	Vốn lưu động	12	-	12
	Tổng vốn đầu tư	**885**	**33**	**918**

Nguồn: Hà Tiên 1

d. Tiến độ dự án

- Năm 2007 : Thực hiện 60 – 70% giá trị tất cả các gói thầu của dự án.
- Năm 2008 :Hoàn tất các gói thầu dự án.
- Quý II/2009: Đưa dự án vào hoạt động và khai thác tấn xi măng đầu tiên

Biểu đồ so sánh tiến độ đầu tư dự án so với kế hoạch đến T2/2009

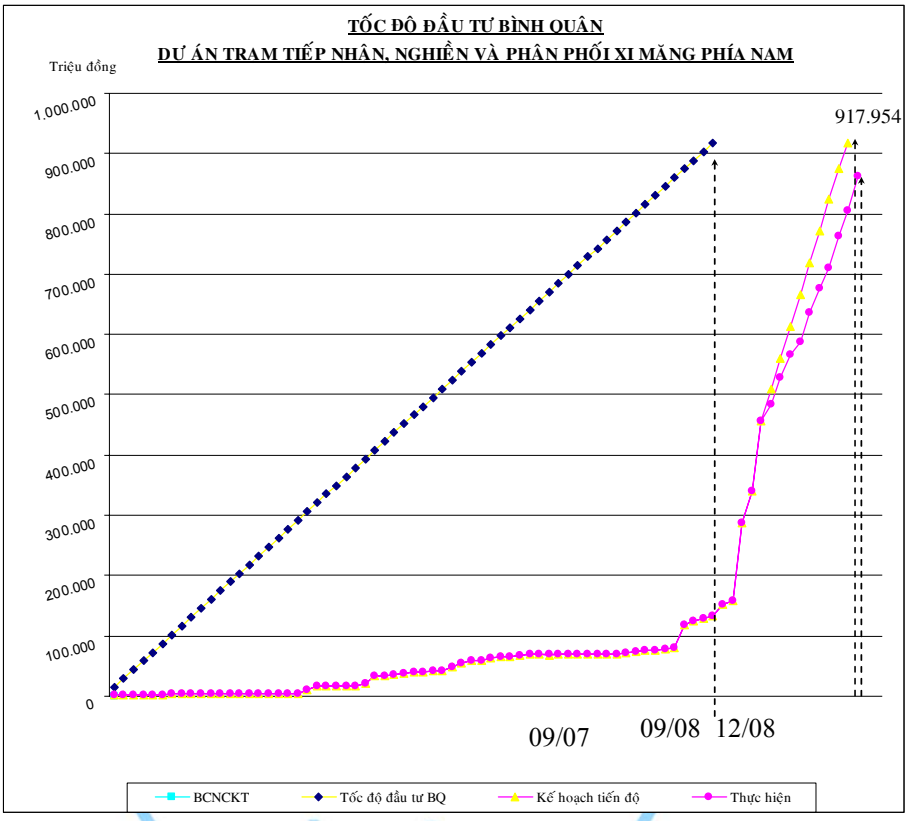

(BCNCKT: báo cáo nghiên cứu khả thi)

Nguồn: Báo cáo tiến độ vốn đầu tư dự án – Hà Tiên 1

Hiện nay nguồn vốn đầu tư cho dự án đang được thực hiện theo sát kế hoạch triển khai. Dự kiến Quý II/2009, dự án sẽ được đưa vào hoạt động.

e. Phân tích tính khả thi của dự án

Nước ta đang trong giai đoạn phát triển nên nhu cầu phát triển xây dựng cơ bản là thiết yếu, do vậy nhu cầu tiêu thụ xi măng trong những năm tới sẽ khá cao. Với thị phần rộng lớn và thương hiệu mạnh của Hà Tiên 1 hiện nay, việc mở rộng quy mô sản xuất cả về chiều rộng lẫn chiều sâu như hiện nay là hoàn toàn hợp lý.

Tỷ lệ thu nhập nội bộ và hiện giá thu nhập ròng của dự án

Chỉ tiêu	Giá trị
NPV (đồng)	219.533.653.000
IRR	13,73%
Thời gian hoàn vốn (năm)	7

Ngoài việc nâng cao tính hiệu quả trong hoạt động kinh doanh của Công ty, dự án này còn góp phần điều tiết cung-cầu, bình ổn giá xi măng trên phạm vi cả nước; nâng cao tính cạnh tranh của sản phẩm xi măng trên thị trường các nước trong khu vực và trên thế giới đặc biệt trong giai đoạn hội nhập như hiện

nay.

f. Kế hoạch doanh thu và lợi nhuận cho giai đoạn từ 2009 – 2012:

Chỉ tiêu	2009	2010	2011	2012
Sản lượng (triệu tấn)	860.000	1.000.000	1.000.000	1.000.000
Doanh thu (tỷ đồng)	987,25	1.148,30	1.148,30	1.148,30
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	33,08	38,48	45,96	53,04

Nguồn: Hà Tiên 1

2.2 Dự án Nhà máy Xi măng Bình Phước :

a. Giới thiệu dự án:

- Nhằm đáp ứng nhu cầu tự cung cấp clinker sử dụng trong việc sản xuất xi măng để giảm chi phí sản xuất, tăng công suất thiết kế đáp ứng nhu cầu tiêu thụ ngày một tăng của thị trường, Công ty đã triển khai dự án xây dựng nhà máy xi măng Bình Phước vào năm 2006. Thời gian dự kiến để thực hiện dự án là 44 tháng.
- Nhà máy chính được đặt tại ấp Thanh Bình, xã Thanh Lương, huyện Bình Long tỉnh Bình Phước với diện tích sử dụng đất là 78 ha. Trạm tiếp nhận, nghiền và phân phối xi măng đặt tại khu công nghiệp Phú Hữu, Quận 9 với diện tích sử dụng đất là 13 ha.
- Nhà máy xi măng Bình Phước được thiết kế với công suất 1.760.000 tấn clinker/năm và 2.200.000 tấn xi măng/năm.
- Công nghệ sản xuất xi măng tại nhà máy này là công nghệ sản xuất xi măng bằng lò quay theo phương pháp khô, thiết bị sản xuất nhập khẩu từ các nước Châu Âu với kỹ thuật và công nghệ hiện đại đạt trình độ tiên tiến trên thế giới. 70% máy móc thiết bị được nhập khẩu mới 100%, tính về mặt giá trị.
- Nguồn nguyên liệu sản xuất clinker đã được thăm dò đảm bảo đủ cung cấp cho nhà máy hoạt động trong thời gian 50 năm.
- Với tiến độ thực hiện như hiện nay, ước tính, nhà máy xi măng Bình Phước sẽ sản xuất tấn xi măng đầu tiên vào Quý II/2009.

b. Nguồn vốn đầu tư: Tổng vốn đầu tư là 4.749,38 tỷ đồng

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Nội dung	2006	2007	2008	2009	Tổng cộng
1	Vốn tự có	329,610	133,120	161,970	121,340	746,040
2	Vốn vay	-	560,980	2.765,970	676,390	4.003,340
	Tổng vốn đầu tư	329,610	694,100	2.927,940	797,730	4.749,38

c. Cơ cấu vốn đầu tư

Đơn vị: tỷ đồng

	Nội dung	Giá trị trước thuế	Thuế GTGT	Giá trị sau thuế
1	**Chi phí cố định**	**4.484**	**77**	**4.561**
1.1	*Chi phí xây lắp*	*1.075*	*54*	*1.128*
1.2	*Chi phí thiết bị*	*2.122*	*14*	*2.136*
1.3	*Chi phí khác*	*452*	*9*	*461*
1.4	*Dự phòng*	*365*	*-*	*365*
1.5	*Lãi vay trong thời gian XDCB*	*470*	*-*	*470*
2	**Vốn lưu động**	**188**	**-**	**188**
	Tổng vốn đầu tư	**4.672**	**77**	**4.749**

d. Tiến độ dự án

- Năm 2007 : Thực hiện 30 – 40% giá trị các gói thầu.
- Năm 2008 : Hoàn thành tất cả các gói thầu.
- Năm 2009 : Phấn đấu đưa Nhà máy xi măng Bình Phước vào hoạt động.

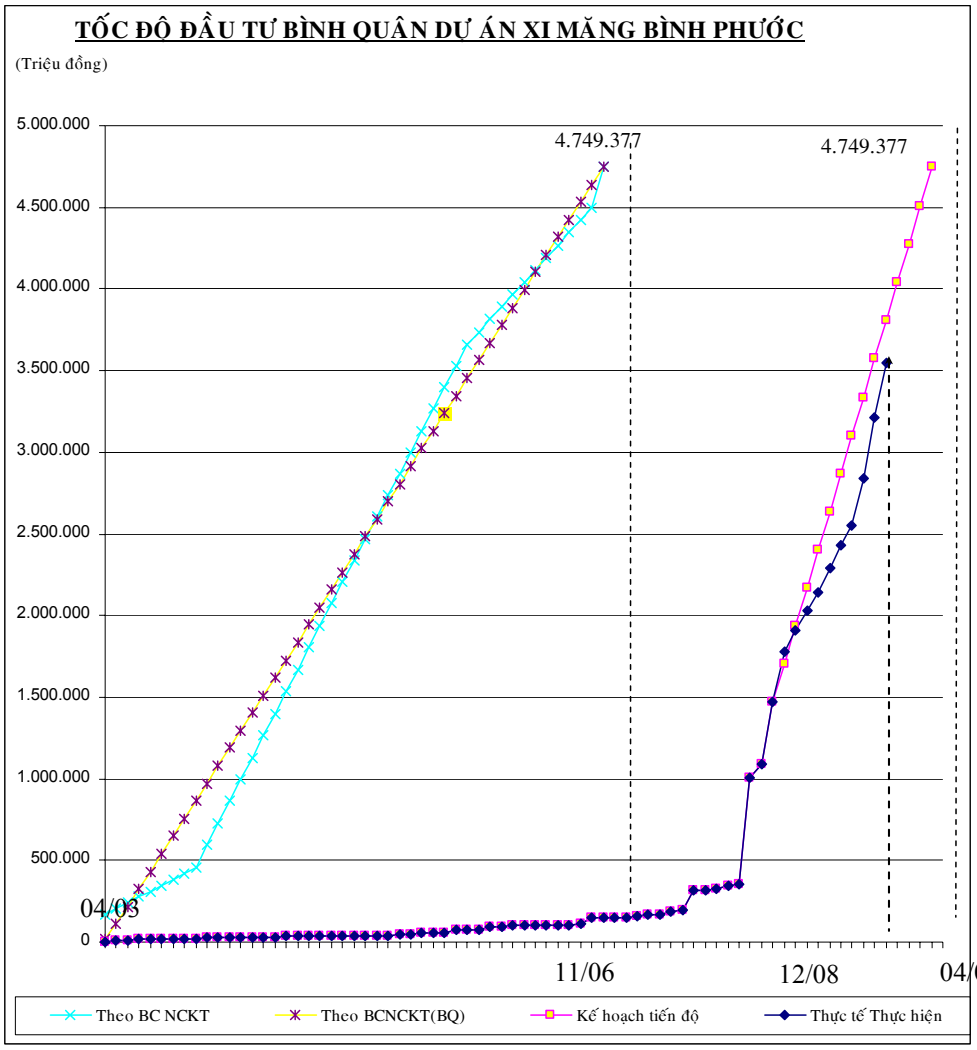

Biểu đồ so sánh tiến độ đầu tư dự án so với kế hoạch đến T2/2009

BCNCKT: Báo cáo nghiên cứu khả thi

Nguồn: Hà Tiên 1

e. Phân tích tính khả thi của dự án

Với tình hình thực tế là chi phí clinker chiếm hơn 70% tổng giá vốn hàng bán nhưng nguồn clinker Công ty sử dụng hoàn toàn phụ thuộc vào nguồn cung cấp bên ngoài, lợi nhuận đạt được của Công ty hoàn toàn bị chi phối bởi giá bán clinker của nhà cung cấp. Việc đưa nhà máy Bình Phước vào hoạt động ngoài việc tăng thêm công suất sản xuất đáp ứng nhu cầu xi măng đang tăng lên như đã đề cập ở dự án Trạm tiếp nhận nghiền và phân phối phía Nam, dự án này còn góp phần làm tăng thêm lợi nhuận của Công ty một cách đáng kể. Ước tính cứ mỗi tấn clinker tự sản xuất sẽ tiết kiệm được từ 160.000 VNĐ – 240.000 VNĐ. Như vậy, với công suất thiết kế hiện tại là 1.500.000 tấn/năm thì ước tính ít nhất lợi nhuận của Công ty sẽ tăng thêm 240 tỷ - 360 tỷ.

Hiện nay, Công ty đã xây dựng và phát triển mạng lưới phân phối tại các tỉnh vùng Tây Nguyên và Nam trung bộ để đảm bảo nguồn tiêu thụ sản phẩm khi Nhà máy Bình Phước đi vào hoạt động. Thị phần của Hà Tiên 1 tại thị trường

này vào khoảng 10%.

Tỷ lệ thu nhập nội bộ và hiện giá thu nhập ròng của dự án

Chỉ tiêu	Giá trị
NPV (đồng)	1.124.867.121.000
IRR	12,26%
Thời gian hòan vốn (năm)	9 năm 6 tháng

f. Kế hoạch doanh thu và lợi nhuận cho giai đoạn từ 2009– 2012:

Chỉ tiêu	2009	2010	2011	2012
Sản lượng (triệu tấn)	300.000	1.200.000	2.000.000	2.000.000
Doanh thu (tỷ đồng)	1.156	1.964	1.964	1.964
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	9,95	39,83	67,67	93,33

Nguồn: Hà Tiên 1

VIII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Kết thúc đợt phát hành, tổng số tiền thu được từ đợt phát hành là 299 tỷ. Công ty sẽ sử dụng số tiền huy động được bổ sung vốn cho 2 dự án đã nêu với kế hoạch như sau:

Đơn vị tính: ngàn đồng

Dự án	Tổng số vốn huy động dự kiến	Phân bổ vốn huy động	
		Quý I/2009	Quý II/2009
Dự án Trạm tiếp nhận nghiền và phân phối xi măng phía Nam	79.000.000	79.000.000	-
Dự án Nhà máy Bình Phước	214.897.760	110.000.000	104.897.760
Tổng cộng	**293.897.760**	**189.000.000**	**104.897.760**

IX. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

1. TỔ CHỨC CHÀO BÁN

Tên : Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1

Trụ sở chính : Km 8 Đường Hà Nội Quận Thủ Đức Tp.HCM

Điện thoại : (84.4) 896 6608 Fax : (84.4) 896 7635

Website : www.hatien1.com.vn

2. TỔ CHỨC TƯ VẤN VÀ BẢO LÃNH PHÁT HÀNH

Tên : Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt (VCSC).

Trụ sở chính : 67 Hàm Nghi Phường Nguyễn Thái Bình Quận 1 Tp.HCM

Điện thoại : (84.4) 914 3588 Fax : (84.4) 914 3209

Website : www.vcsc.com.vn

3. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

Tên : Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)

Địa chỉ : 229 Đồng Khởi, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84.8) 8272295 Fax : (84.8) 8272300

Website : www.auditconsult.com.vn

X. PHỤ LỤC

PHỤ LỤC I : GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ KINH DOANH

PHỤ LỤC II : ĐIỀU LỆ CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

PHỤ LỤC III : BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN NĂM 2005

PHỤ LỤC IV : BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN NĂM 2006

PHỤ LỤC V : BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN TẠI NGÀY 17/01/2007

PHỤ LỤC VI : BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN NĂM 2007

PHỤ LỤC VII : BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III/2008

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

NGUYỄN NGỌC ANH

GIÁM ĐỐC	TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT	TRƯỞNG PHÒNG KẾ TOÁN THỐNG KÊ TC
NGÔ MINH LÃNG	TRẦN MINH HUY	PHẠM NHẬT ĐÌNH CƯỜNG